BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN CẦN

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2020

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

TP. Hồ Chí Minh, năm 2008

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

VÕ VĂN CẦN

THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2020

Chuyên ngành: Kinh tế - Tài chính - Ngân Hàng

Mã số: 60.31.12

LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

PGS.TS. PHAN THỊ BÍCH NGUYỆT

TP. Hồ Chí Minh, năm 2008

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành chương trình cao học và viết luận văn này, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ và góp ý nhiệt tình của quý thầy cô trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và trường Đại học Nha Trang.

Trước hết, tôi xin chân thành cảm ơn đến quí thầy cô trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, đặc biệt là những thầy cô đã tận tình dạy bảo cho tôi suốt thời gian học tập tại trường.

Tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến Phó giáo sư – Tiến sĩ Phan Thị Bích Nguyệt đã dành rất nhiều thời gian và tâm huyết hướng dẫn nghiên cứu và giúp tôi hoàn thành luận văn tốt nghiệp.

Nhân đây, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Giám hiệu trường Đại học Nha Trang cùng quí thầy cô trong Khoa Kinh tế đã tạo rất nhiều điều kiện để tôi học tập và hoàn thành tốt khóa học.

Đồng thời, tôi cũng xin cảm ơn quí anh, chị và ban lãnh đạo sở Thương mại – Du lịch, sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế Khánh Hòa, Cục Thống kê Khánh Hòa… đã tạo điều kiện cho tôi điều tra khảo sát để có dữ liệu viết luận văn.

Mặc dù tôi đã có nhiều cố gắng hoàn thiện luận văn bằng tất cả sự nhiệt tình và năng lực của mình, tuy nhiên không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những đóng góp quí báu của quí thầy cô và các bạn.

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2008

Học viên

Võ Văn Cần

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng toàn bộ những nội dung và số liệu trong luận văn này do tôi tự nghiên cứu, khảo sát và thực hiện.

Học viên thực hiện luận văn

Võ Văn Cần

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU…… 1

Chương 1: TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH..... 4

1.1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ…… 4

1.1.1. Khái niệm về đầu tư……... 4

1.1.2. Phân loại đầu tư…….. 6

1.2. CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ……. 7

1.2.1. Nguồn vốn đầu tư trong nước……..... 7

1.2.2. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài…… 10

1.3. DU LỊCH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH……. 12

1.3.1. Khái niệm về du lịch…….. 12

1.3.2. Sự cần thiết phải thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch……. 13

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH…… 15

1.4.1. Sự ổn định về kinh tế, chính trị - xã hội và luật pháp đầu tư……. 15

1.4.2. Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch của địa phương….. 16

1.4.3. Chính sách thu hút vốn đầu tư ở địa phương……. 17

1.4.4. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng……..... 18

1.4.5. Sự phát triển của đội ngũ lao động, của trình độ khoa học- công nghệ…. 18

1.4.6. Sự phát triển của nền hành chính quốc gia……..... 19

1.4.7. Hiệu quả của các dự án thu hút đầu tư đã triển khai trong ngành……..... 19

1.5. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ…….. 20

1.5.1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế……. 20

1.5.2. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội…….. 23

1.6. KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN VÀ DU KHÁCH CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ASEAN…….. 25

1.6.1. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Malaysia……. 25

1.6.2. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Thái Lan…….. 28

1.6.3. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Singapore……..... 31

Chương 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA TRONG THỜI GIAN QUA……..... 36

2.1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA……..... 36

2.1.1. Chỉ tiêu khách du lịch và doanh thu du lịch…….. 36

2.1.2. Điều kiện trang bị cơ sở vật chất……... 38

2.1.3. Hoạt động kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch…… 40

2.1.4. Về xây dựng và khai thác các tuyến, điểm du lịch……..... 41

2.1.5. Về hoạt động đón khách du lịch tàu biển…….. 41

2.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA……..... 42

2.2.1. Điều kiện tự nhiên……. 42

2.2.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông……. 45

2.2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội…… 47

2.2.4. Hệ thống thông tin liên lạc……. 48

2.2.5. Hệ thống các dịch vụ tài chính - ngân hàng……... 48

2.2.6. Chính sách thu hút đầu tư…….. 49

2.2.7. Công tác xúc tiến đầu tư du lịch……..... 49

2.2.8. Tốc độ phát triển kinh tế…… 50

2.2.9. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội…… 51

2.3. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA TRONG THỜI GIAN QUA……. 53

2.3.1. Tình hình thu hút đầu tư trong ngành du lịch……..... 53

2.3.2. Phân tích tình hình đầu tư vốn vào ngành du lịch Khánh Hòa……..... 54

2.3.3. Phân tích nguồn vốn đầu tư trong nước……. 56

2.3.4. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài …… 60

2.4. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO DU LỊCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2001 – 2007…… 64

2.4.1. Đóng góp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa……..... 65

2.4.2. Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Khánh Hòa……. 66

2.4.3. Tác động đến tăng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa……..... 67

2.4.4. Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương…... 68

2.4.4. Góp phần đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính……..... 69

2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA ……. 70

2.5.1 Những thành công trong công tác thu hút các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa thời gian vừa qua…… 70

2.5.2 Những tồn tại trong thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa thời gian vừa qua…….. 72

Chương 3: NHỮNG GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN 2020…… 76

3.1.QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ... 76

3.1.1. Các quan điểm phát triển du lịch đến năm 2020……... 76

3.1.2. Mục tiêu phát triển du lịch đến năm 2020……. 77

3.2. DỰ BÁO GDP, NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2020……. 79

3.2.1. Dự báo GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020……. 79

3.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020…… 80

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ ĐẢM BẢO NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2020…… 83

3.3.1. Huy động nguồn vốn từ các doanh nghiệp và tư nhân trong nước…….. 84

3.3.2. Tiếp tục thúc đẩy phát triển các định chế tài chính nhằm tiếp vốn cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch Khánh Hòa…….. 85

3.3.3. Huy động vốn qua thị trường vốn đầu tư mạo hiểm…… 89

3.3.4.Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)…….. 91

3.4. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ ĐỒNG BỘ TRONG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO DU LỊCH KHÁNH HÒA…… 93

3.4.1. Thu hút đầu tư phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 theo hướng bền vững…….. 93

3.4.2. Sử dụng hợp lý nguồn vốn NSNN để hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch… 95

3.4.3. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch, hợp tác liên kết vùng, tìm kiếm và mở rộng thị trường…… 97

3.4.4. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch……..... 100

3.4.5. Các doanh nghiệp du lịch cần phải đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch……. 101

3.4.6. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư lành mạnh 103

3.4.7. Tăng cường công tác hỗ trợ các nhà đầu tư hiện có…….. 104

KẾT LUẬN……..... 107

TÀI LIỆU THAM KHẢO……... 109

PHỤ LỤC……. 111

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. Tiếng Anh:

ADB:	Ngân hàng phát triển châu Á (Asian Development Bank)
BOT:	Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Build - Operation - Transfer)
BT:	Xây dựng - Chuyển giao (Build – Transfer)
BTO:	Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh (Build - Transfer - Operation)
BTMICE:	Du lịch - Thương mại- Gặp gỡ -Khen thưởng - Hội nghị - Triển lãm (Business – Traveller – Meetings - Incentives - Conventions - Exhibitions)
MICE:	Gặp gỡ -Khen thưởng - Hội nghị - Triển lãm (Meetings – Incentives – Conventions –Exhibitions)
FDI:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment)
GDP:	Tổng sản phẩm nội địa (Gross Domestic Product)
ODA:	Viện trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance)
WB:	Ngân hàng thế giới (World Bank)
WTO:	Tổ chức thương mại thế giới (World Trade Organization)

2. Tiếng Việt

DNNN:	Doanh nghiệp nhà nước
ĐTNN:	Đầu tư nước ngoài
KH-ĐT:	Kế hoạch – Đầu tư
NĐT:	Nhà đầu tư
NN&PTNT:	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
NSNN:	Ngân sách nhà nước
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
UBND:	Ủy ban nhân dân

DANH SÁCH CÁC BẢNG VÀ ĐỒ THỊ

1. DANH SÁCH CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Hiện trạng cơ sở lưu trú của Khánh Hòa giai đoạn 2000 -2007…….. 38

Bảng 2.2: Số dự án đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2004 -2007 53

Bảng 2.3: Tình hình thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001-2007…….. 55

Bảng 2.4: Tình hình đầu tư vốn ngân sách nhà nước vào cơ sở hạ tầng du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001-2007……. 56

Bảng 2.5: Phân loại vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa theo năm đầu tư ……... 60

Bảng 2.6 : Phân loại vốn đầu tư từ nước ngoài vào ngành du lịch Khánh Hòa theo hình thức đầu tư ……..... 62

Bảng 2.7: Phân tích hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2001 -2006…… 63

Bảng 3.1: Dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020……. 80

Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020……. 81

Bảng 3.3. Dự báo nguồn vốn NSNN và vốn tái đầu tư từ các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành du lịch giai đoạn 2010 – 2020…… 82

Bảng1.PL. Du khách và doanh thu ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001 - 2007…… 112

Bảng 2.PL: Tình hình lạm phát Việt Nam và CPI qua các năm ……..... 112

Bảng 3. PL: Cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa từ năm 2000 đến 2007…….. 112

Bảng 4.PL: Tác động của thu hút đầu tư vào du lịch đối với hoạt động kinh tế xã hội của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007…….. 113

Bảng 5.PL: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tỉnh đến 31/12/2007…… 114

Bảng 6.PL: Bảng tổng hợp kinh phí chương trình phát triển du lịch Khánh Hòa …….. 115

Bảng 7.PL: Các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch giai đoạn 2006-2010……. 117

2. DANH SÁCH ĐỒ THỊ

Đồ thị 2.1: Doanh thu và số lượng du khách tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 -2007……. 37

Đồ thị 2.2: Tình hình đầu tư cơ sở lưu trú và số phòng nghỉ ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007…….. 39

Đồ thị 2.3: Đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào tổng sản phẩm của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007……. 65

Đồ thị 2.4: Biểu diễn cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2000 – 2007…… 66

Đồ thị 2.5: Đóng góp ngân sách của ngành du lịch vào tổng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007…….. 68

Đồ thị 2.6: Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007……. 69

Bản đồ 1.PL: Bản đồ du lịch tỉnh Khánh Hòa..... 111

LỜI MỞ ĐẦU

1.Tính cấp thiết của đề tài

Thời gian qua, được sự quan tâm chỉ đạo, ủng hộ tạo điều kiện của lãnh đạo tỉnh, tổng cục Du lịch và các Bộ ngành Trung ương, đồng thời có sự phối hợp và hỗ trợ của chính quyền địa phương các cấp cũng như sự quan tâm của các nhà đầu tư, ngành du lịch Khánh Hòa đã đưa ra định hướng phát triển mới đi vào chất lượng hơn, và đã thu được những kết quả nhất định trong việc thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển du lịch, thể qua số lượng vốn tăng nhanh, các kênh kênh huy động vốn ngày càng đa dạng, thu hút nhiều thành phần kinh tế tham gia đầu tư... Nhiều dự án đang và sẽ triển khai như khu du lịch và vui chơi giải trí Sông Lô, trung tâm thương mại và khách sạn Toàn Cầu, khu dân cư du lịch sinh thái Phú Quý, khu du lịch sinh thái Cam Ranh, làng du lịch sinh thái và công viên nước Vinpearl... đã minh chứng cho điều này.

Theo Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg, ngày 31 tháng 10 năm 2006 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020" xác định phương hướng phát triển du lịch Khánh Hòa thành một ngành kinh tế có đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế của tỉnh. Duy trì tăng trưởng doanh thu du lịch bình quân 16%/năm, tăng trưởng về lượt khách du lịch bình quân 10%/năm. Phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển. Đa dạng hóa các sản phẩm du lịch; đẩy mạnh xúc tiến và tiếp thị du lịch, xây dựng và quảng bá thương hiệu du lịch Khánh Hòa ra thị trường thế giới, tìm kiếm mở rộng thị trường mới; đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng, dịch vụ phục vụ du lịch; tổ chức các tuyến du lịch và nối các tuyến du lịch trong tỉnh với các tuyến du lịch của cả nước; từng bước nâng cao tiêu chuẩn của ngành du lịch ngang tầm quốc tế.

Để đạt được mục tiêu và phương hướng đã đề ra đòi hỏi cần có một nguồn lực tài chính nhất định. Nhu cầu các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển kinh tế ngày càng gia tăng, trong khi khả năng đáp ứng nguồn từ NSNN lại có giới hạn; do vậy, nếu chỉ chú trọng đến nguồn vốn đầu tư từ NSNN mà không có cơ chế, chính sách, giải pháp để huy động các nguồn lực tài chính khác từ các khu vực doanh nghiệp, tư nhân, các định chế tài chính trung gian, các nhà đầu tư nước ngoài... thì không thể đáp ứng được vốn cho đầu tư phát triển kinh tế nói chung và ngành du lịch nói riêng.

Những năm qua, cùng với sự phát triển của ngành du lịch cả nước, du lịch Khánh Hòa đã có những bước phát triển vượt bật. Khách nội địa và quốc tế tăng liên tục trong những năm gần đây và do đó làm cho doanh thu du lịch đạt tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn 1995 – 2005 là 22,43%. Điều này đã góp phần làm tăng tỷ trọng dịch vụ trong tổng thu nhập của tỉnh, tạo tiền đề đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhà. Cho đến nay, Khánh Hòa được biết đến như là một trung tâm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí nổi tiếng trong cả nước, có sức hút mạnh mẽ du khách cũng như các nhà đầu tư trong nước và quốc tế. Tuy nhiên, để phát triển ngành du lịch Khánh Hòa một cách bền vững đòi cần giải quyết hàng loạt vấn đề, trong đó vấn đề tìm kiếm các nguồn lực tài chính để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư nhằm khai thác một cách bền vững tiềm năng mà thiên nhiên ưu đãi cho tỉnh Khánh Hòa là vấn đề quan trọng có tính chiến lược. Với những lý do trên cùng với sự ham thích và mong muốn đóng góp vào công tác quy hoạch cho đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa - ngành kinh tế mũi nhọn - tôi chọn đề tài ***"Thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch Khánh Hòa đến năm 2020"*** làm luận văn tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu của đề tài: Trên cơ sở phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2001 -2007, tác giả đề

xuất một số biện pháp nhằm tăng cường thu hút các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu vốn cho ngành du dịch lịch tỉnh Khánh Hòa đến 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: Các nguồn vốn thuộc tất cả các thành phần kinh tế trong nước, kể cả nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài cho đầu tư phát triển ngành du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.

- Phạm vi nghiên cứu: Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư, các nguồn vốn đã được sử dụng để đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2001 – 2007, và định hướng sử dụng các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu: Sử dụng phương pháp chính là phương pháp thống kê mô tả để mô tả thực trạng thu hút các nguồn vốn đầu tư, và phương pháp định tính được áp dụng trong việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa.

5. Kết cấu luận văn: Ngoài lời mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, luận văn chia làm 3 chương như sau:

Chương 1: *Tổng quan về đầu tư và nguồn vốn đầu tư để phát triển du lịch.*

Chương 2: *Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 -2007.*

Chương 3: *Những giải pháp nhằm tăng cường thu hút vốn đầu tư cho phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020.*

Đây là lĩnh vực nghiên cứu tương đối rộng và cũng là lĩnh vực mà tỉnh Khánh Hòa rất quan tâm đầu tư phát triển. Đồng thời với năng lực về thực tiễn và thời gian còn ít nhiều hạn chế nên trong quá trình nghiên cứu không thể tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô và các bạn.

Chương 1

TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

Quyết định đầu tư có một vị trí quan trọng trong công tác quản trị tài chính, nó cũng là một nhân tố chủ yếu trong quá trình sinh lợi lâu dài, đặc biệt trong điều kiện nguồn lực tài chính bị hạn chế nhưng lại có nhiều cơ hội đầu tư để lựa chọn. Quá trình lựa chọn này rất phức tạp bởi vì đa số các cơ hội đầu tư đều dài hạn, còn kết quả của nó lại nằm trong tương lai xa và khó dự đoán. Vì vậy, những người làm công tác tài chính cần phải có các công cụ tài chính nhằm giúp họ trong việc so sánh những điểm lợi và bất lợi của các nguồn lực tài chính khác nhau, để từ đó có một quyết định đầu tư khôn ngoan.

1.1. TỔNG QUAN VỀ ĐẦU TƯ

1.1.1. Khái niệm về đầu tư

Hiện nay có rất nhiều khái niệm về đầu tư. Tuy nhiên, đứng trên các góc độ nghiên cứu khác nhau mà các nhà kinh tế học đưa đến các khái niệm về đầu tư cũng khác nhau như sau:

Theo nhà kinh tế học P.A Samuelson thì cho rằng: "Đầu tư là hoạt động tạo ra vốn tư bản thực sự, theo các dạng nhà ở, đầu tư vào tài sản cố định của doanh nghiệp như máy móc, thiết bị và nhà xưởng và tăng thêm hàng tồn kho. Đầu tư cũng có thể dưới dạng vô hình như giáo dục, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nghiên cứu, phát minh…". Trên góc độ làm tăng thu nhập cho tương lai, đầu tư được hiểu là việc từ bỏ tiêu dùng hôm nay để tăng sản lượng cho tương lai, với niềm tin, kỳ vọng thu nhập do đầu tư đem lại sẽ cao hơn các chi phí đầu tư.

Nhà kinh tế học John M.Keynes cho rằng: "Đầu tư là hoạt động mua sắm tài sản cố định để tiến hành sản xuất hoặc có thể là mua tài sản tài chính để thu lợi nhuận". Do đó, đầu tư theo cách dùng thông thường là việc

cá nhân hoặc công ty mua sắm một tài sản nói chung hay mua một tài sản tài chính nói riêng. Tuy nhiên, khái niệm này tập trung chủ yếu vào đầu tư tạo thêm tài sản vật chất mới (như máy móc, thiết bị, nhà xưởng…) và để thu về một khoản lợi nhuận trong tương lai. "Khi một người mua hay đầu tư một tài sản, người đó mua quyền để được hưởng các khoản lợi ích trong tương lai mà người đó hy vọng có được qua việc bán sản phẩm mà tài sản đó tạo ra". Quan niệm của ông đã nói lên kết quả của đầu tư về hình thái vật chất là tăng thêm tài sản cố định, tạo ra tài sản mới về mặt giá trị, kết quả thu được lớn hơn chi phí bỏ ra.

Còn theo Luật đầu tư (2005), "Đầu tư là việc nhà đầu tư bỏ vốn bằng các loại tài sản hữu hình hoặc vô hình để hình thành tài sản tiến hành các hoạt động đầu tư". Khái niệm này cho thấy đầu tư chỉ là việc bỏ vốn để hình thành tài sản mà không cho thấy được kết quả đầu tư sẽ thu được lợi ích kinh tế như thế nào nhằm thu hút đầu tư.

Một khái niệm chung nhất về đầu tư, đó là: "Đầu tư được hiểu là việc sử dụng một lượng giá trị vào việc tạo ra hoặc tăng cường cơ sở vật chất cho nền kinh tế nhằm thu được các kết quả trong tương lai lớn hơn lượng giá trị đã bỏ ra để đạt được các kết quả đó".

Khái niệm này về cơ bản đã thể hiện được bản chất của hoạt động đầu tư trong nền kinh tế, có thể áp dụng cho đầu tư của cá nhân, tổ chức và đầu tư của một quốc gia, vùng, miền. Đồng thời dựa vào khái niệm này để nhận diện hoạt động đầu tư, tức là căn cứ vào đó để thấy hoạt động nào là đầu tư, hoạt động nào không phải đầu tư theo những phạm vi xem xét cụ thể.

Từ khái niệm đầu tư ta có thể rút ra một số đặc điểm của đầu tư như sau:

Một là, hoạt động đầu tư thường sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau và thường sử dụng đơn vị tiền tệ để biểu hiện. Các nguồn lực đê đầu tư có thể bằng tiền, bằng các loại tài sản khác như máy móc thiết bị, nhà xưởng,

công trình xây dựng khác... thuộc nhiều hình thức sở hữu khác nhau như sở hữu nhà nước, tư nhân, nước ngoài...

Hai là, đầu tư cần phải xác định trong một khoảng thời gian nhất định (có thể nhiều năm, tháng....). Tuy nhiên thời gian càng dài thì mức độ rủi ro cũng càng cao bởi vì nền kinh tế luôn thay đổi, lạm phát có thể xảy ra... cũng như các nguyên nhân chủ quan khác có ảnh hưởng đến đầu tư.

Ba là, mục đích của đầu tư là sinh lời trên cả 2 mặt: Lợi ích về mặt tài chính - thông qua lợi nhuận gắn liền với quyền lợi của chủ đầu tư, và lợi ích về mặt xã hội - thông qua các chỉ tiêu kinh tế xã hội ảnh hưởng đến quyền lợi của xã hội hay cộng đồng.

1.1.2. Phân loại đầu tư

Căn cứ vào tính chất đầu tư mà người ta chia đầu tư ra làm 2 loại, đó là đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

1.1.2.1. Đầu tư trực tiếp

Theo Luật đầu tư (2005), đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư do nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư.

Nhà đầu tư có thể là Chính phủ thông qua các kênh khác nhau để đầu tư cho xã hội, điều này thể hiện chi tiêu của Chính phủ thông qua đầu tư các công trình, chính sách xã hội. Ngoài ra, người đầu tư có thể là tư nhân, tập thể... kể cả các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp vào Việt Nam. Tùy theo từng trường hợp cụ thể mà các chủ thể tham gia thể hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong quá trình đầu tư.

1.1.2.2. Đầu tư gián tiếp

Đầu tư gián tiếp là hình thức đầu tư thông qua việc mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các giấy tờ có giá khác, quỹ đầu tư chứng khoán và thông qua các định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không trực tiếp tham gia quản lý hoạt động đầu tư - Luật đầu tư (2005).

Như vậy, đầu tư gián tiếp là loại hình đầu tư mà trong đó người bỏ vốn ra và người sử dụng vốn không cùng một chủ thể. Đầu tư gián tiếp thông thường thông qua kênh tín dụng hay kênh đầu tư trên thị trường chứng khoán.

Giữa đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp có quan hệ chặt chẽ trong quá trình thực hiện đầu tư. Đầu tư trực tiếp là tiền đề để phát triển đầu tư gián tiếp, điều này thể hiện thông qua nhu cầu vay vốn của các doanh nghiệp từ các tổ chức tín dụng hay các doanh nghiệp phát hành cổ phiếu trên thị trường sơ cấp để huy động vốn. Mặt khác, môi trường đầu tư gián tiếp được mở rộng sẽ thúc đẩy việc đầu tư trực tiếp với mong đợi tiếp cận với các nguồn vốn được dễ dàng. Bởi vì một khi thị trường tài chính phát triển thì nhà đầu tư có nhiều cơ hội lựa chọn các nguồn vốn có chi phí sử dụng vốn thấp, và cũng có thể sử dụng lợi thế này làm gia tăng đòn bẩy tài chính để thực hiện ý đồ kinh doanh của mình.

1.2. CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

Muốn thực hiện công cuộc đầu tư cần có các nguồn lực đầu vào như sức lao động, tư liệu lao động, đối tượng lao động. Khoản tiền cần có để trang trải cho các nguồn lực đầu vào này gọi là vốn đầu tư. Rõ ràng, vốn đầu tư phải lấy từ trong số của cải mà cá nhân và tổ chức trong xã hội đã làm ra, sau khi trừ đi phần tiêu dùng của họ.

Để có chính sách thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế bền vững, cần phân loại nguồn vốn đầu tư và đánh giá đúng tầm quan trọng của từng nguồn vốn. Ở góc độ chung nhất trong phạm vi một quốc gia, nguồn vốn đầu tư được chia thành 2 nguồn: nguồn vốn đầu tư trong nước và nguồn vốn đầu tư nước ngoài.

1.2.1. Nguồn vốn đầu tư trong nước

Nguồn vốn trong nước thể hiện sức mạnh nội lực của một quốc gia. Nguồn vốn này có ưu điểm là bền vững, ổn định, chi phí thấp, giảm thiểu được rủi ro và tránh được hậu quả từ bên ngoài. Nguồn vốn trong nước bao

gồm vốn Nhà nước, vốn tín dụng, vốn của khu vực doanh nghiệp tư nhân và dân cư chủ yếu được hình thành từ các nguồn tiết kiệm trong nền kinh tế.

Mặc dù trong thời đại ngày nay, các đồng vốn nước ngoài ngày càng trở nên đặc biệt không thể thiếu được đối với các nước đang phát triển, nhưng nguồn vốn tiết kiệm từ trong nước vẫn giữ vai trò quyết định. Các nước Đông Á trong những năm 1960 mức tiết kiệm đạt được chỉ 10% hoặc ít hơn và đã vay nhiều thị trường vốn quốc tế, thế nhưng đến những năm 1990 tiết kiệm của các nước này cao hơn đáng kể, bình quân đạt 30%. Có thể nói, tiết kiệm luôn ảnh hưởng tích cực đối với tăng trưởng, nhất là ở những nước đang phát triển vì làm tăng vốn đầu tư. Hơn nữa, tiết kiệm đó là điều kiện cần thiết để hấp thụ vốn nước ngoài có hiệu quả, đồng thời giảm được sức ép về phía ngân hàng Trung ương trong việc hàng năm phải cung ứng thêm tiền để tiêu hóa ngoại tệ. Tiết kiệm trong nước được hình thành từ các khu vực sau:

- *Tiết kiệm của ngân sách nhà nước:* là số chênh lệch dương giữa tổng các khoản thu mang tính không hoàn lại (chủ yếu là thuế) với tổng chi tiêu thường xuyên của ngân sách. Tiết kiệm ở khâu tài chính này sẽ hình thành nên nguồn vốn đầu tư của nhà nước. Nghĩa là số thu nhập tài chính mà ngân sách tập trung được không thể xem ngay đó là nguồn vốn đầu tư của nhà nước, điều này còn tùy thuộc vào chính sách chi tiêu của ngân sách. Nếu quy mô chi tiêu dùng vượt quá số thu nhập tập trung thì nhà nước không có nguồn để tạo vốn cho đầu tư.

Đối với các nước đang phát triển, do tiết kiệm của nền kinh tế bị hạn chế bởi yếu tố thu nhập bình quân đầu người, cho nên, để duy trì sự tăng trưởng kinh tế và mở rộng đầu tư đòi hỏi nhà nước phải gia tăng tiết kiệm ngân sách nhà nước, trên cơ sở kết hợp xem xét chính sách đó có chèn ép tiết kiệm của doanh nghiệp và dân cư không. Như vậy, để gia tăng tiết kiệm của ngân sách nhà nước thì nền kinh tế cũng phải trả giá nhất định do sự

giảm sút tiết kiệm của khu vực tư nhân. Tuy nhiên sự sụt giảm sẽ không hoàn toàn tương ứng với mức tăng tiết kiệm của ngân sách nhà nước nếu như tiết kiệm của ngân sách chủ yếu là thực hiện bằng cách cắt giảm chi tiêu dùng ngân sách.

- *Tiết kiệm của doanh nghiệp:* Là số lãi ròng có được từ kết quả kinh doanh. Đây là nguồn tiết kiệm cơ bản để các doanh nghiệp tạo vốn cho đầu tư phát triển theo chiều rộng và chiều sâu. Quy mô tiết kiệm của doanh nghiệp phụ thuộc vào các yếu tố trực tiếp như hiệu quả kinh doanh, chính sách thuế, sự ổn định kinh tế vĩ mô…

- *Tiết kiệm của các hộ gia đình và tổ chức đoàn thể xã hội* (sau đây gọi tắt là khu vực dân cư): Là khoản tiền còn lại của thu nhập sau khi đã phân phối và sử dụng cho mục đích tiêu dùng. Quy mô tiết kiệm khu vực dân cư chịu ảnh hưởng bởi các nhân tố trực tiếp như trình độ phát triển kinh tế, thu nhập bình quân đầu người, chính sách lãi suất, chính sách thuế, sự ổn định kinh tế vĩ mô…

Trong nền kinh tế thị trường, số tiền tiết kiệm của khu vực dân cư có thể chuyển hoá thành nguồn vốn cho đầu tư thông qua các hình thức như gởi tiết kiệm vào các tổ chức tín dụng, mua chứng khoán trên thị trường tài chính, trực tiếp đầu tư kinh doanh… Có thể nói, tiết kiệm khu vực dân cư giữ vị trí rất quan trọng đối với đầu tư thông qua hệ thống tài chính trung gian. Chẳng hạn, nếu tiết kiệm ngân sách nhà nước không đáp ứng đủ nhu cầu chi đầu tư thì buộc Nhà nước phải tìm đến nguồn vốn tiết kiệm của khu vực này để thỏa mãn bằng cách phát hành trái phiếu Chính phủ. Tương tự, đối với khu vực tài chính doanh nghiệp cũng vậy, khi phát sinh nhu cầu vốn để mở rộng đầu tư kinh doanh, thông qua thị trường tài chính các doanh nghiệp có thể huy động vốn tiết kiệm khu vực dân cư bằng nhiều hình thức rất phong phú, như phát hành cổ phiếu, trái phiếu, vay vốn từ các tổ chức tín dụng…

Tóm lại, tiết kiệm là quá trình nền kinh tế dành ra một phần thu nhập hiện tại để tạo ra nguồn vốn cung ứng cho đầu tư phát triển, qua đó nâng cao hơn nữa mức sống ngày càng cao của người dân trong tương lai. Tuy vậy, đối với nền kinh tế đang chuyển đổi trong giai đoạn thực hiện công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, do nguồn vốn tiết kiệm trong nước còn thấp, không đáp ứng đủ nhu cầu vốn đầu tư phát triển nên cần phải thu hút nguồn vốn nước ngoài để tạo ra cú hích cho sự đầu tư phát triển nền kinh tế.

1.2.2. Nguồn vốn đầu tư nước ngoài

So với nguồn vốn trong nước, nguồn vốn nước ngoài có ưu thế là bổ sung nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, từ đó thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa, là cầu nối quan trọng giữa kinh tế Việt Nam với nền kinh tế thế giới, thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao khả năng cạnh tranh, đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp cũng như phương thức kinh doanh; nhiều nguồn lực trong nước như lao động, đất đai, lợi thế địa kinh tế, tài nguyên được khai thác và sử dụng có hiệu quả hơn. Tuy vậy, trong nó lại luôn chứa ẩn những nhân tố tiềm tàng gây bất lợi cho nền kinh tế, đó là sự lệ thuộc, nguy cơ khủng hoảng nợ, sự tháo chạy đầu tư, sự gia tăng tiêu dùng và giảm tiết kiệm trong nước… Như vậy, vấn đề thu hút vốn nước ngoài đặt ra những thử thách không nhỏ trong chính sách thu hút đầu tư của nền kinh tế đang chuyển đổi, đó là, một mặt phải ra sức huy động vốn nước ngoài để đáp ứng tối đa nhu cầu vốn cho công cuộc công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước, mặt khác, phải kiểm soát chặt chẽ sự di chuyển của dòng vốn nước ngoài để ngăn chặn khủng hoảng tài chính. Để vượt qua những thử thách đó, đòi hỏi nhà nước phải tạo lập môi trường đầu tư thuận lợi cho sự vận động của dòng vốn này, điều chỉnh và lựa chọn các hình thức thu hút đầu tư sao cho dòng vốn này đầu tư dài hạn trong nước một cách bền vững để có lợi cho nền kinh tế.

Về bản chất, vốn nước ngoài cũng được hình thành từ tiết kiệm của các chủ thể kinh tế nước ngoài và được huy động thông qua các hình thức cơ bản:

- *Viện trợ phát triển chính thức* (Official Development Assistance – ODA):

Đây là tất cả các khoản viện trợ của các đối tác viện trợ nước ngoài dành cho Chính phủ và nhân dân nước nhận viện trợ.

ODA một mặt nó là nguồn vốn bổ sung cho nguồn vốn trong nước để phát triển kinh tế, bên cạnh đó nó giúp các quốc gia nhận viện trợ tiếp cận nhanh chóng các thành tựu khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại. Ngoài ra, nó tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội và đào tạo phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên, các nước tiếp nhận viện trợ thường xuyên phải đối mặt những thử thách rất lớn đó là gánh nặng nợ quốc gia trong tương lai, chấp nhận những điều kiện và ràng buộc khắt khe về thủ tục chuyển giao vốn, đôi khi còn gắn cả những điều kiện về chính trị.

- *Đầu tư trực tiếp nước ngoài* (Foreign Direct Investment – FDI): Đây là nguồn vốn do các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn vào một nước để đầu tư trực tiếp bằng việc tạo lập những doanh nghiệp. FDI đã và đang trở thành hình thức huy động vốn nước ngoài phổ biến của nhiều nước đang phát triển khi mà các luồng dịch chuyển vốn từ các nước phát triển đi tìm cơ hội đầu tư ở nước ngoài để gia tăng thu nhập trên cơ sở khai thác lợi thế so sánh giữa các quốc gia.

Các hình thức chủ yếu của FDI ở nước ta như doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới các hình thức BOT, BTO, BT.

Khác với ODA, FDI không chỉ đơn thuần đưa ngoại tệ vào nước sở tại, mà còn kèm theo chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và khả năng tiếp cận thị trường thế giới, giải quyết việc làm, sử dụng tài nguyên trong nước… Song, điều quan trong đặt ra cho các nước tiếp nhận

là phải khai thác triệt để các lợi thế có được của nguồn vốn này nhằm đạt được sự phát triển tổng thể cao về kinh tế. Tuy nhiên, FDI cũng có những mặt trái của nó. Đó là nguồn vốn FDI về thực chất cũng là một khoản nợ, trước sau nó vẫn không thuộc quyền sỡ hữu và chi phối của nước sở tại. Bên cạnh đó, các nước nhận đầu tư còn phải gánh chịu nhiều thiệt thòi do phải áp dụng một số ưu đãi (như ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, giá thuê đất, vị trí doanh nghiệp, quyền khai thác tài nguyên…) cho các nhà đầu tư hay bị các nhà đầu tư nước ngoài tính giá cao hơn mặt bằng quốc tế cho các yếu tố đầu vào, cũng như vẫn có thể bị chuyển giao những công nghệ và kỹ thuật lạc hậu…

1.3. DU LỊCH VÀ SỰ CẦN THIẾT PHẢI THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH

1.3.1. Khái niệm về du lịch

Về định nghĩa du lịch, một số tổ chức quốc tế và các nhà nghiên cứu từ các góc độ khác nhau đã đưa ra nhiều định nghĩa về du lịch. Theo Tổ chức du lịch thế giới (World Tourism Organization - WTO) đã đưa ra định nghĩa "*Du lịch bao gồm những hoạt động của những người đi đến một nơi khác ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình trong thời hạn không quá một năm liên tục để vui chơi, vì công việc hay vì mục đích khác không liên quan đến những hoạt động kiếm tiền ở nơi mà họ đến*".. Còn theo Luật Du lịch Việt Nam (2005), du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên của mình nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu, giải trí, nghỉ dưỡng trong một khoảng thời gian nhất định.

Các định nghĩa trên chưa thể thực hiện được tính hai mặt của khái niệm du lịch, đó là du lịch một mặt mang ý nghĩa thông thường là việc đi lại của con người với mục đích nghỉ ngơi, giải trí… mặt khác lại được nhìn nhận dưới góc độ là hoạt động gắn với những kết quả kinh tế do chính nó tạo ra. Do đó một số nhà nghiên cứu đã định nghĩa khái quát về du lịch như sau:

"*Du lịch là tổng hợp các mối quan hệ kinh tế - kỹ thuật - văn hóa - xã hội, phát sinh do sự tác động hỗ tương giữa du khách, đơn vị cung ứng dịch vụ, chính quyền và dân cư bản địa trong quá trình khai thác các tài nguyên du lịch, tổ chức kinh doanh phục vụ du khách"*.

Như vậy du lịch được coi là sự kết hợp của ba chủ thể cơ bản là chủ thể của du lịch (du khách), khách thể du lịch (tài nguyên du lịch) và môi giới du lịch (ngành du lịch).

1.3.2. Sự cần thiết phải thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch

Thu hút vốn đầu tư được các nhà kinh tế học quan tâm nghiên cứu, được các Chính phủ các nước đẩy mạnh thực hiện, và quá trình này đang diễn ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các quốc gia, khu vực, vùng miền. Cũng như đối với các ngành kinh tế khác, thu hút vốn đầu tư có vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển của ngành du lịch. Để đưa du khách đến với các địa điểm du lịch, trước hết cần phải đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông, phương tiện vận chuyển... Muốn giữ chân du khách phải đầu tư xây dựng, tôn tạo các khu du lịch, xây dựng cơ sở lưu trú, hoàn chỉnh hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp năng lượng, nước sạch cho các khu du lịch… Muốn gia tăng nguồn thu từ khách du lịch phải đầu tư vốn để tạo ra các sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú và hấp dẫn… Do đó, việc xác định quy mô và định hướng đầu tư vốn đúng đắn sẽ tạo điều kiện cho du lịch phát triển bền vững, khai thác tốt các tiềm năng và bảo vệ cảnh quan môi trường.

Ở nhiều quốc gia trên thế giới kinh doanh du lịch đang là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn. Du lịch là "con gà đẻ trứng vàng" và kinh doanh du lịch đang trở thành một trong những ngành công nghiệp hàng đầu trong tương lai. Vì vậy, không ngừng tăng cường thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch là sự cần thiết khách quan, bởi một số lý do sau:

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế.

Mô hình Harrod – Domar đã chỉ ra rằng vốn đầu tư của nền kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp với tốc độ tăng trưởng: Mức tăng trưởng GDP = vốn đầu tư / ICOR. Muốn tăng trưởng hàng năm với tốc độ cao thì phải tăng mức đầu tư và giảm ICOR xuống hoặc hạn chế không tăng. Như vậy thu hút đầu tư sẽ làm cho lượng vốn đầu tư tăng lên, và do đó sản lượng đầu ra cũng tăng lên sẽ góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch nói riêng và tăng trưởng kinh tế nói chung.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là quá trình phát triển của các ngành kinh tế dẫn đến sự tăng trưởng khác nhau giữa các ngành và làm thay đổi tương quan giữa chúng so với một thời điểm trước đó. Đầu tư chính là phương tiện đảm bảo cho cơ cấu kinh tế được hình thành hợp lý. Ngành du lịch là một bộ phận cấu thành nên nền kinh tế do đó thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch sẽ làm ảnh hưởng đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Cùng với những vai trò trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành, hoạt động thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch còn tác động mạnh mẽ đến chuyển dịch cơ cấu vùng, hình thành và phát huy vai trò của vùng trọng điểm, đồng thời tăng cường tiềm lực kinh tế cho các vùng khó khăn, thúc đẩy mối liên hệ, giao lưu kinh tế liên vùng, đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Định hướng và biện pháp thu hút vốn đầu tư hợp lý còn tác động đến cơ cấu thành phần kinh tế, và tác động đến mối quan hệ giữa đầu tư khu vực nhà nước và khu vực tư nhân. Đầu tư công cộng của Nhà nước phải có tác động lôi kéo, dẫn dắt mà không làm suy giảm, lấn át đầu tư tư nhân.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tăng cường khoa học kỹ thuật và nâng cao năng lực quản lý điều hành kinh doanh.

Thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch sẽ làm cho trình độ khoa học kỹ thuật của ngành du lịch được tăng lên thông qua các dự án đầu tư được triển khai, thay thế các thiết bị, công nghệ lạc hậu. Đối với các nước đang phát triển, mặc dù tích lũy vốn và công nghệ thấp nhưng cũng có những lợi thế của người đi sau tiếp thu, thích nghi và làm chủ công nghệ có sẵn, do đó rút ngắn thời gian và giảm những rủi ro trong áp dụng công nghệ mới. Đồng thời thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch sẽ góp phần nâng cao được trình độ quản lý, năng lực điều hành của một số nhà doanh nghiệp.

- Thu hút vốn đầu tư vào phát triển du lịch góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương và tăng nguồn thu cho NSNN.

Thu hút vốn đầu tư còn góp phần tạo ra công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, làm cho nguồn nhân lực phát triển cả về số lượng và chất lượng; đồng thời tạo điều kiện khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.

1.4. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH

1.4.1. Sự ổn định về kinh tế, chính trị - xã hội và luật pháp đầu tư

Đây là điều kiện tiên quyết nhằm giảm thiểu những rủi ro của vốn đầu tư vượt khỏi sự kiểm soát của chủ đầu tư. Những bất ổn kinh tế - chính trị không chỉ làm cho dòng vốn đầu tư bị chững lại, thu hẹp mà còn làm cho dòng vốn đầu tư từ trong nước chảy ngược ra ngoài, tìm đến nơi trú ẩn mới an toàn và hấp dẫn hơn.

Hệ thống pháp luật đầu tư của nước sở tại phải đảm bảo sự an toàn về vốn và cuộc sống cá nhân cho nhà đầu tư khi hoạt động đầu tư đó của họ không làm phương hại đến an ninh quốc gia, đảm bảo pháp lý đối với tài sản tư nhân và môi trường cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo việc di chuyển

lợi nhuận cho các nhà đầu tư. Nội dung của hệ thống pháp luật càng đồng bộ, chặt chẽ, tiên tiến, nhưng cởi mở, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế thì khả năng hấp dẫn vốn đầu tư càng cao.

1.4.2. Lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, tài nguyên du lịch của địa phương

Sự phát triển của ngành du lịch gắn liền với việc khai thác sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên, các di tích lịch sử và nhân văn, do đó tài nguyên thiên nhiên như núi, rừng, biển, đảo, sông ngòi, ghềnh thác, ao hồ, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, con người… là những nhân tố rất quan trọng ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào ngành du lịch. Những địa phương có nhiều điều kiện về tài nguyên du lịch thì sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi để thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch. Tài nguyên du lịch là tất cả các nhân tố có thể kích thích động cơ của khách du lịch được ngành du lịch vận dụng để tạo ra lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội đều được gọi là tài nguyên du lịch. Tài nguyên du lịch được phân làm 3 loại:

- Tài nguyên thiên nhiên du lịch là những tài nguyên mà thiên nhiên đã ban tặng để con người tiến hành các hoạt động du lịch như nghỉ ngơi điều dưỡng, du ngoạn tham quan và khảo sát khoa học bao gồm sông núi nổi tiếng, biển đảo mênh mông, suối thác kỳ vĩ, hoa thơm cỏ lạ…

- Tài nguyên du lịch nhân văn là những của cải vật chất và của cải tinh thần do con người sáng tạo ra từ xưa cho đến nay, có thể thu hút mọi người tiến hành du lịch như các truyền thuyết, huyền thoại, di tích lịch sử, kiến trúc cổ điển, di tích văn hóa, văn hóa nghệ thuật…

- Tài nguyên du lịch xã hội là tài nguyên mang tính văn hóa. Du khách đi du lịch là muốn được hưởng thụ văn hóa nơi đến. Con người được hun đúc trong bối cảnh văn hóa khác nhau sẽ có giá trị, phương thức tư duy và phương thức sống khác nhau, vì vậy con người cũng là tài nguyên du lịch xã hội.

1.4.3. Chính sách thu hút vốn đầu tư ở địa phương

Chính sách thương mại được thông thoáng theo hướng tự do hóa sẽ bảo đảm khả năng xuất – nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu sản xuất, cũng như sản phẩm, tức là bảo đảm sự thuận lợi, kết nối liên tục các công đoạn hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Các mức ưu đãi tài chính - tiền tệ dành cho vốn đầu tư trước hết phải bảo đảm cho các chủ đầu tư tìm kiếm được lợi nhuận cao nhất trong điều kiện kinh doanh chung của khu vực, của mỗi nước; đồng thời nó còn khuyến khích họ đầu tư vào những nơi mà Chính phủ muốn khuyến khích đầu tư. Trong đó, những ưu đãi về thuế chiếm vị trí quan trọng hàng đầu trong số các ưu đãi tài chính dành cho đầu tư. Mức ưu đãi thuế cao hơn luôn được giành cho các dự án đầu tư có tỷ lệ vốn đầu tư cao, quy mô lớn, dài hạn, sử dụng nhiều nguyên vật liệu và lao động, tái đầu tư lợi nhuận và có mức độ "nội địa hóa" sản phẩm và công nghệ cao hơn.

Sự hỗ trợ tín dụng cùng với các dịch vụ tài chính, bảo lãnh của Chính phủ, của các cơ quan tín dụng xuất khẩu và của các tổ chức tài chính đa phương như WB, ADB... đã, đang và sẽ đóng vai trò to lớn làm tăng dòng vốn đầu tư, nhất là vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các nước và địa phương.

Như vậy, một khi các rủi ro giảm xuống, tỷ lệ lợi nhuận tăng lên, thì các luồng vốn đầu tư sẽ đổ vào nhiều và ổn định, ngay cả khi tốc độ tăng trưởng chung của nước đó chậm lại. Ngược lại, các nhà đầu tư sẽ thận trọng hơn, thậm chí bỏ đi nếu nơi tiếp nhận đầu tư có "độ tin cậy thấp về tín dụng" – một chỉ số tổng hợp của các yếu tố như rủi ro chính trị cao, phát triển kinh tế chậm, xuất khẩu kém, nợ cao và bất ổn định kinh tế vĩ mô… Khi đó, dù những ưu đãi tài chính rất cao được đưa ra cũng khó hấp dẫn được các nhà đầu tư vốn năng động, thận trọng, luôn mong muốn và thường có nhiều cơ hội lựa chọn thị trường đầu tư như ý trên toàn thế giới.

1.4.4. Sự phát triển của cơ sở hạ tầng

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng kinh tế của một quốc gia và một địa phương tiếp nhận đầu tư luôn là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng thông qua các quyết định và triển khai thực tế các dự án đầu tư đã cam kết. Một tổng thể hạ tầng phát triển phải bao gồm một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ và hiện đại với các cầu cảng, đường sá, kho bãi và các phương tiện vận tải đủ sức bao phủ quốc gia và đủ tầm hoạt động quốc tế; một hệ thống bưu điện thông tin liên lạc viễn thông với các phương tiện nghe – nhìn hiện đại, có thể nối mạng thống nhất toàn quốc và liên thông với toàn cầu; hệ thống điện, nước đầy đủ và phân bổ tiện lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống xã hội; một hệ thống mạng lưới cung cấp các loại dịch vụ khác (y tế, giáo dục, giải trí, các dịch vụ hải quan, tài chính, thương mại, quảng cáo, kỹ thuật…) phát triển rộng khắp, đa dạng và có chất lượng cao.

1.4.5. Sự phát triển của đội ngũ lao động, của trình độ khoa học – công nghệ và hệ thống doanh nghiệp trong nước và trên địa bàn.

Đội ngũ nhân lực có tay nghề cao là điều kiện rất quan trọng để một nước và địa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật lành nghề, các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba và sự lạc hậu về trình độ khoa học – công nghệ sẽ khó lòng đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư để triển khai các dự án của họ, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn đầu tư chảy vào một lãnh thổ và địa phương.

Một hệ thống doanh nghiệp trong lãnh thổ và địa phương phát triển, đủ sức hấp thu công nghệ chuyển giao, và là đối tác ngày càng bình đẳng với các nhà đầu tư là điều kiện cần thiết để lãnh thổ và địa phương tiếp nhận đầu tư có thể thu hút được nhiều hơn và hiệu quả hơn luồng vốn đầu tư.

1.4.6. Sự phát triển của nền hành chính quốc gia

Lực cản lớn làm nản lòng các nhà đầu tư là thủ tục hành chính rườm ra, phiền phức gây tốn kém về thời gian và chi phí, làm mất cơ hội đầu tư. Bộ máy hành chính hiệu quả quyết định sự thành công không chỉ thu hút vốn đầu tư mà còn của toàn bộ quá trình huy động, sử dụng vốn cho đầu tư phát triển của mỗi quốc gia cũng như mỗi địa phương. Bộ máy đó phải thống nhất, gọn nhẹ, sáng suốt và nhạy bén. Đối với những thủ tục hành chính, những quy định pháp luật cần phải được đơn giản, công khai và nhất quán, được thực hiện bởi những con người có trình độ chuyên môn cao, được giáo dục tốt và có kỷ luật, tôn trọng pháp luật.

1.4.7. Hiệu quả của các dự án thu hút đầu tư đã triển khai trong ngành.

Vì mục tiêu của việc đầu tư vốn là nhằm thu lợi nhuận, do vậy, nếu các dự án thu hút đầu tư đã được triển khai đạt kết quả tỷ suất lợi nhuận cao sẽ khuyến khích và củng cố niềm tin cho các nhà đầu tư tiếp tục đầu tư để tái sản xuất mở rộng, đồng thời họ cũng là những cầu nối thuyết phục các nhà đầu tư khác yên tâm bỏ vốn. Điều này sẽ giúp cho nguồn vốn đầu tư tiếp tục tăng. Ngược lại, nếu các dự án đang triển khai kinh doanh không hiệu quả, thường xuyên thua lỗ sẽ làm nản lòng các nhà đầu tư, vì họ cho rằng môi trường đầu tư đã có rủi ro.

Tóm lại, vốn đầu tư đã, đang và sẽ tìm đến quốc gia và địa phương nào có nền kinh tế - chính trị - xã hội ổn định; hệ thống pháp luật đầu tư đầy đủ, thông thoáng nhưng đáng tin cậy và mang tính chuẩn mực quốc tế cao; chính sách ưu đãi đầu tư linh hoạt và hấp dẫn; có cơ sở hạ tầng du lịch được chuẩn bị tốt; lao động trong lĩnh vực du lịch có trình độ cao và rẻ; kinh doanh đạt hiệu quả; đặc biệt, việc quốc gia hoặc địa phương đó tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực và quốc tế, cũng như tuân thủ nghiêm các qui định của các tổ chức… sẽ là những yếu tố đảm bảo lòng tin và hấp

dẫn các dòng vốn đầu tư, thậm chí còn mạnh hơn việc đưa ra các ưu đãi tài chính cao… Nghĩa là dòng vốn đầu tư chỉ ưa tìm đến những nơi đầu tư an toàn, đồng vốn được sử dụng có hiệu quả, quay vòng nhanh và ít rủi ro.

1.5. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ

Để đánh giá hiệu quả thu hút vốn đầu tư, thông thường người ta quan tâm đến cả về mặt hiêu kinh tế và hiệu quả xã hội mà các dự án mang lại.

1.5.1. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường, hiệu quả kinh tế luôn là vấn đề được mọi doanh nghiệp cũng như toàn xã hội quan tâm. Hiệu quả kinh tế là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực sẵn có của đơn vị cũng như nền kinh tế nhằm đưa tổ chức đó đạt được mục tiêu đề ra.

Hiệu quả đầu tư được xác định bởi tỷ số giữa kết quả đạt được với các nguồn lực bỏ ra đầu tư để đạt được kết quả đó. Thông thường, hiệu quả kinh tế được tính theo công thức tổng quát sau:

$$\text{Hiệu quả kinh tế} = \frac{\text{Kết quả đạt được}}{\text{Nguồn lực đầu tư}}$$

Trong đó, kết quả đạt được thường được đo lường bằng các chỉ tiêu như doanh thu, lợi nhuận, giá trị sản xuất…và các nguồn lực đã được đầu tư bao gồm số lao động, vốn đầu tư kinh doanh, chi phí đầu tư…

Như vậy, khi đánh giá hiệu quả đầu tư, người ta không chỉ dùng lại ở việc đánh giá kết quả đầu tư mà còn đánh giá chất lượng tạo ra kết quả đó. Do đó, để đánh giá hiệu quả đầu tư người ta thường đặt lợi nhuận trong mối quan hệ với tổng vốn đầu tư, doanh thu, chi phí, nguồn lao động… mà doanh nghiệp đã sử dụng. Vì vậy, người ta thường dùng các chỉ tiêu sau đây để đánh giá hiệu quả đầu tư, đó là:

1.5.1.1. Hiệu quả sử dụng lao động

Lao động là nguồn lực quan trọng của đất nước nói chung và của doanh nghiệp nói riêng. Đội ngũ lao động có tài và được sử dụng hợp lý sẽ góp phần mang lại hiệu quả kinh tế cao cho doanh nghiệp. Để đánh giá hiệu quả sử dụng lao động, người ta thường sử dụng chỉ tiêu năng suất lao động bình quân.

Năng suất lao động bình quân phản ánh năng lực sản xuất của người lao động tạo ra một lượng giá trị sản xuất hay một mức doanh thu trong một thời gian nhất định. Năng suất lao động bình quân càng cao phản ánh hiệu suất sử dụng lao động của doanh nghiệp ngày càng tốt. Năng suất lao động bình quân được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Năng suất lao động bình quân} = \frac{\textbf{Tổng giá trị sản xuất (doanh thu)}}{\textbf{Tổng số lượng lao động}}$$

Năng suất lao động bình quân là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp, biểu hiện hiệu quả sử dụng nguồn lao động của doanh nghiệp. Qua phân tích năng suất lao động bình quân giữa các kỳ kinh doanh, nhà quản lý sẽ tìm ra những nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động năng suất lao động. Từ đó giúp cho các nhà quản lý có cách nhìn sâu sắc hơn trong công tác quản trị nhân sự, và có giải pháp thích hợp hơn trong công tác bố trí lực lượng lao động nhằm tạo ra năng suất lao động cao nhất. Vì vậy, không ngừng nâng cao năng suất lao động là biện pháp chủ yếu để tăng sản lượng, hạ thấp giá thành sản phẩm và điều này sẽ góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

1.5.1.2. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu chỉ ra mối quan hệ giữa doanh thu và lợi nhuận. Đây là 2 yếu tố liên quan rất mật thiết với nhau mà trong đó, doanh thu chỉ ra vai trò, vị trí doanh nghiệp trên thương trường thì lợi nhuận lại thể hiện chất lượng, kết quả kinh doanh cuối cùng của doanh

nghiệp. Như vậy, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là chỉ tiêu thể hiện vai trò và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp qua một kỳ kinh doanh. Tổng mức doanh thu, tổng mức lợi nhuận và tỷ số lợi nhuận trên doanh thu càng lớn thì vai trò, hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp càng tốt. Chỉ tiêu này được tính theo công thức sau:

$$\textbf{Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu} = \frac{\textbf{Lợi nhuận thực hiện}}{\textbf{Tổng doanh thu}}$$

Chỉ tiêu này phản ánh trong một kỳ kinh doanh, cứ trong 1đồng doanh thu mà doanh nghiệp thu được từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì có bao nhiêu đồng là lợi nhuận. Chỉ tiêu này càng cao càng chứng tỏ chi phí phát sinh trong kỳ kinh doanh càng thấp, và do đó hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp càng cao.

1.5.1.3. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư phản ánh hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp qua các kỳ kinh doanh cao hay thấp. Đây là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư quan trọng nhất, bởi vì nó phản ánh một đồng vốn đầu tư tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận trong kỳ đầu tư. Chỉ tiêu này được tính theo công thức:

$$\textbf{Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư} = \frac{\textbf{Lợi nhuận thực hiện}}{\textbf{Tổng vốn đầu tư}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, bình quân 1 đồng vốn đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì tạo ra được bao nhiêu đồng lợi nhuận tính trong một kỳ đầu tư. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư càng cao thì trình độ quản lí sử dụng vốn của doanh nghiệp càng tốt. Ngược lại, tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư thấp, thể hiện trình độ năng lực quản lý sử dụng vốn của doanh nghiệp chưa hiệu quả. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư được

xem là hợp lý khi lớn hơn hoặc bằng lãi suất cho vay vốn bình quân trên thị trường trong kỳ.

Qua phân tích tỷ suất lợi nhuận trên tổng vốn đầu tư giúp cho các nhà quản lý có cơ hội đánh giá đúng đắn chất lượng công tác quản lý sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh, trên cơ sở đó đề ra biện pháp quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng tổng vốn của doanh nghiệp.

Ngoài ra, để đánh giá hiệu quả đầu tư người ta còn có sử dụng thêm một số chỉ tiêu hiệu quả khác như thời hạn thu hồi vốn, điểm hòa vốn, vòng quay tổng vốn…

1.5.2. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả xã hội.

Bên cạnh việc đánh giá hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư, người ta còn quan tâm những tác động của dự án đầu tư đến xã hội cả về những tác động tích cực lẫn tác động tiêu cực của các dự án. Hiệu quả đầu tư trên giác độ nền kinh tế mà người ta nhận thấy đó là việc nâng cao năng lực sản xuất, tiềm lực kinh tế của đất nước, phát triển kinh tế nhanh, nâng cao mức sống của nhân dân, nâng cao dân trí… và đặc biệt là hạn chế tối đa tác động xấu đến môi trường. Do vậy, thông thường để đánh giá hiệu quả xã hội của dự án người ta thường quan tâm đến các chỉ tiêu như mức đóng góp giá trị sản phẩm thuần túy, số lao động có việc làm, đóng góp NSNN, tăng kim ngạch xuất khẩu, tác động của dự án đến môi trường đầu tư (môi trường kinh tế, môi trường tự nhiên, môi trường xã hội…).

1.5.2.1. Tăng mức đóng góp tổng giá trị sản phẩm cho nền kinh tế

Tất cả các doanh nghiệp thuộc mọi ngành nghề kinh doanh, khi tiến hành hoạt động đầu tư đều tạo ra một lượng giá trị sản phẩm nhất định, do đó góp phần làm tăng giá trị tổng sản phẩm quốc dân cho nền kinh tế. Tất nhiên, mỗi ngành nghề khác nhau, với mức độ đầu tư khác nhau thì mức đóng góp vào tổng sản phẩm quốc dân cũng khác nhau. Mức đóng góp vào tổng sản phẩm quốc dân của các ngành khác nhau sẽ có tác động đến sự

dịch chuyển của cơ cấu kinh tế theo ngành nào có mức đóng góp lớn. Từ đó cho thấy hoạt động đầu tư có vai trò quan trọng đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, làm cho cơ cấu kinh tế dịch theo hướng hợp lý hơn hay không hợp lý tùy thuộc vào cơ cấu kinh tế mục tiêu mà nền kinh tế đó cần đạt được.

1.5.2.2. Tăng thu ngân ngân sách nhà nước

Mọi doanh nghiệp không phân biệt thành phần kinh tế, trong nước hay nước ngoài khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh thì phải có nghĩa vụ đóng góp ngân sách cho Nhà nước dưới các hình thức như thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên…), phí và lệ phí. Nhà nước sẽ sử dụng các khoản thu này để chi cho đầu tư phát triển của nền kinh tế quốc dân và ở các lĩnh vực phi sản xuất kinh doanh, do đó góp phần phân phối lại thu nhập quốc dân. Do đó, mức đóng góp của các doanh nghiệp cho ngân sách càng nhiều sẽ tạo điều kiện cho nền kinh tế được tái đầu tư nhiều hơn, và do đó sẽ tạo nhiều điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh.

1.5.2.3. Tạo thêm việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động

Bất kỳ quốc gia nào cũng đều xảy ra tình trạng thất nghiệp, không có tình trạng thất nghiệp cao thì cũng có tình trạng thất nghiệp thấp. Vì vậy, việc tổ chức các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh bất kỳ ngành kinh tế nào cũng tạo ra một khối lượng công việc nhất định, và dĩ nhiên sẽ tạo ra nhu cầu về tuyển dụng lao động. Tuy nhiên, mỗi ngành nghề khác nhau sẽ tạo ra nhu cầu sử dụng lao động khác nhau. Do đó, hoạt động đầutư sẽ tạo công ăn việc làm cho người lao động và góp phần nâng cao đời sống cho người lao động.

Xét trên phương diện kinh tế, việc nâng cao mức sống của người dân được thể hiện qua các chỉ tiêu như gia tăng thu nhập quốc dân bình quân trên đầu người, gia tăng đầu tư xã hội, mức tăng trưởng phúc lợi xã hội…

1.6. KINH NGHIỆM THU HÚT VỐN VÀ DU KHÁCH CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở MỘT QUỐC GIA TRONG KHU VỰC ASEAN.

Cùng với dòng chảy hội nhập kinh tế thế giới, các nước đang phát triển ở khu vực Asean cũng có nhiều cơ hội để rút ngắn con đường công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước mà không cần phải phát triển theo tuần tự như các nước phát triển trước đây. Malaysia, Thái Lan và Singapore là các quốc gia đại diện tiêu biểu trong việc huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho đầu tư phát triển kinh tế du lịch, và là các quốc gia có nhiều chiến lược trong thu hút khách du lịch trên thế giới. Ba quốc gia trên đã lựa chọn chiến lược vốn mà chủ yếu là thu hút vốn đầu tư nước ngoài kết hợp với huy động nguồn vốn trong nước. Dùng vốn nước ngoài để tạo ra những động lực ban đầu thúc đẩy phát triển du lịch nói riêng và nền kinh tế địa phương nói chung. Cùng với chiến lược tạo vốn chung như nêu trên, các quốc gia trên còn có nhiều chiến lược tạo vốn cho đầu tư phát triển du lịch thông qua những thế mạnh riêng của từng quốc gia như sau:

1.6.1. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Malaysia.

Đã từ lâu, Malaysia được biết đến như một trong những điểm đến hấp dẫn nhất của khu vực Châu Á nói chung, và Đông Nam Á nói riêng, nổi tiếng với câu: "Truly Asia" (Châu Á đích thực). Sự hấp dẫn ấy đã chứng minh bằng số lượng hàng triệu lượt du khách tham quan mỗi năm ở đất nước này. Để đạt thành tựu này, ngành du lịch Malaysia đã đầu tư và có chiến lược kinh doanh du lịch rõ ràng như sau:

Thứ nhất, ngành du lịch có sự phân công và hợp tác rất chặt chẽ giữa Chính Phủ, doanh nghiệp và người dân, cụ thể:

- ***Đối với Chính Phủ*:** Chính Phủ có trách nhiệm hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và thu hút khách du lịch thông qua nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn khác. Cụ thể là Chính Phủ đã đầu tư hoàn thiện hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cung cấp

đầy đủ điện, nước… cho các trung tâm du lịch, bệnh viện, siêu thị… Bên cạnh đó, Chính Phủ thực hiện đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư và thu hút khách du lịch như mở văn phòng xúc tiến du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới, quảng cáo trên các đài truyền hình quốc tế lớn với câu: "Malaysia - Truly Asia" thực sự ấn tượng. Ngoài ra, hàng năm Chính Phủ đứng ra mời các nhà báo ở nhiều quốc gia, các công ty du lịch đến thăm để viết bài và kết nối với các doanh nghiệp trong nước, cũng như có cả một hệ thống ấn phẩm sách báo, tranh ảnh, bản đồ giới thiệu đầy đủ, chi tiết về tất cả 13 bang của Malaysia ở các quầy thông tin du lịch. Và tất cả đều miễn phí, tất cả đều được trả lời và giúp đỡ với một nụ cười thường trực trên môi. Chính Phủ còn phối hợp với doanh nghiệp xây dựng nhiều chương trình du lịch và nó trở thành thương hiệu cho ngành du lịch như chương trình "Viếng thăm Malaysia", "Lễ kỷ niệm vàng", lễ hội "Đại hạ giá", "Lễ hội âm nhạc quốc tế", "Lễ hội pháo hoa" hay "Lễ hội Trung Thu" lung linh trong những ánh đèn màu…

***- Đối với doanh nghiệp*:** họ chọn chiến lược du lịch kết hợp với mua sắm và chữa bệnh là hướng đi chính. Malaysia là siêu thị khổng lồ của khu vực Đông Nam Á. 13 bang của đất nước này đều có rất nhiều siêu thị lớn nhỏ dành cho đủ các loại khách hàng từ cao cấp đến bình dân. Tại siêu thị có các cửa hàng ăn uống, vui chơi, phòng chiếu phim hay các phòng chơi games… Nhưng cái hay của các siêu thị tại Malaysia là cùng một sản phẩm thì giá ở bất cứ siêu thị nào trong 13 bang cũng chỉ có một giá. Cái hay khác chính là khách hàng bao giờ cũng mua được hàng thật vì Nhà nước kiểm soát chặt chẽ việc hàng nhái hàng giả.

- Đối với người dân: họ ý thức được rằng du khách không chỉ mang lại nguồn thu cho đất nước mà còn mang lại việc làm không vất vả mà thu nhập tương đối cao.

Nhờ sự phối hợp tốt giữa Chính phủ, doanh nghiệp và người dân nên du lịch Malaysia trở thành hiện tượng thần kỳ của du lịch châu Á, vượt qua cả

khách đến Trung Quốc, Ấn Độ - 2 quốc gia có rất nhiều công trình văn hóa nổi tiếng thế giới.

Thứ hai: Ngành du lịch Malaysia đã biết khai thác các điểm mạnh của mình ra để thu hút du khách. Đó chính là sự đa dạng văn hóa, đa sắc tộc, đa ngôn ngữ và đa tôn giáo mà ở đó ba nền văn minh Malaysia, Trung Quốc và Ấn Độ hoà quyện với nhau để tạo ra sản phẩm du lịch đặc sắc.

Thứ ba: Xen kẽ với các yếu tố văn hoá bản sắc, đó là sự hiện đại, hào nhoáng của các cơ sở vật chất mà người dân tạo dựng. Điều đáng kinh ngạc là 2 vẻ đẹp này lại hài hòa và nâng tầm nhau.

Thứ tư: Ngành du lịch còn liên kết chặt chẽ giữa các ngành nhau để khai thác dịch vụ du lịch như liên kết với các hãng hàng không, hệ thống bệnh viện, siêu thị… Cụ thể là:

- Hãng hàng không quốc gia Malaysia đã thực hiện nhiều chương trình bay giá ưu đãi và cộng thêm dịch vụ trên các tuyến bay quốc tế. Hãng hàng không này còn đưa ra các biện pháp khuyến mãi khác như mua vé máy bay khứ hồi giữa một số nước sẽ được nghỉ lại Malaysia miễn phí hai đêm trong khách sạn năm sao.

- Hệ thống bệnh viện ngày càng hoàn thiện để... làm du lịch: Bệnh viện ở đây như một khách sạn thu nhỏ, có đầy đủ các dịch vụ ăn, ở, ngủ, nghỉ cũng như vui chơi giải trí cho người lớn và cả trẻ em. Các dịch vụ khám chữa bệnh ở đây đều do các thầy thuốc trực tiếp điều trị và kê đơn khám, không có chuyện bệnh nhân tự ra ngoài mua thuốc điều trị. Điều đặc biệt hơn cả, các bệnh viện đều có đội ngũ làm marketing rất chuyên nghiệp. Họ không chỉ khám chữa bệnh cho người bản địa mà còn liên kết với các cơ sở y tế khác chào mời dịch vụ khám chữa bệnh tới các nước lân cận như Thái Lan, Singapore để chăm sóc sức khỏe cho du khách cũng như điều trị cho người bệnh trong khu vực.

Thứ năm: Ngành du lịch đã tận dụng triệt để những lợi thế về thiên nhiên. Ở bất cứ khu du lịch nào của Malaysia, việc đầu tiên khi xây dựng là các chủ đầu tư đều tận dụng các thế sẵn có của thiên nhiên để vận dụng mà không bao giờ họ phá đi để xây lại... Bởi vậy, tới Malaysia du khách hoàn toàn thực sự thư giãn, vui chơi, giải trí và có những kỷ niệm không thể quên.

Thứ sáu: Sản phẩm du lịch rất đa dạng và phong phú. Tại các khu du lịch, có nhiều khu vui chơi, giải trí với các trò chơi địa phương cũng như quốc tế vô cùng hấp dẫn, du khách tha hồ thưởng thức những buổi trình diễn chim, voi, khỉ… vô cùng độc đáo hay du khách có thể đi ô tô xem sư tử, hổ thả tự do, hay giải trí tại trung tâm casino rộng lớn, hệ thống công viên nước… Ngoài loại hình du lịch sinh thái được phát triển mạnh ra thì loại hình du lịch biển, du lịch văn hóa cũng được đầu tư phát triển để đáp ứng nhu cầu cho mọi loại du khách.

- **Thứ bảy:** Xây dựng từng phân khúc thị trường khách hàng để có thể cung cấp sản phẩm du lịch phù hợp. Với mỗi vùng miền trên đất nước Malaysia, những con người nơi đây đều hướng tới một đối tượng du khách nhất định. Nếu Penang nghiêng về thu hút khách phương Tây thì các khu vực Afamosa nghiêng về khách Trung Quốc.

Không dừng ở đó, Malaysia còn vươn tới mục tiêu trở thành một trung tâm du lịch MICE (du lịch kết hợp hội nghị, khám chữa bệnh, hội thảo, triển lãm) của khu vực.

1.6.2. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Thái Lan.

Thái Lan lại tiếp tục thuyết phục thế giới trong lĩnh vực du lịch khi được nhận giải “The world’s best tourist country 2006” (Quốc gia du lịch tốt nhất thế giới năm 2006) do Tạp chí The Travel News Na Uy trao tặng. Giải thưởng này được tổ chức liên tục 11 năm qua, do 300 thành viên ngành công nghiệp du lịch Na Uy bầu chọn. Ngoài ra, Tạp chí The Luxury

Travel (Úc) cũng đã công bố "Danh sách vàng năm 2006" cho các giải thưởng trong ngành du lịch và Thái Lan cũng giành được nhiều giải cao: được xếp thứ 8 và là quốc gia duy nhất của châu Á nằm trong danh sách 10 nước đoạt giải "Quốc gia tốt nhất"; Bangkok được xếp thứ 8 trong số các thành phố giành giải "Thành phố tốt nhất"; 8 khu nghỉ mát của Thái Lan lọt vào danh sách top 30 "Khu nghỉ mát tốt nhất"... Để đạt được những giải thưởng trên, nhiều năm qua ngành du lịch Thái Lan đã có nhiều cố gắng vượt bật, đó là:

Thứ nhất, dịch vụ du lịch là ngành được Chính Phủ Thái Lan rất quan tâm đầu tư. Do đó, Chính Phủ đã đưa ra nhiều chính sách để khuyến khích đầu tư du lịch cũng như có nhiều chính sách hỗ trợ trong thu hút khách du lịch. Cụ thể là trong năm 2007, Chính phủ Thái Lan đã "hỗ trợ" 50% giá tour cho mỗi du khách hay đưa ra qui định nhập cảnh cho du khách rất đơn giản và giải quyết nhanh gọn.

Thứ hai, hệ thống hạ tầng du lịch rất hoàn thiện, mạng lưới giao thông đô thị và đến các điểm du lịch với các tuyến đường cao tốc dưới đất, trên không chằng chịt nhưng không kém phần duyên dáng bởi những đường cong uốn lượn. Bên cạnh nét hiện đại của các thành phố du lịch vẫn thấy dáng dấp những nét huyền bí từ những đền đài cung điện với kiểu kiến trúc chóp nhọn và mái cong vút… và điều đó đã tạo nên cảnh quan vừa hiện đại, vừa cổ kính rất hấp dẫn thu hút du khách đến tham quan.

Thứ ba, kinh doanh dịch vụ du lịch thực sự là một ngành kinh doanh chuyên nghiệp. Sự chuyên nghiệp của ngành du lịch Thái Lan được thể hiện trong từng chi tiết nhỏ. Từ sắp xếp lại lịch trình cho hợp lý, từ sự đón tiếp nồng hậu của mỗi khách sạn, cho đến những lời giới thiệu ngắn gọn mà vô cùng bài bản của mỗi nơi tham quan.

Thứ tư, các sản phẩm du lịch vô cùng đa dạng, dưới biển có thể tham gia dịch vụ đánh cá, bơi thuyền, thuyền cao tốc, lái thuyền scooter, trượt

nước, đi thuyền, lặn có bình hơi, lướt trên ván buồm…; còn trên bờ có thể tham gia các trò chơi như săn bắn, đua xe, cưỡi ngựa, bắn cung, gôn, đánh banh... hoặc có thể xem các chương trình nghệ thuật đặc sắc như chương trình ca múa nhạc đặc sắc của những diễn viên được chuyển đổi giới tính từ nam sang nữ, chương trình ca múa nhạc tái hiện lịch sử phát triển của đất nước Thái Lan được dàn dựng rất hoành tráng, công phu và ấn tượng, và một "đặc sản" tạo sức hút đặc biệt cho du lịch của Pattaya – Thái Lan - một trong những điểm đến thu hút rất đông du khách tò mò muốn tìm hiểu mà danh tiếng đã được biết đến trên khắp thế giới đó chính là Tiffany's show… đã đáp ứng mọi nhu cầu của du khách. Qua đây cho thấy dịch vụ du lịch ở Thái Lan khá hoàn hảo và khép kín, tạo tính liên hoàn trong tham quan, giải trí của du khách.

Thứ năm, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa mang đậm chất Phật giáo, du lịch mạo hiểm, du lịch chữa bệnh, du lịch khám phá và du lịch tình nguyện cũng rất được chú trọng, tạo nên nét đặc sắc riêng có của Thái Lan. Đến các dịch vụ du lịch này, du khách được thưởng thức chương trình ca múa nhạc dân tộc Thái và có thể tham quan công viên rắn hoàng gia, vườn sinh thái Nong Nooch, vườn bướm Saithep, núi Phukhet thu nhỏ, thăm những mô hình du lịch gắn liền với việc kinh doanh mật ong, mật gấu, yến sào, hải sản, trái cây nổi tiếng... Đặc biệt, ngành du lịch Thái Lan cũng đang ra sức kéo du khách đến với mô hình du lịch kiểu mới nhằm tạo điều kiện cho du khách tiếp xúc, trực tiếp lao động với người dân địa phương để tự khám phá những giá trị văn hóa Thái Lan một cách sinh động nhất.

Thứ sáu, cung cách phục vụ của nhân viên du lịch và người dân Thái Lan rất cởi mở và thân thiện, họ luôn tươi cười, niềm nở với du khách. Họ tranh thủ tiếp thị, chụp ảnh lưu niệm cho du khách. Không có chuyện níu kéo, tranh giành khách hoặc bán phá giá. Bên cạnh đó, hướng dẫn viên du lịch cũng có phong cách làm việc thật chuyên nghiệp mà cũng thật uyển

chuyển, khéo léo và thân thiện, tạo nhiều thiện cảm đối với mỗi thành viên trong đoàn.

Thứ bảy, hệ thống các trung tâm thương mại rất sầm uất, sản phẩm bày bán rất đa dạng, đảm bảo chất lượng với giá cả hấp dẫn. Nhân viên bán hàng phục vụ rất nhiệt tình, giới thiệu mặt hàng một cách kỹ càng, làm cho du khách khó lòng mà từ chối mua hàng khi tham quan tại các trung tâm thương mại này.

Thứ tám, xây dựng các tour du lịch có kết hợp tổ chức nhiều điểm dừng chân với nhiều dịch vụ khép kín. Tại các trạm dừng chân, du khách tha hồ ngắm gian trưng bày phong lan, cây cảnh, làm vệ sinh, mua sắm trong cửa hàng 7-Eleven, uống cà phê, mua sách báo… Vì vậy, các tour du lịch đến Thái Lan còn được xem là tour mua sắm, nhiều người hài hước còn gọi đây là tour "vét sạch" vì ngày nào trong chương trình tour cũng có điểm đến là siêu thị, trung tâm thương mại, chợ.

1.6.3. Kinh nghiệm thu hút vốn và thu hút khách du lịch của Singapore.

Ngày nay, Singapore là điểm đến ưa thích của hàng triệu du khách quốc tế, để lại cho khách du lịch những ký ức đặc biệt khó quên. Theo thống kê từ Tổng cục Du lịch Singapore (STB), trong tháng 2/2008, đảo quốc Sư tử đã đón tiếp 811 ngàn du khách, tăng 7% so với cùng kỳ năm 2007. Mục tiêu của Singapore trong năm 2008 là sẽ đón 10,8 triệu du khách và thu về 15,5 tỉ SGD. Đến năm 2015, họ sẽ đón tiếp 17 triệu du khách và thu về 30 tỉ SGD thu nhập từ ngành dịch vụ không khói này. Để đạt được kết quả trên, ngành du lịch Singapore đã làm rất nhiều việc sau đây:

Những năm đã qua, ngành du lịch của Singapore phát triển mạnh nhờ làm tốt công tác quảng bá du lịch, quảng bá về đất nước này. Các trung tâm xúc tiến du lịch của Tổng cục du lịch Singapore trên khắp thế giới hỗ trợ

rất đắc lực và cụ thể cho các doanh nghiệp, công ty du lịch trong nước xuất khẩu các sản phẩm du lịch đặc trưng, chủ lực của mình ra thị trường toàn cầu.

Một cách làm rất hiệu quả của ngành du lịch Singapore là họ luôn có sự nối kết, đầu tư các hoạt động quảng bá du lịch đi liền với hoạt động quảng bá của các ngành khác. Điều này vừa giúp tiết kiệm chi phí mà còn đem lại lợi ích, hiệu quả cho tất cả các bên tham gia trong cùng một "đại chiến dịch" tổng thể. Đó là sự hợp tác kinh doanh chặt chẽ với các ngành dịch vụ phụ trợ như dịch vụ hàng không quốc tế, dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, dịch vụ bán lẻ… tạo nên một chuỗi liên kết trong cung cấp dịch vụ du lịch. Điều này đã tăng thêm tính hấp dẫn trong thu hút khách du lịch đến với Singapore. Ngoài ra, ngành du lịch còn đầu tư xây dựng nhiều công trình kiến trúc đồ sộ, cơ sở hạ tầng phục vụ hiện đại, tiện lợi, sang trọng cũng là một cách để thu hút khách du lịch.

Bên cạnh đó, Singapore luôn biết tạo ra những điều mới mẻ, hấp dẫn để thu hút du khách. Đó cũng là bí quyết để một đất nước Singapore có diện tích bé nhỏ, không giàu tài nguyên nhưng luôn thành công trong việc phát triển kinh tế, văn hóa. Thực vậy, bản thân ngành du lịch cũng tạo ra nhiều sản phẩm du lịch mới, rất phong phú để thu hút khách du lịch tham quan, giải trí như đầu tư xây dựng công viên chim Jurong, khu vui chơi giải trí Sentosa, công viên thú đêm, công viên bướm, công viên phong lan, khu biểu diễn nhạc nước, biểu diễn thú, biểu diễn cá heo hay khu thám hiểm đại dương... đặc biệt, ngành du lịch Singapore đã tung ra thị trường một sản phẩm du lịch rất độc đáo, đó là thu hút du lịch thông qua cung cấp công nghệ du lịch (BTMICE). Phần lớn nguồn thu của ngành du lịch là thu từ công nghệ này. Sự thuyết phục trong công nghệ du lịch của Singapore nằm ở tầm nhìn chiến lược vĩ mô của chính quyền và sự phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức, công ty và ý thức của từng người dân. Từ cơ sở hạ tầng đến các dịch vụ luôn có sự thay đổi để có thêm những lựa chọn mới cho khách.

Hai trung tâm lớn nhất hiện nay phục vụ cho hoạt động hội nghị, triển lãm của Singapore là Suntec Singapore và Singapore Expo.

Ngành du lịch Singapore rất coi trọng và thực hiện thường xuyên công tác đào tạo và kết hợp với huấn luyện nghề nghiệp cho đội ngũ nhân sự phục vụ trong ngành. Các trường đào tạo chuyên ngành du lịch tại Singapore thực hiện đào tạo cho khối lượng học viên, sinh viên theo học các khóa nghiệp vụ từ cấp thấp nhất đến cấp quản lý cao nhất, trong đó có các chuyên ngành đào tạo đặc biệt về pha chế rượu, quản lý nhà hàng – khách sạn chuyên nghiệp, chuyên viên cấp cao, chuyên viên bán hàng, các khoá Anh ngữ và nhiều ngoại ngữ khác... Tất cả đều nhằm vào một mục đích tối cao là tạo ra nguồn nhân lực tài năng, chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu khách hàng trong mọi điều kiện.

Với những chính sách và cách làm du lịch nói trên mà ngành du lịch Singapore đóng góp rất đáng kể trong việc nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống của người dân bản địa, vốn là những cư dân sinh sống trong một đất nước không có nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào và những điều kiện tự nhiên ưu đãi.

*** Một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình thu hút vốn đầu tư, cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa:**

Thứ nhất, Chính Phủ cần tạo môi trường đầu tư thông thoáng, minh bạch và đảm bảo đầu tư lâu dài cho các nhà đầu tư. Bên cạnh đó, Chính Phủ xây dựng nhiều chính sách để khuyến khích đầu tư du lịch cũng như có nhiều chính sách hỗ trợ trong thu hút khách du lịch. Chính Phủ cần đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng du lịch để tăng tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Điều này muốn nói rằng, trong ngành du lịch cần có sự phân công và hợp tác chặt chẽ giữa Chính Phủ, doanh nghiệp và người dân.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác quảng bá du lịch, quảng bá về đất nước bằng nhiều hình thức khác nhau thông qua việc mở văn phòng xúc tiến du lịch ở nhiều quốc gia trên thế giới, quảng cáo trên các đài truyền hình quốc tế lớn, Chính Phủ đứng ra mời các nhà báo ở nhiều quốc gia, các công ty du lịch đến thăm để viết bài và kết nối với các doanh nghiệp trong nước, cũng như có cả một hệ thống ấn phẩm sách báo, tranh ảnh, bản đồ giới thiệu đầy đủ. Bên cạnh đó, luôn có sự nối kết, đầu tư các hoạt động quảng bá du lịch đi liền với hoạt động quảng bá của các ngành khác.

Thứ ba, ngành du lịch cần được thực hiện một cách chuyên nghiệp trong từng chi tiết nhỏ, từ sắp xếp lại lịch trình cho hợp lý, từ sự đón tiếp nồng hậu của mỗi nhân viên hướng dẫn du lịch, nhân viên khách sạn và cả người dân, cho đến những lời giới thiệu ngắn gọn mà vô cùng bài bản của mỗi nơi tham quan.

Thứ tư, ngành du lịch cần khai thác các điểm mạnh của mình bằng cách tận dụng triệt để những lợi thế về thiên nhiên, luôn biết tạo ra những điều mới mẻ, hấp dẫn để thu hút du khách. Bên cạnh đó, cần phát triển đa dạng các loại hình du lịch như du lịch biển, du lịch núi, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, du lịch mạo hiểm, du lịch chữa bệnh, du lịch khám phá… để tạo nên nhiều sản phẩm mang nét đặc sắc riêng cho từng địa phương du lịch nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của du khách

Thứ năm, ngành du lịch còn liên kết chặt chẽ giữa các ngành nhau để khai thác dịch vụ du lịch như liên kết với các hãng hàng không, hệ thống bệnh viện, siêu thị…trong đó, các sản phẩm cung cấp cho khách du lịch phải đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý và thống nhất. Vì vậy, khi xây dựng chương trình tour du lịch thường cũng có điểm đến là siêu thị, trung tâm thương mại, chợ.

Thứ sáu, xen kẽ với các yếu tố văn hoá bản sắc, cần có các cơ sở vật chất du lịch hiện đại. Tuy nhiên, 2 vẻ đẹp này phải được hài hòa và nâng tầm nhau.

Thứ bảy, coi trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng cao để phục vụ trong ngành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương này, tác giả đã trình bày những lý luận cơ bản về đầu tư, cách phân loại đầu tư, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư cũng như ưu nhược điểm của từng nguồn vốn đầu tư; tác giả cũng tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết phải thu hút các nguồn vốn để phát triển du lịch, cũng như tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào ngành du lịch. Ngoài ra, tác giả cũng tìm hiểu một số kinh nghiệm thu hút các nguồn vốn cho đầu tư vào ngành du lịch cũng như kinh nghiệp thu hút khách du lịch của 3 nước có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean, đó là Malaysia, Thái Lan và Singapore, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn vốn cũng như thu hút khách du lịch để thúc đẩy phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa.

Chương 2

THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

2.1. TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

Gia nhập WTO đã mang lại cho nền kinh tế Việt Nam nói chung và tỉnh Khánh Hòa nói riêng những hy vọng mới về sự tăng trưởng, trong đó có ảnh hưởng sâu sắc đối với ngành dịch vụ nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng, nhưng đồng thời cũng đưa lại không ít những thách thức đối với hoạt động quản lý nhà nước cũng như hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Du lịch tỉnh Khánh Hoà trong những năm qua, với thế mạnh về du lịch ở địa phương, kèm theo nhiều yếu tố thuận lợi khác như tỉnh đã xây dựng xong các quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng chi tiết các khu vực kinh tế tiềm năng du lịch của tỉnh (khu kinh tế Vân Phong, khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh…)… đã mở ra nhiều cơ hội cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Do đó, ngành du lịch Khánh Hòa đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ như sau:

2.1.1. Chỉ tiêu khách du lịch và doanh thu du lịch

Trong những năm gần đây, ngành du lịch Khánh Hòa có những bước tăng trưởng mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng trung bình hằng năm của thị trường khách du lịch đạt 19,22%. Nếu như năm 2000 lượng khách du lịch đến Khánh Hòa là 397.509 lượt khách thì dự kiến đến cuối năm 2007, lượt khách đến Khánh Hòa ước thực hiện 1.360.421 lượt khách, cao gấp 3,42 lần so với năm 2000. Khách quốc tế đến Khách Hòa từ nhiều nước khác nhau như Anh, Đức, Pháp, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Mỹ, Canada, Úc... trong đó 5 thị trường hàng đầu là Mỹ, Úc, Pháp, Anh, Đức. Ngoài ra, khách nội địa liên tục tăng qua các năm, tốc độ tăng trưởng trung bình đạt 11,24%/năm. Khách nội địa chủ yếu đến từ TP.HCM (50,5%), các tỉnh

miền đông Nam bộ (9%), Hà Nội, Hải Phòng (27,8%)... Tuy nhiên, số ngày lưu trú trung bình của khách du lịch tại Khánh Hòa chỉ đạt 1,93 ngày, so với bình quân chung cả nước và các địa phương khác trong khu vực thì còn thấp như Ninh Thuận, Bình Thuận đạt 2,5 ngày; thành phố Hồ Chí Minh 3 ngày, Hà Nội 2,13 ngày...

Nhờ tốc độ tăng trưởng du khách đến thị trường Khánh Hòa ngày càng tăng đã đẩy tốc độ tăng doanh thu du lịch đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trong giai đoạn 2001 – 2007 đạt 26,31%/năm. Bảng 1.PL (trang107) và đồ thị 2.1 sẽ cung cấp số liệu về doanh thu ngành du lịch và số lượng khách du lịch đến tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn này như sau:

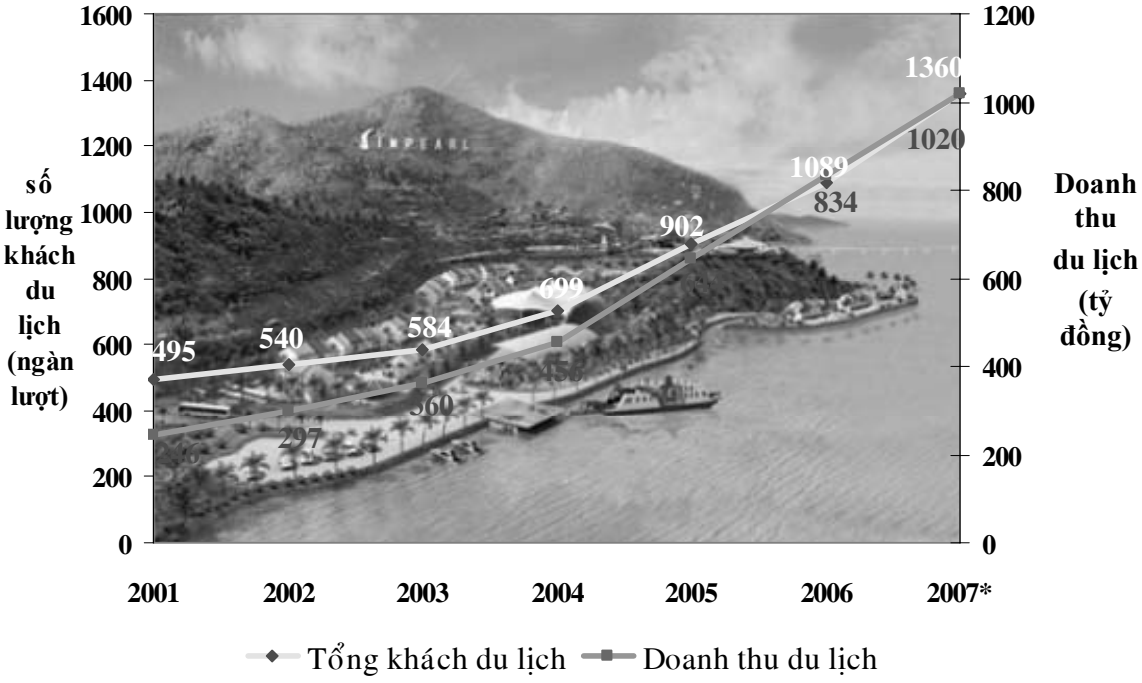

Đồ thị 2.1: Doanh thu và số lượng du khách tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 -2007

Qua đồ thị trên cho thấy hoạt động du lịch vẫn phát triển cao và khá ổn định qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân trên 26% mỗi năm, đặc biệt năm 2005 có tốc độ tăng trưởng doanh thu cao nhất (41,17%). Riêng năm 2007 là năm thứ 2 liên tiếp Khánh Hòa có hơn 1 triệu lượt du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng (1.0360.421 lượt khách) với tổng doanh

thu hơn 1.020 tỉ đồng, đạt 107,4% chỉ tiêu kế hoạch, tăng hơn 22% so với năm 2006 và chiếm gần 5,5% tỉ trọng GDP của tỉnh. So với năm 2000, doanh thu ngành du lịch năm 2007 đã tăng hơn 5 lần. Có thể nói trong những năm qua, ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đã đạt những thành tựu nhất định, thương hiệu du lịch Khánh Hòa ngày càng được khẳng định uy tín trên thị trường.

2.1.2. Điều kiện trang bị cơ sở vật chất

Trong thời gian qua, để đáp ứng sự tăng lên số lượng du khách cũng như những đòi hỏi chất lượng sản phẩm du lịch ngày càng cao của khách du lịch, các doanh nghiệp du lịch Khánh Hòa cũng không ngừng đầu tư tăng thêm cả về số lượng cũng như chất lượng cơ sở vật chất kỹ thuật theo hướng hiện đại với qui mô ngày càng lớn hơn. Bảng 2.1 và đồ thị 2.2 thể hiện tình hình đầu tư cơ sở lưu trú ở tỉnh Khánh Hòa từ năm 2001 đến năm 2007 như sau:

Bảng 2.1. Hiện trạng cơ sở lưu trú của Khánh Hòa giai đoạn 2000 -2007

Hạng mục	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007*
Số cơ sở lưu trú	202	233	259	273	314	349	387
Số phòng	3.707	4.679	5.629	6.030	6.714	8.279	8.841
Công suất sử dụng phòng	50,6	51,5	47,8	45,7	52,0	51,2	-

(Nguồn: Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa)

Qua bảng 2.1 và đồ thị 2.2 (trang 35) cho thấy: số cơ sở lưu trú tăng đều qua các năm với tốc độ tăng bình quân 12,66% làm cho số phòng lưu trú cũng tăng liên tục qua các năm. So với năm 2001 thì số phòng lưu trú ước tính đến cuối năm 2007 đã tăng hớn1,96 lần. Còn so với năm 2006 thì đến cuối năm 2007, số cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch tăng thêm là 38 cơ sở (với số phòng tăng tương ứng là 562 phòng), đưa tổng số cơ sở lưu trú trên địa bàn toàn tỉnh là 387 cơ sở, theo đó số phòng cũng tăng lên và đạt 8.841 phòng, tăng 6,79%, trong đó có 303 khách sạn với 7.559 phòng (bao gồm 2 khách sạn 5 sao với 606 phòng, 3 khách sạn 4 sao với 396 phòng, 5

khách sạn 3 sao với 382 phòng, 39 khách sạn 2 sao với 1.575 phòng, 81 khách sạn 1 sao với 1.715 phòng...). Tuy nhiên công suất khai thác phòng vẫn chưa cao, chỉ xoay quanh 50%. Do đó, ngành du lịch cần có những giải pháp tăng công suất sử dụng phòng để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

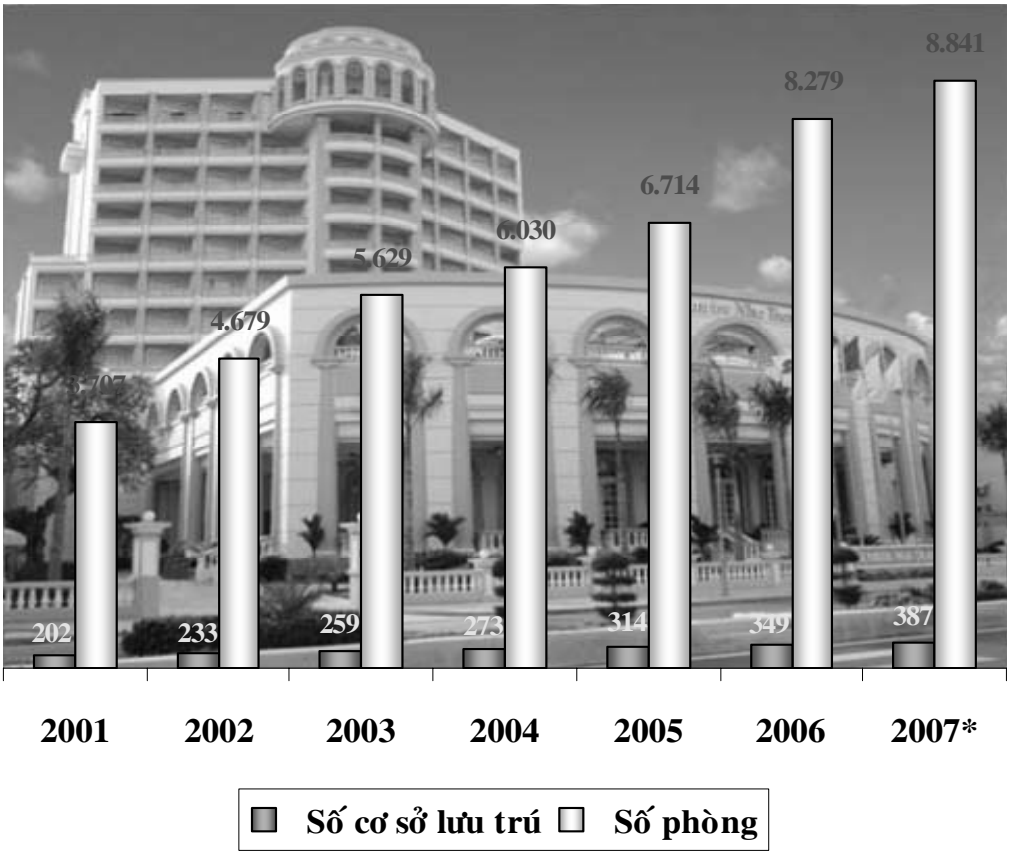

Đồ thị 2.2: Tình hình đầu tư cơ sở lưu trú và số phòng nghỉ ở tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 - 2007

Xu thế hiện nay là các doanh nghiệp du lịch xây dựng các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch với qui mô lớn, trang thiết bị hiện đại ngày càng rõ nét, nhiều khách sạn tư nhân rất chú trọng đầu tư mở rộng qui mô, nâng cấp trang thiết bị, nâng cao chất lượng phục vụ để được xét nâng hạng lên từ 3 đến 5 sao. Đây là vấn đề cần được quan tâm phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, so với tiến độ đã đăng ký của một số dự án đầu tư tại các khu, điểm du lịch lớn như khu Du lịch - Giải trí Sông Lô, các dự án du lịch ở các khu du lịch mới tại Vân Phong, Bãi Dài - Cam Ranh và một số dự án, công trình tại một số địa điểm trên đường Trần Phú - Nha Trang vẫn còn

chậm, việc này đã làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và phát triển du lịch của tỉnh.

2.1.3. Hoạt động kinh doanh lữ hành và hướng dẫn du lịch

Dự kiến đến cuối năm 2007, trên địa bàn tỉnh có 51 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đang hoạt động, trong đó có 09 doanh nghiệp lữ hành quốc tế. Thời gian qua, các doanh nghiệp lữ hành trên địa bàn đã tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, phương tiện và lao động, tăng cường các hình thức liên kết, hợp tác để đưa khách từ tỉnh ngoài về Khánh Hòa và ngược lại. Hình thức trung chuyển du khách giữa các tỉnh qua Khánh Hòa cũng ngày càng phổ biến, nhờ vậy hoạt động kinh doanh lữ hành đã có bước cải thiện cả về năng lực và tính hiệu quả.

Tuy nhiên, nhìn chung hoạt động lữ hành hiện nay vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển. Các doanh nghiệp lữ hành của tỉnh vẫn chưa có sự đầu tư đúng mức nên chưa đủ mạnh cả về quy mô cơ sở vật chất kỹ thuật và thị trường, hoạt động chủ yếu là khai thác nguồn du khách trong nước. Việc tổ chức, khai thác các tuyến du lịch quốc tế vẫn phải phụ thuộc vào sự phối hợp các doanh nghiệp lữ hành lớn của thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội.

Đầu năm 2007, sau khi kết thúc khóa đào tạo bồi dưỡng lớp Hướng dẫn viên du lịch cho 138 lao động từ các doanh nghiệp, sở Du lịch-Thương mại đã xét cấp 52 thẻ hướng dẫn viên dài hạn, nâng tổng số thẻ hướng dẫn viên dài hạn đến cuối năm là 72 thẻ (ngưng cấp thẻ tạm thời). Đây được coi là một sự cố gắng của ngành trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên. Tuy vậy, đến nay số lượng và chất lượng hoạt động của đội ngũ hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế, vì vậy trong thời gian tới cần quan tâm hơn nữa đến công tác đào tạo cơ bản, cũng như công tác quản lý hoạt động hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn.

2.1.4. Về xây dựng và khai thác các tuyến, điểm du lịch

Ngoài những điểm du lịch tham quan, vui chơi giải trí hình thành từ những năm trước luôn được khai thác hiệu quả và không ngừng đầu tư bổ sung, nâng cao chất lượng kinh doanh như suối khoáng nóng Tháp Bà, Dốc Lết, Thủy Cung, khu du lịch Hòn Tằm, Đảo Khỉ, khu du lịch công viên Yang Bay, công viên văn hóa Hòn Tre, công viên văn hóa Vinpearl, khu du lịch Cát Trắng (Ninh Hòa)… một số điểm du lịch mới hình thành và đưa vào hoạt động trong năm 2007 như khu du lịch và giải trí Nha Trang (khu vui chơi dành cho thiếu nhi); khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh đã có 01 dự án khởi công xây dựng.

Sở Du lịch - Thương mại luôn chủ động, tích cực phối hợp cùng các sở ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan xúc tiến việc khảo sát xây dựng các tuyến, điểm du lịch mới phục vụ du khách. Hoàn thiện các tuyến du lịch đồng quê, thành phố, du lịch Sông Cái... Bên cạnh các điểm, tuyến du lịch trong tỉnh, sở đã tăng cường phối hợp với các tỉnh trong khu vực miền trung, Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh khảo sát, mở các tuyến liên tỉnh theo chương trình hợp tác đã ký kết.

Tiềm năng khai thác các tuyến, điểm du lịch vẫn còn rất lớn. Tuy nhiên, để việc khai thác, quản lý các điểm du lịch đạt hiệu quả cao, tránh ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường, bảo vệ tài nguyên du lịch, xây dựng môi trường du lịch an toàn, bền vững thì cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành; có sự phân công, phân cấp cụ thể về quản lý các hoạt động khai thác kinh doanh các tuyến, điểm du lịch.

2.1.5. Về hoạt động đón khách du lịch tàu biển

Dự tính trong năm 2007, Nha Trang đón được 23 chuyến tàu du lịch quốc tế bằng đường biển với 15.000 lượt khách lên bờ tham quan (tăng 7,1% so cùng kỳ năm 2006). Số lượng các doanh nghiệp khai thác, phục vụ du khách tham quan cũng tăng hơn năm trước.

Tuy nhiên, hiện tại môi trường tại các điểm phục vụ khách du lịch tàu biển còn yếu kể cả cơ sở hạ tầng (vệ sinh môi trường, trật tự an toàn xã hội) lẫn trình độ dân trí, văn minh (ăn xin, hàng rong, tranh dành khách) còn nhiều bức xúc. Vì vậy, trong thời gian đến, tỉnh Khánh Hoà cần giải quyết tận gốc tình trạng ăn xin, nạn bán hàng rong, cò mồi đeo bám quấy rầy khách du lịch… giữ được nét văn minh, hiếu khách và an toàn của một thành phố du lịch.

2.2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA

Mọi hoạt động đầu tư suy cho cùng là để thu lợi nhuận, vì thế môi trường đầu tư hấp dẫn phải là một môi trường đầu tư có hiệu quả cao, mức độ rủi ro thấp. Điều này lại chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố như điều kiện tự nhiên, chính sách, cơ chế ưu đãi đầu tư của địa phương, điều kiện phát triển về cơ sở hạ tầng kinh tế, mức độ hoàn thiện về thể chế hành chính - pháp lý, khả năng ổn định về mặt chính trị - xã hội, độ mở của nền kinh tế, sự phát triển của hệ thống thị trường... Các nhân tố trên có mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau, vì vậy, để nâng cao chất lượng và hiệu quả của môi trường đầu tư nhằm tăng tính hấp dẫn hơn nữa trong thu hút đầu tư, tỉnh Khánh Hòa nhất thiết phải quan tâm xử lý đồng bộ các nhân tố ảnh hưởng sau đây.

2.2.1. Điều kiện tự nhiên

2.2.1.1 Vị trí địa lý và các yếu tố tự nhiên tổng quát

a. Vị trí địa lý: Khánh Hoà nằm ở vị trí địa lý từ $11^0 41' 53''$ đến $12^0 52' 35''$ vĩ độ Bắc và từ $108^0 40'$ đến $109^0 23' 24''$ kinh độ Đông. Phía bắc giáp Phú Yên, phía nam giáp Ninh Thuận, phía tây giáp Đăk Lăk và Lâm Đồng, phía đông giáp với biển Đông với đường bờ biển dài 385km.

Khánh Hoà nằm ở giữa hai thành phố lớn là thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng, là các trọng điểm phát triển kinh tế của cả nước. Khánh Hoà

có trung tâm là thành phố Nha Trang cách thành phố Hồ Chí Minh 450 km, cách thành phố Đà Nẵng 525 km. Với vị trí địa lý đặc thù của Khánh Hoà đã tạo điều kiện thuận lợi cho tỉnh mở rộng giao lưu phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có hoạt động du lịch với các tỉnh. Tuy nhiên, đây cũng là thách thức trong việc cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường của các tỉnh.

b. Địa hình: Khánh Hoà là một trong những tỉnh có địa hình đa dạng, thấp dần từ tây sang đông và phong phú với đầy đủ các thể loại địa hình: biển đảo, núi, đồng bằng… tạo nên nhiều thắng cảnh đẹp để phát triển các loại hình du lịch.

c. Khí hậu: Khí hậu Khánh Hoà vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu đại dương nên tương đối ôn hoà. Nhiệt độ trung bình năm là 26^0C, ánh sáng dồi dào. Mùa hè không bị oi bức, mùa đông không quá lạnh. Do có những vùng núi cao trên 1.000m nên có các đặc trưng của khí hậu nhiệt đới vùng núi cao, ôn hoà mát mẻ quanh năm, không có các hiện tượng thời tiết đặc biệt như gió nóng, sương muối… thuận lợi cho việc phát triển du lịch nghỉ dưỡng, du lịch núi, hoạt động du lịch biển...

d. Thuỷ văn: Dãy Trường Sơn thuộc địa phận Khánh Hoà chạy gần sát biển, do vậy các con sông suối chảy qua tỉnh đều ngắn và dốc. Chiều dài trung bình của các con sông từ 10 – 15km. Mật độ sông, suối của Khánh Hoà là 0,5 – 1km/km^2. Khánh Hoà có 2 sông lớn chảy qua là sông Cái Nha Trang và sông Cái Ninh Hoà. Trên các con sông này đang hình thành các tour du lịch mới để thu hút và lưu giữ khách du lịch.

2.2.1.2 Tài nguyên du lịch tự nhiên

a. Tài nguyên du lịch biển – đảo: bao gồm Vịnh Nha Trang, Vịnh Vân Phong, Bán đảo Đầm Môn, Bãi biển Đại Lãnh, Bãi biển Dốc Lết, Đầm Nha Phu, Vịnh và bãi biển Cam Ranh... thực sự là những kỳ quan thiên nhiên đẹp với khí hậu ôn hoà, bãi biển đẹp, cát mịn, núi đồi hùng vĩ bao

quanh, có thể phát triển nhiều hoạt động du lịch như tổ chức hội nghị, tắm biển, vui chơi giải trí cao cấp, thể thao, bơi thuyền, câu cá, lặn biển, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, thể thao trên cát, tham quan đảo… và nhiều hoạt động khác.

b. Tài nguyên du lịch hang động, suối, thác

Tài nguyên du lịch hang động, suối, thác ở Khánh Hòa rất phong phú, có thể kể ra đây bao gồm *Suối Ba Hồ*, *Suối Hoa Lan*, *Suối khoáng nóng Trường Xuân, Suối Tiên*, *Hòn Bà*, *Thác Yang Bay*... nằm trên nhiều địa phương khác nhau ở Khánh Hòa. Các hang động, suối, thác vẫn còn giữ nguyên nét hoang sơ, lãng mạn của sông hồ, núi rừng. Do đó, đây là khu vực thích hợp phát triển du lịch sinh thái núi với các loại hình tham quan, nghiên cứu, vui chơi giải trí, thể thao… Bên cạnh đó, Khánh Hòa còn có *Trung tâm suối khoáng nóng Tháp Bà* nằm tại thành phố Nha Trang thật sự mang lại cho du khách cảm giác thư giãn và phục hồi sức khoẻ sau những đợt dã ngoại mệt mỏi.

c. Tài nguyên rừng: Diện tích rừng hiện có là 186,5 nghìn.ha, trong đó có 64,8% là rừng sản xuất, 34% rừng phòng hộ và 1,2% rừng đặc dụng. Độ che phủ của rừng là 38,5%, lớn nhất là huyện Khánh Vĩnh (65,4%), tiếp đến là huyện Khánh Sơn (45,9%), các huyện còn lại đều dưới mức bình quân của tỉnh, thấp nhất là thành phố Nha Trang (10,8%), thị xã Cam Ranh (11,8%). Rừng là một thế mạnh của Khánh Hoà, song việc khai thác bừa bãi những năm qua đã làm tài nguyên rừng ngày càng cạn kiệt dẫn đến suy giảm cân bằng sinh thái.

2.2.1.3. Tài nguyên du lịch nhân văn

Bên cạnh sự nổi trội về tài nguyên du lịch tự nhiên, với lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, là mảnh đất sinh sống của nhiều dân tộc anh em, tài nguyên nhân văn của Khánh Hòa cũng có giá trị phục vụ du lịch.

a. Hệ thống các di tích: bao gồm *Tháp Bà Pô Nagar, Chùa Long Sơn,Viện Hải Dương Học, Bảo tàng tỉnh Khánh Hoà, Chợ Đầm, Khu tưởng niệm bác sĩ Alexandre Yersin, Di tích Am Chúa, Đàn đá Khánh Sơn ...* nằm ngay trong nội thành Nha Trang và các vùng phụ cận, tạo nên một quần thể điểm tham quan du lịch văn hoá độc đáo. Hệ thống di tích này sẽ thích hợp với loại hình tham quan, nghiên cứu, vãn cảnh… đặc biệt đối với Chợ Đầm là điểm thu hút khách du lịch mua sắm hàng hoá sau các kỳ nghỉ.

b. Các lễ hội: Bên cạnh các di tích, Khánh Hòa cũng còn được biết đến như là nơi có nhiều lễ hội nổi tiếng trong cả nước – một sản phẩm văn hóa rất độc đáo. Các lễ hội như *Lễ hội nghinh cá Ông*, *Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar*, *Lễ hội Am Chúa*... đều được tổ chức gắn liền với các di tích lịch sử văn hoá, là những yếu tố thuận lợi phát triển các loại hình du lịch tâm linh, tham quan, vãn cảnh trong những dịp đầu xuân.

2.2.2. Hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông

Cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa như giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc... đã được cải thiện đáng kể, có tác dụng tích cực đến sự phát triển du lịch của địa phương, góp phần tăng khả năng vận chuyển khách, khả năng tiếp cận các điểm du lịch, tạo điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt của du khách và là nhân tố quan trọng thúc đẩy sự phát triển du lịch trong thời gian tới.

2.2.2.1. Hệ thống giao thông vận tải

Đường hàng không: liên hệ giao thông hàng không đến tỉnh Khánh Hoà qua các cảng hàng không Nha Trang, Cam Ranh. Sân bay Nha Trang có một đường băng rộng 45m, dài 1.950m, là sân bay nhỏ, hiện nay chỉ phục vụ cho các máy bay quân sự nhỏ. Tháng 6/2004, sân bay Cam Ranh với một đường băng dài 3.080m, là sân bay đã được đưa vào sử dụng vận

chuyển hành khách thay thế cho sân bay Nha Trang, và sắp tới nó được nâng cấp lên thành sân bay quốc tế.

Đường sắt: tuyến đường sắt Bắc – Nam chạy dọc tỉnh Khánh Hoà dài khoảng 149,2km với ga Nha Trang là ga chính, có qui mô lớn, làm nhiệm vụ trung chuyển hành khách và hàng hoá từ Lâm Đồng, Buôn Mê Thuộc tới các tỉnh phía Bắc và phía Nam. Tuyến đường sắt qua Nha Trang là một trong những phương tiện quan trọng vận chuyển khách du lịch.

Đường biển: Khánh Hoà có 385km bờ biển với nhiều điều kiện thuận lợi để thiết lập cảng biển, hệ thống cảng biển trên địa bàn tỉnh bao gồm cảng cát Đầm Môn, cảng Hòn Khói, cảng đóng tàu Huyndai – Vinashin, cảng Ba Ngòi nằm trong vịnh Cam Ranh, cảng Nha Trang hiện được sử dụng là cảng đa chức năng phục vụ vận tải hành khách và chuyển tải hàng hoá các loại.

Đường bộ: trên địa bàn Khánh Hoà có nhiều tuyến quốc lộ đi qua như quốc lộ 1A chạy dọc bờ biển tỉnh Khánh Hoà, quốc lộ 26 nối tỉnh Khánh Hòa với thành phố Buôn Mê Thuột... Hiện nay tuyến đường Khánh Lê – Lâm Đồng qua địa phận huyện Khánh Vĩnh đang được nâng cấp, do đó tương lai nó sẽ là hành lang lưu thông trực tiếp từ Nha Trang, Diên Khánh đi Đà Lạt.

Tuy nhiên, hệ thống đường bộ, đường thủy dẫn đến các khu du lịch mới chưa được đầu tư hay đầu tư chưa đồng bộ nên giảm đi tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư.

2.2.2.2. Hệ thống công trình cấp nước

Tại các thành phố, thị trấn, thị xã các công trình cấp nước của tỉnh cũng không ngừng hoàn thiện và mở rộng. Lượng nước hiện nay sử dụng bình quân mỗi năm khoảng 10 triệu m^3 lấy từ các nguồn chủ yếu như từ các công trình thuỷ nông; các sông hoặc suối hay giếng khoan, do nhà máy nước Võ Cạnh, nhà máy nước Ninh Hoà, Vạn Giã, Cam Ranh sản xuất,

đảm bảo cung cấp đầy đủ nhu cầu nước sử dụng với chất lượng tốt, công suất đảm bảo cho nhu cầu nước lâu dài. Tuy nhiên, tại các khu du lịch mới hình thành, hệ thống cấp nước chưa được đầu tư nên rất hạn chế trong thu hút đầu tư vào các khu này.

2.2.2.3. Hệ thống truyền tải điện

Nguồn điện tỉnh Khánh Hoà hiện đang được cấp điện từ lưới điện quốc gia qua các nguồn chính sau: đường dây 500KV; nhà máy thuỷ điện Đa Nhim và nhà máy thuỷ điện Sông Hinh. Các nhà máy và các trạm biến áp này cung cấp đầy đủ nhu cầu sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của người dân. Tuy nhiên, một số khu du lịch mới như khu du lịch sinh thái bắc Cam Ranh thì chưa xây dựng trạm biến áp để sử dụng.

2.2.3. Hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội

Khánh Hòa có 42% dân số trong độ tuổi lao động, trên 2.1% tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên. Có 3 trường đại học và cao đẳng, 4 trường trung học chuyên nghiệp, 3 viện nghiên cứu quốc gia và hệ thống các loại hình đào tạo dạy nghề. Mặt bằng dân trí và hệ thống các trường đào tạo này là cơ sở đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển trong tương lai. Tỷ lệ người trong độ tuổi lao động được đào tạo nghề năm 2005 đạt 26%.

Qua điều tra hiện trạng lao động và nghiên cứu thực tế về đào tạo lại lao động trong lĩnh vực du lịch trên địa bàn tỉnh. Mặc dù công tác đào tạo nhân lực trong những năm qua đã được quan tâm, nhưng so với nhu cầu phát triển du lịch hiện nay chỉ mới đáp ứng về mặt số lượng. Ngành du lịch Khánh Hoà vẫn còn thiếu cán bộ quản lý giỏi và nhân viên phục vụ có kỹ năng chuyên môn cao, kể cả đào tạo trong và ngoài nước. Tuy nhiên trong điều kiện hiện nay việc đáp ứng nhu cầu này còn rất hạn chế, rất cần sự ủng hộ tạo điều kiện từ Tổng cục Du lịch và UBND tỉnh.

2.2.4. Hệ thống thông tin liên lạc.

Khánh Hòa hiện đang sử dụng hệ thống tổng đài điện tử kỹ thuật hiện đại, các huyện đều có tổng đài số, mạng điện thoại phủ kín 100% các xã. Hầu hết các mạng điện thoại di động và internet băng tầng rộng cũng được đầu tư và sử dụng rãi ở thành phố Nha Trang cũng như ở các huyện thị trong toàn tỉnh, do đó rất thuận lợi trong thông tin liên lạc của du khách.

Hệ thống phát thanh truyền hình từ tỉnh đến huyện, xã đều được đầu tư nâng cấp, cải tạo. Đến nay, 100% xã có trạm truyền thanh; 95% địa bàn dân cư được phủ sóng phát thanh, truyền thanh, truyền hình.

2.2.5. Hệ thống các dịch vụ tài chính - ngân hàng

Khánh Hòa cũng là một trong những tỉnh có tốc độ phát triển hệ thống ngân hàng thương mại nhanh nhất trong cả nước. Tính đến nay, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa có 5 chi nhánh ngân hàng thương mại thuộc sở hữu nhà nước (bao gồm ngân hàng NN&PTNT, Công Thương, Ngoại Thương, Đầu tư và phát triển và ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long), 16 ngân hàng thương mại cổ phần, 1 chi nhánh ngân hàng phát triển Việt Nam và1 chi nhánh ngân hàng chính sách – xã hội. Các ngân hàng thương mại đã chú trọng hơn trong việc cung cấp các sản phẩm mới với chất lượng, cũng như phát triển hệ thống thu đổi ngoại tệ, hệ thống rút tiền tự động đã đáp ứng kịp thời nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Do dó, số dư tiền gửi tiết kiệm trong giai đoạn 2001 -2006 đã tăng cao, tốc độ tăng bình quân 29,29%/năm.

Hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại đã tạo nên một kênh huy động vốn không thể nào thiếu đối với nền kinh tế nói chung và các nhà đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa nói riêng. Điều này được thể hiện thông qua số dư nợ tín dụng ngắn hạn và dài hạn tại Khnh Hịa trong giai đoạn 2001-2006 có tốc độ tăng rất cao tương ứng là 25,8% và 32.6%. Riêng tốc độ cho vay trung và dài hạn đối với ngành dịch vụ trong giai

đoạn này đạt tốc độ 45,71% và chiếm tỷ trọng cao nhất trong các ngành kinh tế của tỉnh.

Ngoài hệ thống ngân hàng nêu trên, tỉnh Khánh Hòa còn có 1 công ty cho thuê tài chính 2 và có đến 9 công ty bảo hiểm mở chi nhánh tại Khánh Hòa. Bên cạnh đó, cùng với sự ra đời hàng loạt các chi nhánh chứng khoán như chi nhánh chứng khoán của ngân hàng Công thương; ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu và ngân hàng Thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu cũng góp phần thỏa mãn nhu cầu đầu tư của các doanh nhân.

2.2.6. Chính sách thu hút đầu tư

Thời gian qua, tỉnh Khánh Hoà đã có nhiều chính sách thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài như ban hành chính sách ưu đãi về thuế, về sử dụng đất đối với các doanh nghiệp ngoài các khu công nghiệp (theo Quyết định số126 và 127 /2004/QĐ-UB ngày 10/5 /2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà) và chính sách ưu đãi của tỉnh Khánh Hoà áp dụng cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà (theo Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 10/5/2004 của UBND tỉnh Khánh Hoà). Do đó, cho đến nay tỉnh đã có 65 dự án đầu tư nước ngoài vào Khánh Hoà với tổng vốn đăng ký trên 505,86 triệu USD. Riêng khu công nghiệp Suối Dầu đã có 22 dự án đầu tư (13 dự án đầu tư nước ngoài và 09 dự án trong nước) với tổng vốn đăng ký là 55,477 triệu USD. Hiện nay, Khánh Hoà đang khẩn trương xây dựng các khu công nghiệp Ninh Thuỷ, Nam Cam Ranh, Bắc Cam Ranh, Vạn Ninh và các khu công nghiệp vừa và nhỏ Hòn Nghe, Đắc Lộc thuộc thành phố Nha Trang, Diên Phú thuộc huyện Diên Khánh.

2.2.7. Công tác xúc tiến đầu tư du lịch

Tỉnh đã xây dựng và đưa vào khai thác thành công website du lịch về Khánh Hòa; duy trì việc phát hành bản tin Du lịch – Thương mại; tổ chức các đợt khảo sát thực tế cùng với đài phát thanh – truyền hình Khánh Hòa

để xây dựng chương trình du lịch giới thiệu trên sóng phát thanh và truyền hình địa phương và Trung ương. Nhờ đó, năm 2006 công tác tuyên truyền quảng bá du lịch của tỉnh Khánh Hòa đến thị trường trong nước và ngoài nước đạt được nhiều thành tựu.

Ngay từ đầu năm 2006, song song với việc thường xuyên giới thiệu tiềm năng, sản phẩm du lịch trên các phương tiện thông tin, chương trình phục vụ khách du lịch đã được các ngành, các doanh nghiệp trong tỉnh chuẩn bị khá chu đáo với nhiều nội dung đa dạng đầy ấn tượng, đặc biệt là sự kiện cuộc thi Hoa hậu Việt Nam năm 2006 được tổ chức tại khu nghỉ mát cao cấp Hòn Ngọc Việt. Tổ chức thành công Festival biển Nha Trang năm 2007, tổ chức các sự kiện lớn như Hoa hậu báo Tiền Phong, Hoa hậu thế giới người Việt, Hoa hậu Trái Đất kết hợp tổ chức cuộc thi thuyền buồm từ Hồng Kông và điểm đến là Nha Trang… và đặc biệt năm 2008 thành phố Nha Trang đăng cai tổ chức cuộc thi hoa hậu Hoàn Vũ nên Khánh Hòa sẽ đón lượng khách quốc tế rất lớn từ các nơi trên thế giới Ngoài ra, tỉnh còn tích cực trong hoạt động tuyên truyền quảng bá cho hình ảnh và du lịch của thành phố Nha Trang, giới thiệu tiềm năng và phương hướng phát triển du lịch trong thời gian tới.

Tuy nhiên, hoạt động xúc tiến quảng bá các sản phẩm du lịch ở địa phương ra thị trường thế giới, đặc biệt là với các nước phát triển mạnh chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, chưa được đầu tư đúng mức như các nước trong khu vực và chưa có tính chuyên nghiệp.

2.2.8. Tốc độ phát triển kinh tế

Nhiều năm qua, Khánh Hoà là tỉnh có tốc độ phát triển kinh tế và đóng góp ngân sách cao trong khu vực miền trung và cả nước. Khánh Hoà được biết tới không chỉ là địa phương có tiềm năng lớn về du lịch và kinh tế biển mà Khánh Hoà cũng là địa phương có tốc độ phát triển về công nghiệp khá. Chính vì thế mà hơn mười năm qua, kinh tế tỉnh Khánh Hòa

phát triển với tốc độ tương đối cao, tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng trưởng bình quân hàng năm trên 10%. Nếu như năm 2000, GDP tỉnh Khánh Hòa chỉ đạt 6.327 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành) thì ước tính đến cuối năm 2007, GDP đạt được 18.470 tỷ đồng, gấp 2,9 lần. Nhờ đó GDP bình quân đầu người ước tính năm 2007 là 16,07 triệu đồng/người/năm. Một khi thu nhập của người dân được nâng lên, thì chi tiêu của họ cũng tăng lên, trong đó có chi tiêu cho nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng… Do đó, đây cũng là nhân tố quan trọng để thu hút vốn đầu tư.

Tuy nhiên, sự quan tâm đầu tư để phát triển ngành du lịch còn nhiều hạn chế làm cho tốc độ phát triển của ngành du lịch không tương xứng với tiềm năng du lịch ở địa phương. Do đó trong thời gian tới, muốn đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỉnh Khánh Hòa cần quan tâm đúng mức đến đầu tư và thu hút vốn đầu tư để phát triển ngành du lịch.

2.2.9. Môi trường tự nhiên và môi trường xã hội

2.2.9.1. Môi trường tự nhiên

Theo tài liệu của báo cáo qui hoạch kinh tế - xã hội tỉnh Khánh Hoà đến nay, nhìn chung chất lượng môi trường tự nhiên, cả về môi trường không khí, môi trường biển vẫn nằm trong tình trạng tốt. Các chỉ tiêu hàm lượng bụi CO_2, SO_2, NO_2, Pb… đều thấp hơn tiêu chuẩn vệ sinh cho phép. Đối với các vùng nước ven bờ vịnh Nha Trang – Cam Ranh mới chớm bị ô nhiễm do các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của cộng đồng dân cư và do nuôi tôm sinh ra…

Tuy nhiên, phải nhận thấy rằng với vấn đề phát triển kinh tế mạnh mẽ của tỉnh đã và đang có những tác động đến môi trường của tỉnh, đặc biệt là môi trường nước, môi trường biển… Nếu không chú ý đến sẽ gây ra những bất lợi đối với tăng trưởng và phát triển kinh tế của tỉnh trong tương lai.

2.2.9.2. Môi trường xã hội

Là một thành phố du lịch nên trong những năm qua, Khánh Hòa đã thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan nghỉ dưỡng. Để giữ chân du khách, Khánh Hòa đã không ngừng hoàn thiện và phát triển mạnh nhiều loại hình dịch vụ và đây cũng chính là mảnh đất màu mỡ cho nhiều băng nhóm tội phạm phát triển. Đặc biệt kể từ khi Phạm Chí Tin (tức "Tin Pales"), vốn là trùm băng đảng trong vụ án tại nhà hàng 62 Trần Phú được đặc xá tha tù trước thời hạn vào dịp 2-9-2005, trở về cũng là lúc nhiều băng nhóm xã hội đen khác hoạt động mạnh như băng nhóm tội phạm của Võ Quảng Hà (tức Hà "lê"), Nguyễn Ngọc Thành Hạnh (tức Hạnh "Nhật"), Trần Thị Hoàng Ánh (tức Ánh "phú")… Các băng nhóm này có tham gia kinh doanh trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh khách sạn, nhà hàng, vũ trường, cho vay nặng lãi… và đã nhiều lần gây mất an ninh, trật tự nơi công cộng. Điều này đã gây ra tâm lý lo sợ của du khách khi đến Khánh Hòa. Và như thế nếu không tiêu diệt tận gốc các băng nhóm tội phạm này chắc chắn Nha Trang không bình lặng như cái vẻ hiền hòa của nó mà du khách vẫn thường thấy.

Ngoài các băng nhóm tội phạm ra, môi trường xã hội phục vụ du lịch tại Khánh Hòa cũng còn nhiều bất cập và gây bức xúc cho du khách. Trước mắt hiện nay là tình trạng cò mồi, chèo kéo, bán hàng rong, nâng giá bán các sản phẩm, bán vé số cho khách du lịch… đã làm nãn lòng khách du lịch. Phần đông trong số lao động này là người ngoài tỉnh đến làm ăn và mang tính thời vụ, nhận thức của họ về kinh doanh du lịch rất hạn chế... Điều đó đã làm cho khách du lịch, đặc biệt là du khách nước ngoài rất khó chịu và không quay lại.

***Tóm lại*:** Bên cạnh vị trí địa lý thuận lợi, điều kiện thiên nhiên ưu đãi, hệ thống hạ tầng cơ sở du lịch ngày càng được hoàn thiện, các dịch vụ hỗ trợ du lịch tương đối phát triển, có các chính sách thu hút đầu tư cởi mở, năng động nhằm thu hút vốn đầu tư vào các ngành trọng điểm ở địa

phương, trong đó có ngành du lịch... thì Khánh Hòa vẫn còn nhiều vấn đề cần phải khắc phục để tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn, thân thiện hơn với môi trường tự nhiên để ngày càng thu hút nhiều du khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, hội họp… Khi đó, Khánh Hoà sẽ là nơi đầu tư an toàn và phát triển, tạo ra những cơ hội mới cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư và cùng hợp tác phát triển.

2.3. THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA TRONG THỜI GIAN QUA

2.3.1. Tình hình thu hút đầu tư trong ngành du lịch

Tình hình thu hút dự án đầu tư vào ngành du lịch trong những năm gần đây đã có bước phát triển rất khích lệ. Số dự án đầu tư tăng liên tục qua các năm, ước tính đến cuối năm 2007 tổng số dự án đầu tư 931 dự án, so với cuối năm 2004 thì số dự án tăng thêm là 340 dự án, hay tăng 57,53%, tốc độ tăng dự án bình quân trong giai đoạn này là 16,36%. Nếu so với năm 2000 - năm đầu tiên thực hiện chương trình phát triển du lịch của tỉnh - toàn tỉnh có 148 doanh nghiệp kinh doanh du lịch, thì số doanh nghiệp này đã tăng hơn 6,2 lần. Điều này được thể hiện thông qua bảng 2.2 như sau:

Bảng 2.2: Số dự án đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2004 -2007

TT	Thành phần kinh tế	Thời điểm 31/12/2004	Thời điểm 31/12/2005	Thời điểm 31/12/2006	Dự kiến 31/12/2007
1	Doanh nghiệp nhà nước	23	26	36	32
2	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	05	07	09	09
3	Công ty cổ phần	65	75	88	95
4	Công ty TNHH	175	230	274	314
5	Chi nhánh công ty	26	42	49	63
6	Doanh nghiệp tư nhân	280	355	355	401
7	Đơn vị, tổ chức khác	17	17	17	17
	Tổng số	**591**	**752**	**828**	**931**
	Số dự án tăng thêm	**-**	**161**	**76**	**103**
	Tốc độ tăng trưởng (%)	**-**	**27,24**	**10,11**	**12,44**

(Nguồn: Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa)

Từ bảng 2.2 cho thấy, đến cuối năm 2006 trên địa bàn Khánh Hòa có 828 đơn vị đăng ký kinh doanh trong lĩnh vực du lịch, trong đó có 36 doanh nghiệp nhà nước, 9 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, 49 chi nhánh công ty trong nước, 88 công ty cổ phần, 274 công ty trách nhiệm hữu hạn, 355 doanh nghiệp tư nhân và 17 đơn vị, tổ chức khác tham gia kinh doanh du lịch. Như vậy, so với năm 2005 thì trong năm 2006 số dự án tăng thêm là 76 dự án, tương ứng với tốc độ tăng là 10,11%.

Sang năm 2007, số dự án tiếp tục tăng mạnh (tăng 103 dự án), làm cho số dự án đầu tư vào du lịch tính lũy kế dự kiến đến 31/12/2007 là 931 dự án. Tuy nhiên, thành phần kinh tế của dự án đã thay đổi đáng kể so với năm 2006. Cụ thể là số doanh nghiệp nhà nước giảm 4 doanh nghiệp và chỉ còn 32 doanh nghiệp là do các doanh nghiệp này tiến hành cổ phần hóa; còn các doanh nghiệp thuộc các thành phần khác như Công ty cổ phần, công ty TNHH, các chi nhánh của các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh, đặc biệt là doanh nghiệp tư nhân có số doanh nghiệp tăng nhiều nhất (46 doanh nghiệp); Riêng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2007 không tăng thêm dự án nào.

2.3.2. Phân tích tình hình đầu tư vốn vào ngành du lịch Khánh Hòa

Từ năm 2001 đến nay, tình hình thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch tại Khánh Hòa tuy có tăng, nhưng tốc độ tăng không đồng đều qua các năm. Nguồn vốn đầu tư vào du lịch chủ yếu từ nguồn vốn trong nước, còn nguồn vốn từ nước ngoài chiếm tỷ trọng rất thấp. Bảng 2.3 sẽ phản ánh tình hình thu hút các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2001 – 2007 như sau:

Bảng 2.3: Tình hình thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001-2007

Vốn đầu tư	2001- 2005		2006		2007	
	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
1. Vốn trong nước	**6.050,17**	**99,66**	**2.884,94**	**96,94**	**3.172,20**	**100,00**
a. NSNN	1.221,00	20,11	24,30	0,82	25,50	0,80
b. Vốn doanh nghiệp	4.829,17	79,55	2.860,64	96,13	3.146,70	99,20
2.Vốn nước ngoài	**20,57**	**0,34**	**90,94**	**3,06**	**0,00**	**0,00**
Tổng vốn đầu tư	**6.070,74**	**100,00**	**2.975,88**	**100,00**	**3.172,20**	**100,00**

(Nguồn: Tổng hợp từ Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa, Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa)

Từ bảng 2.3 cho thấy số vốn đầu tư vào du lịch từ nguồn vốn trong nước giai đoạn 2001-2005 là 6.050,17 tỷ đồng, chiếm 99,66% so với tổng nguồn vốn đầu tư. Nếu tính bình quân mỗi năm nguồn vốn trong nước đầu tư vào du lịch hơn 1.200 tỷ đồng, trong khi đó số vốn đầu tư từ nước ngoài vào ngành này chiếm một tỷ trọng rất nhỏ bé, chỉ có hơn 4 tỷ đồng tính bình quân cho mỗi năm. Xu hướng này tiếp tục diễn ra trong năm 2006 và 2007, đặc biệt hơn trong năm 2007 tỉnh Khánh Hòa không thu hút được bất kỳ dự án nào đầu tư vào du lịch có nguồn vốn từ nước ngoài. Vấn đề này sẽ tiếp tục được xem xét kỹ hơn khi phân tích nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Nếu xét tổng số nguồn vốn trong nước đầu tư vào du lịch thì nguồn vốn từ các doanh nghiệp chiếm một tỷ rất cao, giai đoạn 2001 – 2005 tổng vốn đầu tư từ nguồn này là 4.829,17 tỷ đồng, chiếm 79,55%. Năm 2006, 2007 nguồn vốn này tiếp tục tăng mạnh cả về số tuyệt đối và số tương đối mà nguyên nhân chủ yếu là nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước còn rất hạn chế mặc dù nhu cầu vốn huy động từ nguồn này rất cao.

Tiếp theo phân tích cụ thể từng nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch trong những năm qua, cũng như tìm ra nguyên nhân dẫn đến tình trạng nói trên.

2.3.3. Phân tích nguồn vốn đầu tư trong nước

2.3.3.1. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Nhờ sự quan tâm đầu tư khá lớn của tỉnh về cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế, đặc biệt là vốn cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch với sự hỗ trợ vốn từ Chương trình du lịch quốc gia cho các công trình trọng điểm, những năm qua, Khánh Hoà đã thực hiện nâng cấp và xây dựng mới một số công trình hạ tầng cơ sở phục vụ du lịch và dân sinh, đặc biệt là các công trình về giao thông cầu - đường - điện, tạo nên sự liên kết giữa trung tâm du lịch thành phố Nha Trang tới các vùng du lịch trọng điểm, các khu dân cư đô thị, hình thành một số khu du lịch mới, do đó đã thu hút nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư với nhiều dự án lớn phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí chất lượng cao, khơi dậy tiềm năng du lịch tại các khu du lịch Dốc Lết, đầm Nha Phu, vịnh Vân Phong, bãi biển Đại Lãnh, các khu du lịch xung quanh vịnh Nha Trang, Bãi Dài Cam Ranh, Yang Bay - Khánh Vĩnh, Hòn Bà - Diên Khánh… với những điều kiện hết sức thuận lợi, mở ra tiềm năng to lớn cho du lịch Khánh Hòa tiếp tục phát triển trong thời gian tới. Tình hình đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước được thể hiện qua bảng 2.4 như sau:

Bảng 2.4: Tình hình đầu tư vốn ngân sách nhà nước vào cơ sở hạ tầng du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001-2007

Nguồn vốn đầu tư từ NSNN	Giai đoạn 2001 -2005		Năm 2006		Năm 2007	
	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)	Số vốn (tỷ đồng)	Tỷ trọng (%)
a. Ngân sách Trung ương	880,0	72,07	9,3	38,27	10,5	41,18
b. Ngân sách địa phương	341,0	27,93	15,0	61,73	15,0	58,82
Tổng vốn đầu tư	**1.221,0**	**100,00**	**24,3**	**100,00**	**25,5**	**100,00**

(Nguồn: Tổng hợp từ Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa, Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa)

Với quan điểm tạo động lực ban đầu để thu hút đầu tư cho các dự án phát triển du lịch tại khu kinh tế Vân Phong, Cam Ranh và các khu du lịch khác trong tỉnh, trong giai đoạn 2001 – 2005, Trung ương và chính quyền địa phương đã đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà đạt trên 1.200 tỷ đồng. Có thể đạt được kết quả như vậy, trước hết phải nói đến sự quan tâm đầu tư mạnh của Trung ương cho đầu tư các dự án cơ sở hạ tầng du lịch và phục vụ dân sinh, cũng như của UBND tỉnh Khánh Hòa và sự hỗ trợ kịp thời hiệu quả của Chương trình quốc gia về du lịch.

Cụ thể trong giai đoạn 2001 – 2005, tổng vốn từ ngân sách Trung ương đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch là 880 tỷ đồng, chiếm 72,07% so với tổng nguồn vốn ngân sách Nhà nước. Nếu tính mức đầu tư bình quân một năm từ nguồn ngân sách Trung ương là 176 tỷ đồng. Một số dự án tiêu biểu đã hoàn thành đầu tư trong giai đoạn này có thể kể đến là dự án đường du lịch Đầm Môn - vịnh Vân Phong với tổng mức kinh phí đầu tư trên 64 tỷ đồng từ nguồn vốn Chương trình quốc gia về du lịch; dự án xây dựng đường Nguyễn Tất Thành từ Nha Trang đi sân bay Cam Ranh với tổng vốn đầu tư trên 320 tỷ đồng tư nguồn ngân sách Trung ương; dự án đường Khánh Lê – Lâm Đồng với tổng vốn đầu tư hơn 397 tỷ đồng từ nguồn vốn ngân sách Trung ương...

Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, tổng vốn đầu tư trong giai đoạn 2001 – 2005 là 341 tỷ đồng, chiếm 27,93% trong tổng nguồn vốn ngân sách. Với số vốn này, tỉnh đã đầu tư vào các dự án như dự án đường Phạm Văn Đồng nối dài tuyến đường du lịch Trần Phú về phía Bắc với tổng vốn đầu tư 220 tỷ đồng; dự án xây dựng công viên Bờ biển 1 và 2 Nha Trang với tổng vốn đầu tư trên 7 tỷ đồng; cùng doanh nghiệp đầu tư nâng cấp 25 bến thủy nội địa trong tuyến du lịch biển đảo Khánh Hòa với tổng vốn đầu tư trên 20 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách tỉnh là 18 tỷ đồng.

Như vậy, trong giai đoạn 2001-2005, nguồn vốn ngân sách nhà nước tập trung chủ yếu đầu tư vào các cơ sở hạ tầng du lịch trọng điểm ở địa phương đã tạo nên một động lực ban đầu để thu hút đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa phát triển ổn định và bền vững hơn.

Tuy nhiên, đến năm 2006 và năm 2007, số vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương và kể cả địa phương giảm rất mạnh. Tổng vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Trung ương tính cho 2 năm này chỉ đạt 19,8 tỷ đồng; còn nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư nhiều hơn một ít nhưng cũng chỉ đạt 30 tỷ đồng. Theo kế hoạch năm 2007, tổng vốn ngân sách cần để đầu tư cho các dự án cơ sở hạ tầng du lịch trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà là 234,65 tỷ đồng. Nhưng thực hiện trong năm 2007 chỉ được 10,5 tỷ từ nguồn vốn Trung ương hỗ trợ và từ nguồn ngân sách địa phương là 15 tỷ đồng. Như vậy, khó khăn lớn nhất hiện nay dẫn đến việc các dự án cơ sở hạ tầng du lịch không thể triển khai được là do không có vốn đầu tư. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cần phải có các giải pháp để huy động các nguồn vốn với nhiều hình thức khác nhau nhằm đáp ứng nhu cầu vốn để đầu tư vào cơ sở hạ tầng du lịch.

2.3.3.2. Phân tích nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp

Từ bảng 2.3 (trang 51) cho thấy, trong giai đoạn 2001 – 2007, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của tỉnh Khánh Hòa đạt hơn 24.000 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh du lịch đã thu hút được sự quan tâm đóng góp của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh. Một số dự án lớn phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí mang tầm quốc gia, khu vực và quốc tế đã và đang được triển khai xây dựng cũng bắt nguồn từ nguồn vốn này.

Đây là nguồn vốn quan trọng và chiếm trọng cao nhất trong các nguồn vốn đầu tư vào kinh doanh du lịch ở tỉnh Khánh Hòa. Nguồn vốn này lấy từ nguồn vốn bổ sung của các doanh nghiệp đang kinh doanh có hiệu quả trong hoạt động mở rộng đầu tư; từ nguồn vốn tích lũy của cá nhân trong

và ngoài tỉnh. Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp đã làm thay đổi diện mạo của du lịch Khánh Hòa trong một thời gian tương đối ngắn và góp phần đáp ứng nhu cầu tham quan nghỉ dưỡng ngày càng cao của du khách.

Từ 2001 đến nay, số dự án đầu tư kinh doanh du lịch Khánh Hòa tăng rất mạnh và đi kèm với nó là số vốn đầu tư phát triển du lịch tăng cao. Nếu như trong giai đoạn 2001-2005 tổng vốn đầu tư kinh doanh du lịch Khánh Hòa từ các doanh nghiệp trên 3.131 tỷ đồng, tính bình quân trên 626 tỷ đồng mỗi năm, thì đến năm 2006 số vốn đầu tư trong khu vực này đạt hơn 1.642 tỷ đồng và năm 2007 ước đạt được 1.736,35 tỷ đồng.

Các dự án tiêu biểu đã được cấp giấy phép đầu tư trong giai đoạn này là dự án khu liên hợp khách sạn 32-34 Trần Phú với tổng mức đầu tư là 489,168 tỷ đồng; dự án khách sạn Hữu Nghị với tổng mức đầu tư trên 78 tỷ đồng; dự án cải tạo, mở rộng khách sạn Viễn Đông với tổng mức đầu tư 98,853 tỷ đồng; dự án khu du lịch làng chài Ninh Vân với tổng mức đầu tư 48 tỷ đồng; dự án khu du lịch Ngọc Sương với tổng mức đầu tư trên 254 tỷ đồng; dự án khu du lịch Tâm Hương tại khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh với tổng mức đầu tư là 155 tỷ đồng; khách sạn Phương Đông 26 - 28 Trần Phú tổng mức vốn đầu tư là 230 tỉ đồng; khách sạn Novotel Nha Trang - 50 Trần Phú trên 42 tỉ đồng…

Tình hình đầu tư vào du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua cho thấy công tác huy động vốn trong dân cư đang phát triển khá tốt. Đây là kết quả của việc định hướng phát triển của tỉnh nhằm đưa ngành du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh nhà. Cùng với vị trí địa lý thuận lợi, được thiên nhiên ưu đãi nhiều tài nguyên du lịch, UBND tỉnh tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, cũng như đẩy mạnh công tác xúc tiến và quảng bá du lịch Khánh Hòa trong những năm gần đây có nhiều cải thiện đáng kể, và điều đó đã tạo nên sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư yên tâm bỏ vốn làm ăn lâu dài tại địa phương. Tuy nhiên, các dự án đầu tư du lịch chỉ tập trung tại một số địa điểm đẹp ở một số địa phương đã gây nên quá

tải cho hệ thống hạ tầng còn đang yếu và chưa đồng bộ. Đặc biệt các doanh nghiệp chỉ đầu tư một số lĩnh vực như khách sạn, du lịch sinh thái, khu nghỉ mát… mà chưa quan tâm đến đầu tư phát triển các dịch vụ du lịch kèm theo, làm cho các sản phẩm du lịch tại địa phương còn đơn điệu. Do đó, chi tiêu và số ngày lưu trú của du khách tại Khánh Hòa cũng thấp hơn một số tỉnh thành trong cả nước.

2.3.4. Nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong những năm qua, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bước đầu đã đóng góp một phần không nhỏ vào đà tăng trưởng của tỉnh Khánh Hoà, thu nhập của nhiều lao động tương đối cao và ổn định, trình độ tay nghề cũng được nâng lên rõ rệt. Điều này đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế cũng như tăng thêm nguồn thu ngân sách nhà nước.

2.3.4.1. Phân loại vốn FDI ngành du lịch Khánh Hòa theo năm đầu tư

Bảng 2.5: Phân loại vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa theo năm đầu tư

Stt	Nước đầu tư	Năm đầu tư	Lĩnh vực kinh doanh	Vốn đầu tư (USD)	Tỉ trọng (%)
1	Malaysia	1993	Kinh doanh khách sạn	6.807.032	18,59
2	Japan	2000	Kinh doanh khách sạn	7.800.000	21,30
3	Russia	2000	Kinh doanh khách sạn	15.000.000	40,97
4	Canada	2003	Dịch vụ du lịch	107.000	0,29
5	Australia	2003	Dịch vụ du lịch	300.000	0,82
6	U.K	2005	Dịch vụ bơi lặn biển	500.000	1,37
7	France	2005	Du lịch lặn biển, nhà hàng	400.000	1,09
8	Thailand	2006	Kinh doanh dịch vụ thuyền buồm	699.578	1,91
9	Japan	2006	Du lịch và khu nghỉ mát	5.000.000	13,66
			Tổng	**36.613.610**	**100,00**

(Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa)

Tính cho đến cuối năm 2007, kể từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài, chỉ có 9 đơn vị hoạt động trong lĩnh vực du lịch được cấp giấy phép đầu tư còn

hiệu lực trên địa bàn tỉnh Khánh Hoà. So với tổng số dự án đầu tư của nước ngoài đầu tư vào Khánh Hòa (65 dự án) thì doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch chiếm 13,85%.

Nếu xét về thời gian đầu tư thì tình hình thu hút đầu tư từ nguồn vốn này qua các năm không liên tục (xem bảng 2.7). Năm 2001, 2002, 2004 và 2007 không thu hút được bất kỳ một dự án nào, mặc dù trong năm 2007 trên địa bàn toàn tỉnh Khánh Hòa thu hút được 5 dự án FDI với tổng vốn đầu tư là 13,1 triệu USD, và tổng vốn đầu tư đăng ký tăng thêm là 40,1 triệu USD.

Nếu xét về vốn đầu tư thì tính đến cuối năm 2007, tổng số vốn đầu tư của 9 doanh nghiệp kinh doanh trong ngành du lịch có 36.613.619 USD, chiếm 7,24% so với tổng số vốn đầu tư của các dự án FDI của toàn tỉnh. Trong đó, năm 2000 thu hút được 2 dự án với số vốn đầu tư đạt cao nhất là 22.800.000 USD, chiếm 62,27% so với tổng vốn đầu tư vào ngành du lịch.

Nếu xét về quốc gia đầu tư thì nhà đầu tư Nhật Bản có 2 dự án với tổng số vốn đầu tư 12.800.000 USD, chiếm gần 35% tổng vốn đầu tư vào du lịch, trong đó đầu tư chủ yếu vào kinh doanh khách sạn. Tuy nhiên, đứng đầu danh sách vốn đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa lại là nhà đầu tư nước Nga. Nga chỉ đầu tư 1 dự án vào kinh doanh khách sạn nhưng số vốn đầu tư lớn nhất 15 triệu USD, chiếm hớn 40% tổng vốn đầu tư vào du lịch; tiếp đến có thể kể đến nhà đầu tư Malaysia với tổng vốn đầu tư là 6.807.032 USD, chiếm 18,59%.

Trong tổng số vốn đầu tư vào du lịch thì vốn nhà đầu tư nước ngoài đầu tư chủ yếu là kinh doanh khách sạn (chiếm đến 94,52%), trong khi đó vốn đầu tư vào các dịch vụ du lịch chỉ chiếm 5,48%. Điều này cho thấy tình hình đầu tư các sản phẩm bị thiên lệch nhiều vào kinh doanh lưu trú mà chưa quan tâm đến các sản phẩm du lịch cao cấp nhằm tạo nên tính hấp dẫn để giữ chân du khách.

2.3.4.2. Phân loại vốn FDI vào ngành du lịch Khánh Hòa theo hình thức đầu tư

Trong tổng số dự án FDI đầu tư vào du lịch Khánh Hòa tính đến cuối năm 2007 thì có 1 hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên doanh có 3 dự án và số dự án 100% vốn nước ngoài có 5 dự án. Số vốn đầu tư theo từng hình thức đầu tư được thể hiện qua bảng 2.6 sau đây:

Bảng 2.6 : Phân loại vốn đầu tư từ nước ngoài vào ngành du lịch Khánh Hòa theo hình thức đầu tư

TT	Hình thức đầu tư	Số lượng đơn vị	Vốn đầu tư (USD)	Tỷ trọng (%)
1	Hợp đồng hợp tác kinh doanh	1	107.000	0,29
2	Liên doanh	3	8.799.578	24,03
3	100% vốn nước ngoài	5	27.707.032	75,67
	Tổng	**9**	**36.613.610**	**100,00**

(Nguồn: Sở kế hoạch và đầu tư Khánh Hòa)

Theo bảng số liệu trên ta thấy hình thức đầu tư dưới dạng Hợp đồng hợp tác kinh doanh có số vốn đầu tư thấp nhất là 107.000USD, chỉ chiếm 0,29% so với tổng vốn đầu tư, trong khi đó hình thức đầu tư 100% vốn nước ngoài chiếm tỷ trọng cao nhất (75,67%) với tổng số vốn đầu tư là 27.707.032USD. Số vốn đầu tư còn lại thuộc về hình thức liên doanh với tổng vốn đầu tư là 8.799.578USD, chiếm 24,03%. Qua đây cho thấy trong lĩnh vực du lịch, nhà đầu tư nước ngoài muốn tự chủ hoàn toàn trong điều hành doanh nghiệp, bảo vệ độc quyền về nguồn khách du lịch, phương pháp kinh doanh, kỹ thuật kiểm soát và tránh những mâu thuẫn với phía đối tác Việt Nam hơn là hợp tác với các nhà đầu tư Việt Nam.

2.3.4.3. Đánh giá hiệu quả vốn đầu tư của các doanh nghiệp FDI

Ở góc độ phân tích hiệu quả đầu tư trong doanh nghiệp thì việc phân tích chỉ giới hạn ở việc phân tích hiệu quả cuối cùng thông qua các chỉ tiêu

doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư. Việc đánh giá hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2001 -2006 được thể hiện qua bảng 2.7. Ở mục này chỉ phân tích hiệu quả vốn đầu tư của các doanh nghiệp đã và đang còn hoạt động kinh doanh đến nay, còn các doanh nghiệp đã đầu tư nhưng bị dừng tiến độ thi công (dự án Rusaka), hoặc các doanh nghiệp đã phá sản thì không đưa vào đánh giá.

Bảng 2.7: Phân tích hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong giai đoạn 2001 -2006

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Vốn đầu tư	Triệu đồng	187.551	187.551	193.933	193.933	193.933	286.980
Số lao động	Người	352	410	490	546	542	1.089
Doanh thu	Triệu đồng	31.009	33.720	50.371	72.697	87.691	104.550
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	-2.624	1.036	2.509	11.970	17.457	22.119
Nộp NSNN	Triệu đồng	2.081	4.484	5.159	9.172	9.588	8.657
Tỷ suất sinh lời	%	-1,40	0,55	1,29	6,17	9,00	7,71

(Nguồn: tập hợp và phân tích từ dữ liệu từ Cục thuế tỉnh Khánh Hòa)

Từ bảng 2.7 cho thấy, mặc dù doanh thu và lợi nhuận có xu hướng tăng qua các năm đã làm cho tỷ suất sinh lời của vốn đầu tư tính theo lợi nhuận sau thuế cũng tăng đều qua các năm. Riêng năm 2006 thì tỷ suất này đã giảm xuống so với năm trước là do công ty TNHH Ngọc Trai – Sài Gòn mới đi vào hoạt động kinh doanh. Nhìn chung hiệu quả vốn đầu tư trong khu vực có vốn đầu tư nước ngoài còn rất thấp, giai đoạn 2001 -2006 tỷ suất sinh lời vốn đầu tư tính bình quân mỗi năm chỉ đạt 3,39%, rất thấp so với gửi tiền vào ngân hàng. Trong các doanh nghiệp đầu tư vào kinh doanh du lịch tại Khánh Hòa thì công ty liên doanh Yasaka – Sài Gòn – Nha Trang kinh doanh hiệu quả nhất nhưng cũng chỉ đạt hơn 7%/năm.

Nếu xét về hiệu quả xã hội thì các doanh nghiệp này trong các năm qua đã tạo được nhiều việc làm cho người lao động, số lượng lao động năm sau đều cao hơn năm trước. Đặc biệt năm 2006 số lao động tăng rất mạnh

và đạt 1.089 người, so với năm 2001 đã tăng hơn 3 lần. Ngoài ra, mức đóng góp ngân sách Nhà nước từ năm 2001 đến năm 2005 cũng tăng qua các năm và tốc độ tăng bình quân trong giai đoạn này hơn 46%/năm. Tuy nhiên, đến năm 2006 thì số nộp ngân sách chỉ đạt 8.657 triệu đồng, so với năm 2005 đã giảm 9,7%.

Tóm lại: Vốn đầu tư nước ngoài thu hút đầu tư tại Khánh Hoà nói chung và đầu tư vào du lịch nói riêng đạt thấp trong những năm vừa qua. Số dự án không nhiều với mức vốn đầu tư thấp, không duy trì được tính liên tục trong thu hút nguồn vốn quan trọng này. Mặc dầu đã có những đóng góp quan trọng trong việc phát triển ngành du lịch địa phương trong những năm qua, nhưng nguồn vốn FDI vẫn chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu đầu tư của tỉnh. Các dự án lớn với những sản phẩm du lịch đa dạng, các công trình đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch cần vốn lớn vẫn chưa được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Trong những năm gần đây, lượng vốn đầu tư nước ngoài đầu tư vào ngành du lịch còn thấp nhiều so với lượng vốn đầu tư trong nước. Sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch Khánh Hòa vẫn còn thiếu bóng dáng của những nhà đầu tư lớn, chuyên nghiệp của nước ngoài.

2.4. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THU HÚT ĐẦU TƯ VÀO DU LỊCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH KHÁNH HÒA GIAI ĐOẠN 2001 – 2007

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa luôn ổn định và ở mức cao, trong đó có sự đóng góp của ngành du lịch. Rõ ràng ở đây có mối quan hệ chặt chẽ giữa mức tăng trưởng cao của nền kinh tế và những nổ lực vượt bậc trong việc gia tăng vốn đầu tư trên cơ sở huy động từ nhiều vốn khác nhau, trong đó có phần đóng góp từ nguồn vốn đầu tư cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa. Vì vậy, trong thời gian qua, ngành du lịch đã có những đóng góp quan trọng đối với sự tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng thu NSNN... của tỉnh nhà.

2.4.1. Đóng góp đến tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa

Trong những năm gần đây, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh Khánh Hòa luôn ổn định và ở mức cao trong cả nước. Không chỉ tổng thể nền kinh tế Khánh Hòa phát triển mà các lĩnh vực trong nền kinh tế cũng đảm bảo tăng trưởng tốt, trong đó không thể không kể đến sự đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa. Kết quả tổng sản phẩm được tạo ra trong ngành du lịch tăng đều qua các năm với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2001 - 2007 là 13,1%/năm. Tuy nhiên, so với tổng sản phẩm được tạo ra từ các ngành trong toàn tỉnh thì tổng sản phẩm ngành du lịch chỉ chiếm bình quân hơn 5,3%. Năm 2001 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh cao nhất cũng đạt 6,08% và năm 2003 tỷ lệ đóng góp vào GDP của tỉnh thấp nhất là 4,92%. Điều này được thể hiện trong bảng 4-PL (trang 108) và đồ thị 2.3 như sau:

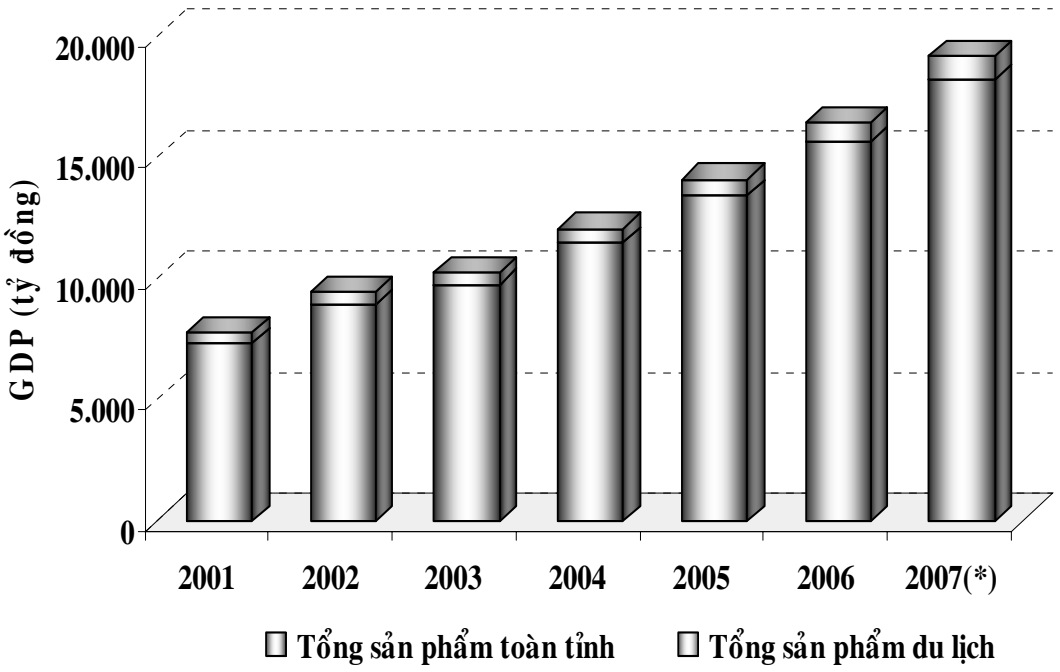

Đồ thị 2.3: Đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào tổng sản phẩm của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007

Từ đồ thị trên cho thấy việc đóng góp tổng sản phẩm của ngành du lịch vào sự tăng trưởng GDP chung của toàn tỉnh trong những năm qua là chưa cao, chưa tương xứng với lợi thế du lịch ở địa phương. Do đó, tỉnh

Khánh Hòa cần tiếp tục hoàn thiện môi trường đầu tư nhiều hơn nữa để tăng tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư vào ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

2.4.2. Tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh Khánh Hòa

Hoạt động đầu tư có vai trò quan trọng đến chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Năm 2000, cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa là dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp, nhưng đến năm 2007 thì tỷ trọng dịch vụ, du lịch tăng lên đáng kể và cơ cấu kinh tế thay đổi theo hướng công nghiệp, xây dựng - dịch vụ, du lịch - nông lâm nghiệp. Biến động cơ cấu ngành kinh tế này được thể hiện qua bảng 3-PL (trang 107) và đồ thị 2.4 như sau:

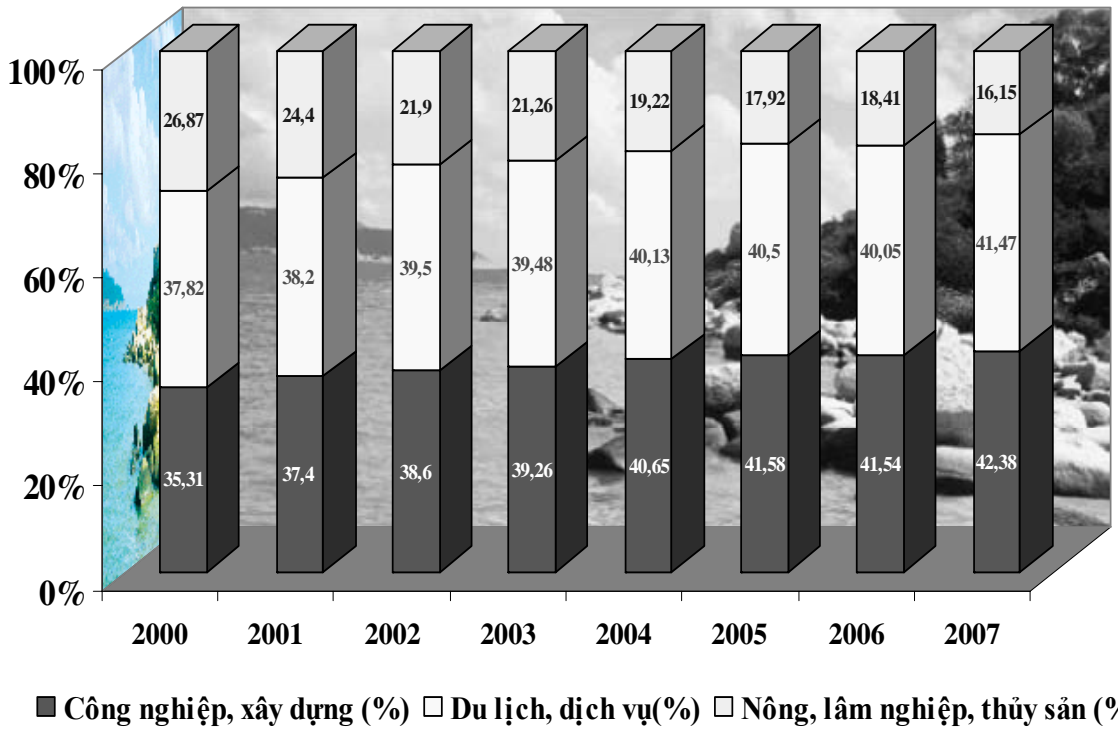

Đồ thị 2.4: Biểu diễn cơ cấu ngành kinh tế tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2000 - 2007

Từ đồ thị cho thấy chiều hướng tích cực rõ nét có thể ghi nhận ở đây là tỷ trọng của ngành nông lâm nghiệp đã giảm đáng kể, từ 26,87% trong năm 2000 xuống còn 16,15% năm 2007. Tuy nhiên, cơ cấu kinh tế năm 2007 chỉ tạm thời bởi vì đầu tư của Khánh Hòa đang trong giai đoạn đầu tư

tập trung nhiều vào dịch vụ - du lịch. Ngành công nghiệp vẫn đang được tỉnh đầu tư phát triển, tuy nhiên ngành công nghiệp Khánh Hòa không có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển như ngành du lịch. Trong những năm gần đây, mặc dù các dự án lớn của ngành du lịch chưa đưa vào sử dụng khai thác, nhưng tốc độ phát triển của ngành du lịch - dịch vụ vẫn gần tương đương với ngành công nghiệp. Do đó, nếu các dự án lớn của ngành du lịch hoàn thành và đưa vào sử dụng thì tốc độ phát triển của ngành du lịch sẽ cao hơn ngành công nghiệp, dẫn đến sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế sẽ là dịch vụ, du lịch - công nghiệp, xây dựng - nông lâm nghiệp.

Chính yếu tố thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch đã góp phần tạo ra sự chuyển dịch tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch. Như vậy, ngành du lịch trong thời gian qua đã đóng góp một phần làm chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế trong tỉnh theo hướng tăng tỷ trọng của ngành dịch vụ - du lịch, và đây cũng là một sự dịch chuyển hợp lý.

2.4.3. Tác động đến tăng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa

Thuế và các khoản phải nộp cho NSNN từ ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong giai đoạn 2001 – 2007 có xu hướng tăng qua các năm. Nếu như năm 2001 tổng số nộp ngân sách đạt 168.750 triệu đồng thì đến năm 2007 ước tính nộp ngân sách đạt 504.545 triệu đồng. Như vậy, tốc độ tăng các khoản nộp ngân sách bình quân trên 18% mỗi năm.

Mặc dù tốc độ đóng góp ngân sách có tăng qua các năm, nhưng so với tổng thu ngân sách toàn tỉnh thì tỷ lệ đóng góp của ngành du lịch Khánh Hòa vẫn còn thấp, bình quân chiếm tỷ trọng hơn 9,27%. Với tỷ lệ đóng góp này có thể thấy mức đóng góp vào ngân sách của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong những năm vừa qua chưa tương xứng với ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Điều này được thể hiện trong bảng 4-PL (trang 108) và đồ thị 2.5 như sau:

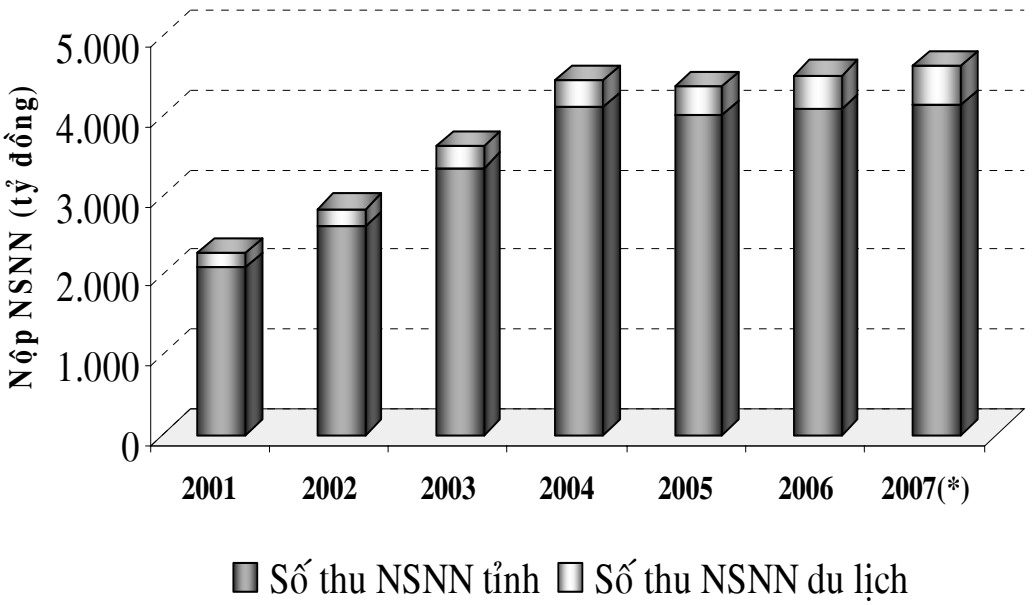

Đồ thị 2.5: Đóng góp ngân sách của ngành du lịch vào tổng thu ngân sách của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007

Sở dĩ ngành du lịch có mức đóng góp vào ngân sách trong những năm qua còn khiêm tốn là do:

- Phần lớn các dự án (đặc biệt là các dự án có qui mô lớn) đang trong giai đoạn triển khai xây dựng cơ bản hoặc chỉ mới bắt đầu đi vào hoạt động nên sản phẩm cung cấp còn ít và chưa tạo nguồn thu lớn cho tỉnh.

- Đối với những dự án đã đi vào hoạt động kinh doanh thì trong giai đoạn đầu còn nhiều khó khăn, phát sinh nhiều chi phí, chưa có lãi. Hơn nữa các dự án mới đầu tư thành lập được hưởng chính sách miễn giảm thuế liên tục từ 1 – 3 năm.

2.4.4. Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động tại địa phương

Theo thống kê của sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa, tổng số lao động làm trong ngành du lịch ước tính đến 31/12/2007 là 6.920 người, so với năm 2006 tăng 888 người hay tăng 14,72%. Nếu so với năm 2001 thì số lao động đã tăng hơn 2,4 lần. Trong đó, số lao động tăng mạnh nhất vào

năm 2002 là 950 người, so với năm 2001 tăng 33,33%. Như vậy, ngành du lịch trong những năm qua đã tích cực tạo thêm công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương. Tuy nhiên, theo đánh giá của chung thì lực lượng lao động trong ngành vẫn còn thiếu nhiều, đặc biệt là lao động có tay nghề cao. Điều này được thể hiện trong bảng 4-PL (trang 108) và đồ thị 2.6 như sau:

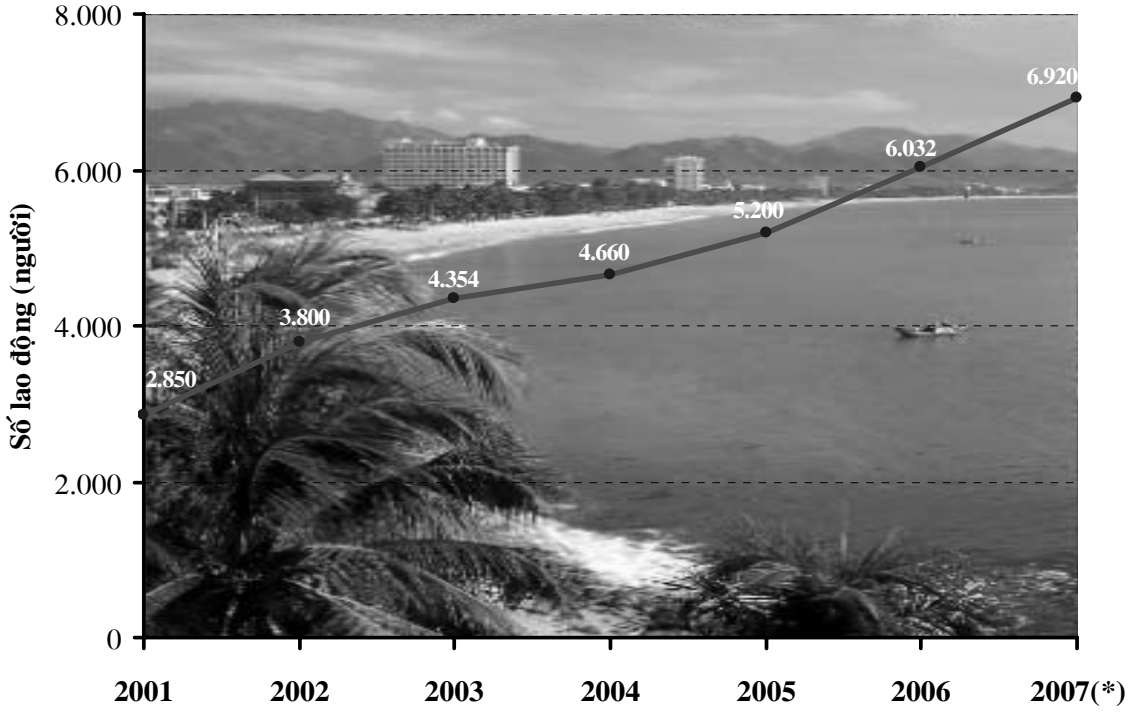

Đồ thị 2.6: Đóng góp vào việc giải quyết việc làm cho lao động của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 – 2007

2.4.5. Góp phần đẩy nhanh cải cách thủ tục hành chính.

Cải cách hành chính nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính và nâng cao tính minh bạch, công khai về các chủ trương, chính sách để cho các nhà đầu tư dễ dàng tìm hiểu trong quyết định đầu tư của mình. Cơ chế hành chính của tỉnh đã được thực hiện như sau: Tất cả các nội dung có liên quan đến thủ tục thành lập, triển khai thực hiện dự án được tập trung giải quyết theo cơ chế "một cửa". Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước giải quyết hoặc phối hợp các ban ngành để giải quyết và tham mưu cho UBND tỉnh quyết định đối với các dự án đầu tư trong và

ngoài nước nằm ngoài các khu công nghiệp và khu kinh tế. Còn các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp, khu kinh tế do Ban quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế làm đầu mối. Chính vì thế mà thời gian cấp phép đầu tư được rút ngắn xuống đáng kể.

Tóm lại: Rõ ràng các doanh nghiệp trong ngành du lịch trong những năm qua ít nhiều đã có đóng góp nhất định đến sự phát triển kinh tế – xã hội chung của tỉnh. Khi nói đến Khánh Hòa, người ta nghĩ ngay đến ngành du lịch sẽ có mức đóng góp vào GDP, NSNN… cao nhất tỉnh. Tuy nhiên, mức đóng góp của ngành du lịch trong GDP và NSNN trong những năm vẫn còn thấp (dẫn đầu đóng góp vào ngân sách của tỉnh là ngành công nghiệp), chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của địa phương.

2.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO NGÀNH DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA TRONG THỜI GIAN QUA

Qua phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư cho phát triển du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2001 - 2007 có thể rút ra một số nhận xét sau:

2.5.1 Những thành công trong công tác thu hút các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa thời gian vừa qua.

Hoạt động thu hút các nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tại tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua được đánh giá là tích cực ở các mặt sau:

- Công tác thu hút các nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển du lịch trong những năm qua khá tốt, đặc biệt trong thời gian gần đây đã tạo nên sự phát triển nhanh chóng của ngành du lịch địa phương, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng tiến bộ.

- Các kênh huy động vốn từng bước được đa dạng hóa. Trong những năm trước đây nguồn vốn đầu tư cho ngành du lịch chủ yếu là từ ngân sách và các doanh nghiệp nhà nước trong ngành, thì đến nay việc huy động vốn qua kênh tín dụng, doanh nghiệp tư nhân, cá nhân trong và ngoài tỉnh,

nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài ngày càng chiếm tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong đầu tư phát triển du lịch ở địa phương.

- Công tác thu ngân sách địa phương đạt được một số kết quả nhất định, thu vào ngân sách năm sau đều cao hơn năm trước, tốc độ tăng thu ngân sách bình quân trong giai đoạn 2001 – 2007 trên 18%/năm. Cơ cấu chi ngân sách ngày càng hợp lý hơn thể hiện chi cho đầu tư phát triển và chi sự nghiệp kinh tế ngày càng chiếm tỷ trọng cao. Chi đầu tư phát triển đã có sự tập trung cho xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội, tập trung phục vụ các công trình kinh tế trọng điểm của ngành nhằm tăng sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Ngoài ra, để đạt được những kết quả về thu hút đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa như đã phân tích ở trên, trong thời gian qua, tỉnh Khánh Hòa đã có nhiều cố gắng cải thiện môi trường đầu tư để tăng tính hấp dẫn của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa bằng một loạt các biện pháp sau:

+ Năm 2007, tỉnh Khánh Hòa đã hoàn thành "Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020" để làm định hướng cho việc kêu gọi đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa. Bên cạnh đó, nguồn vốn ngân sách Nhà nước tập trung ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch mà không đầu tư vào doanh nghiệp kinh doanh, nhằm tạo cho môi trường đầu tư được hấp dẫn hơn trong thu hút đầu tư vào ngành du lịch.

+ Thành lập Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư du lịch trực thuộc UBND tỉnh Khánh Hòa, là cơ quan hỗ trợ các nhà đầu tư vào lĩnh vực du lịch trong giai đoạn đầu để tìm hiểu về môi trường đầu tư trước khi quyết định đầu tư. UBND Tỉnh thường xuyên quan tâm đến ý kiến của các doanh nghiệp trên cơ sở tổ chức đối thoại trực tiếp. Bên cạnh đó, tỉnh còn quan tâm đến việc nâng cao trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ của

đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến của tỉnh Khánh Hòa để đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong quá trình tiếp xúc với các doanh nhân nước ngoài.

+ Tiếp tục cải cách hành chính của tỉnh Khánh Hòa nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao tính minh bạch, công khai về chủ trương chính sách, làm cơ sở cho các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư.

2.5.2 Những tồn tại trong thu hút vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa thời gian vừa qua

Nhưng bên cạnh những mặt tích cực đó, vẫn có một số điểm tồn tại cần được giải quyết nhằm gia tăng nguồn vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian tới, đó là:

- Lượng vốn đầu tư cho ngành du lịch trong thời gian qua có tăng nhưng chưa đều qua các năm, nguồn vốn gia tăng chủ yếu là khu vực doanh nghiệp tư nhân trong và ngoài tỉnh, và thật sự lượng vốn này chưa đáp ứng đủ nhu cầu ngày càng tăng của ngành du lịch. Các kênh huy động vốn khác tăng chậm hoặc giảm sút như nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một số kênh huy động vốn khác chưa được tỉnh quan tâm như thị trường cho thuê tài chính, thị trường trái phiếu, nguồn vốn mạo hiểm… Công tác cổ phần hóa DNNN còn chậm, một số doanh nghiệp du lịch đã cổ phần hóa chưa đủ điều kiện để tham gia thị trường chứng khoán, do đó lượng vốn huy động qua cổ phần hóa còn thấp

- Cơ cấu vốn đầu tư trong nước và nước ngoài được huy động để phát triển du lịch trong thời gian qua chưa hợp lý. Nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài chiếm tỷ trọng rất thấp và không liên tục. Điều này thể hiện công tác thu hút vốn đầu tư ở địa phương chưa thật sự hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào các dự án du lịch có nhu cầu vốn lớn, sản phẩm đa dạng, có sức hấp dẫn đối với du khách nước ngoài.

- Huy động vốn đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch còn nhiều bất cập, thể hiện lượng vốn đầu tư thực tế không đáp ứng đủ nhu cầu đầu tư,

đầu tư còn dàn trãi, tiến độ triển khai thi công chậm vào các khu du lịch trọng điểm của tỉnh. Hiện nay, nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng du lịch chủ yếu từ nguồn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên nguồn ngân sách nhà nước còn rất hạn hẹp trước mắt cũng như trong thời gian đến vì nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch còn rất lớn. Vì vậy, ngoài việc bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước một cách thỏa đáng, tỉnh cần phải tích cực tìm kiếm thêm các nguồn vốn khác, đa dạng hóa các hình thức đầu tư để đáp ứng yêu cầu cấp bách này.

- Hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp có vốn đầu tư ngước ngoài trong thời gian qua còn rất thấp mặc dù đây là ngành có thế mạnh của địa phương.

- Quỹ đất sẵn sàng có thể tiếp nhận dự án đầu tư nước ngoài không nhiều, không đáp ứng được điều kiện của nhà đầu tư; thời gian qua, phần lớn các khu vực tiềm năng du lịch mà các nhà đầu tư nước ngoài chú ý thì đang trong giai đoạn lập quy hoạch chi tiết, phải chờ quy hoạch được phê duyệt mới có cơ sở tiếp nhận các dự án đầu tư mới.

- Năng lực của cán bộ trong các lĩnh vực liên quan đến thu hút đầu tư, đặc biệt là trong ngành du lịch chưa cao, nhiều chủ trương chính sách và quyết định của tỉnh Khánh Hòa ban hành để đẩy mạnh thu hút đầu tư cho ngành du lịch, nhưng do năng lực quản lý điều hành của các cán bộ tham mưu, giúp việc của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan còn hạn chế, kém minh bạch dẫn đến thực hiện cấp giấy phép đầu tư còn chậm, còn né tránh trách nhiệm, kéo dài tình trạng thủ tục hành chính rườm rà… dẫn đến sự ái ngại của các nhà đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

- Vẫn còn phát sinh nhiều tiêu cực trong thu hút vốn đầu tư như cố tình gây những nhiễu nhà đầu tư, phát sinh tiêu cực phí, tham nhũng, nhiều đối tác đến Khánh Hòa tham gia và đầu tư với mục đích chính là để chiếm dụng dự án, chiếm dụng quỹ đất tốt để sau đó tìm kiếm cơ hội “sang tay”

cho người khác để hưởng phần lợi nhuận mà họ có thể tranh thủ được… điều đó làm giảm tính hấp dẫn trong môi trường đầu tư tại Khánh Hòa.

- Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng du lịch phát triển chậm và không đồng bộ, đặc biệt là nguồn nước, điện cung cấp cho các khu du lịch, cũng là một trong những nguyên nhân giảm tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư. Ngoài ra đối với các nhà đầu tư nước ngoài sẽ gặp nhiều khó khăn cho hoạt động đầu tư trong lĩnh vực này vì đụng chạm đến mối quan hệ giữa kinh tế, chính trị, ninh quốc phòng, và xã hội để vừa mở rộng hợp tác quốc tế, vừa đề phòng các nguy cơ tiềm ẩn.

- Hoạt động du lịch chỉ mới phát triển về bề rộng mà chưa đi vào chiều sâu, trên địa bàn toàn tỉnh còn thiếu các dự án cao cấp để thu hút du khách quốc tế có mức chi tiêu cao, thiếu các dịch vụ nhà hàng ăn uống cao cấp, khu vui chơi giải trí, khu thể thao sân Golf…

- Ngoài ra, mặc dù trong thời gian qua, UBND tỉnh Khánh Hòa đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tuy nhiên, hiện nay hoạt động xúc tiến và quảng bá các sản phẩm du lịch của địa phương ra thị trường thế giới, đặc biệt là với các nước phát triển mạnh kinh tế du lịch vẫn chưa đáp ứng kịp yêu cầu, chưa có tính chuyên nghiệp, hoạt động còn manh mún, chưa có chương trình cụ thể theo từng thời điểm, từng đợt, chưa tạo được sức mạnh tổng hợp để cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Các doanh nghiệp tuy có thực hiện nhưng vẫn còn hạn chế do điều kiện kinh phí. Việc áp dụng các phương tiện điện tử để quảng bá du lịch (trang Website, đăng ký qua mạng…) chưa được doanh nghiệp quan tâm; chưa có sự phối hợp thật chặt chẽ giữa các đơn vị, tổ chức liên quan trong việc cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư; còn thiếu tiếng nói "tự nguyện" của các khách sạn cho một chương trình quảng bá xúc tiến chung cho cả hệ thống khách sạn Khánh Hòa.

- Tầm nhìn trong qui hoạch phát triển du lịch kém dẫn đến phải điều chỉnh qui hoạch thường xuyên. Và một khi đã có qui hoạch thì công bố không rõ ràng và còn mang tính cục bộ địa phương.

***Tóm lại**:* Công tác thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa trong thời gian qua đã đạt được một số kết quả nhất định, góp phần tạo nên sự tăng trưởng cao của du lịch địa phương. Tuy nhiên, bên cạnh đó còn những tồn tại không ít hạn chế, vướng mắc cần có giải pháp khắc phục để trong thời gian tới, ngành dịch vụ quan trọng này sẽ có những bước phát triển mới, nhanh và bền vững, thực hiện tốt các chiến lược phát triển du lịch của Tỉnh Khánh Hòa đã đề ra.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương này tác giả tập trung làm rõ thực trạng thu hút các nguồn vốn cho đầu tư phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2001-2007. Cụ thể là tác giả đã trình bày khái quát quá trình phát triển ngành du lịch Khánh Hòa; tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư vào ngành du lịch Khánh Hòa, đó là do Khánh Hòa có vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên du lịch phong phú, các ngành bổ trợ cho phát triển du lịch địa phương phát triển, tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương tăng đều qua các năm…; tác giả đi sâu phân tích các nguồn vốn tài trợ cho đầu tư phát triển du lịch trong thời gian qua ở Khánh Hòa tập trung chủ yếu là nguồn vốn trong nước, trong đó nguồn vốn đầu tư của các chủ sở hữu chiếm tỷ lệ cao nhất, đóng vai trò quyết định trong huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa, trên cơ sở đó đã tìm ra những hạn và nguyên nhân có tác động làm cản trở công tác huy động vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

Chương 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NHẰM TĂNG CƯỜNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH TỈNH KHÁNH HÒA ĐẾN NĂM 2020

3.1.QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ

3.1.1. Các quan điểm phát triển du lịch đến năm 2020

Căn cứ yêu cầu và nhiệm vụ phát triển của ngành trong tình hình mới, trên cơ sở bốn quan điểm và mục tiêu phát triển mà quy hoạch 1995 đã đề xuất, những quan điểm phát triển du lịch tỉnh Khánh Hoà từ nay đến năm 2020 được bổ sung và điều chỉnh phù hợp với đường lối phát triển kinh tế của Đảng và nhà nước, với Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam, của khu vực miền Trung Tây Nguyên và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh mà nghị quyết Đại hội XV, Quyết định số 251/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 31/10/2006 đã đề ra, đó là:

1. Phát triển du lịch theo hướng sinh thái kết hợp văn hoá trong đó chú trọng phát triển du lịch sinh thái biển để khai thác tối đa các tiềm năng, nội lực của tỉnh.

2. Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm song song với việc nâng cao chất lượng và đa dạng hoá sản phẩm để tạo ra bước đột phá. Phát huy các lợi thế về vị trí địa lý, tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa truyền thống, kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất du lịch sẵn có, đẩy mạnh tốc độ phát triển du lịch, từng bước đa dạng hóa các sản phẩm, các loại hình du lịch.

3. Phát triển du lịch trên cơ sở toàn diện du lịch quốc tế và du lịch nội địa, trong đó phát triển mạnh du lịch quốc tế, lấy du lịch quốc tế làm động lực thúc đẩy du lịch nội địa và các ngành dịch vụ phát triển.

4. Phát triển du lịch Khánh Hoà với vai trò là trung tâm du lịch của tiểu vùng du lịch Duyên hải Nam Trung Bộ và cả nước, là đầu mối phân

phối khách du lịch cho khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Với tài nguyên du lịch phong phú và nổi trội, có vị trí thuận lợi, có hai khu du lịch Quốc gia, do vậy đây là một trong những quan điểm thiết thực để phát huy lợi thế phát triển du lịch của tỉnh Khánh Hoà.

5. Phát triển du lịch phải bảo đảm tính tổng hợp liên ngành, liên vùng và xã hội hoá cao với vai trò du lịch là động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế khác. Đẩy mạnh xã hội hóa về du lịch, huy động các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và toàn thể cộng đồng đầu tư phát triển, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia kinh doanh du lịch, dưới sự quản lý thống nhất của Nhà nước.

6. Phát triển du lịch một cách bền vững trên cơ sở gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường, an ninh quốc phòng, trật tự và an toàn xã hội, có ý nghĩa quan trọng đối với công cuộc xoá đói giảm nghèo.

Phát triển du lịch bền vững phải đặt trong mối quan hệ liên ngành, liên vùng trong khu vực và cả nước. Phát triển du lịch gắn với phát triển kinh tế xã hội, có cơ chế phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành trong Tỉnh nhằm tác động lẫn nhau cùng phát triển, bảo vệ môi trường tài nguyên sinh thái, bảo vệ giá trị tài nguyên du lịch và xóa đói giảm nghèo.

Ngoài ra, đối với Khánh Hoà tỉnh có vị trí quan trong về an ninh quốc phòng, phát triển du lịch phải gắn liền với đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ gìn thuần phong mỹ tục và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

3.1.2. Mục tiêu phát triển đến năm 2020

3.1.2.1. Mục tiêu chung

a.Về kinh tế: Nếu như trong giai đoạn 1996 - 2005 phát triển Du lịch Khánh Hoà với mục tiêu chỉ để trở thành một ngành kinh tế đủ mạnh và có sức thuyết phục, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa

phương, thì giai đoạn từ nay đến năm 2010 và những năm đến 2020 du lịch Khánh Hoà phát triển với mục tiêu thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy để phát huy sức mạnh của các thành phần kinh tế khác theo tinh thần của Nghị quyết XIV và XV/NQ-TU tỉnh Khánh Hoà đã đề ra. Phấn đấu đưa Khánh Hoà trở thành trung tâm du lịch biển tầm cỡ không chỉ của cả nước mà của khu vực.

b. Về văn hoá - xã hội: Phát triển du lịch nhằm góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá dân tộc, nâng cao vị thế du lịch Khánh Hoà đối với cả nước và trên trường quốc tế; cải tạo cảnh quan môi trường; nâng cao trình độ dân trí; thúc đẩy tiêu dùng và phát triển nhiều dịch vụ; tạo việc làm, góp phần xoá đói giảm nghèo ở các vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn.

c. Về môi trường: Phát triển du lịch Khánh Hoà giai đoạn từ nay đến năm 2020 gắn liền với phát triển du lịch bền vững, vì vậy mục tiêu phát triển du lịch là góp phần gìn giữ, tôn tạo và phát triển tài nguyên du lịch, môi trường tự nhiên và nhân văn .

d. Về an ninh quốc phòng, trât tự an toàn xã hội: Khánh Hoà là tỉnh duyên hải có vị trí quan trọng đối với an ninh quốc phòng vùng biển đảo đối với khu vực và cả nước vì vậy phát triển du lịch Khánh Hoà nhằm góp phần giữ vững an ninh quốc phòng, ổn định khu vực, tạo nên một điểm đến an toàn và thân thiện.

3.1.2.2. Các chỉ tiêu cụ thể:

a. Khách du lịch: Tăng cường thu hút khách du lịch: phấn đấu năm 2010 đón khoảng 1.500 ngàn lượt khách trong đó có 500 lượt khách quốc tế; năm 2015 đón 2.300 ngàn lượt trong đó có gần 900 ngàn lượt khách quốc tế; năm 2020 đón được 3.400 ngàn lượt khách trong đó có khoảng 1.400 ngàn lượt khách quốc tế.

b. Thu nhập từ du lịch: Nâng cao nguồn thu từ du lịch; phấn đấu năm 2010 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ VNĐ (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ), năm 2015 khoảng 5.000 tỷ VNĐ (doanh thu du lịch 3.200 tỷ); năm 2020 đạt 10.700 tỷ VNĐ (doanh thu du lịch đạt 7.000 tỷ); đưa tổng giá trị GDP du lịch năm 2010 đạt hơn 1.200 tỷ VNĐ (9,09% tổng GDP toàn tỉnh); năm 2015 đạt 2.400 tỷ (9,94%) và năm 2020 đạt gần 5.000 tỷ VNĐ (chiếm 11,53% tổng GDP của tỉnh).

c. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch: Đầu tư xây dựng mới, nâng cấp hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; tăng cường đầu tư, xây dựng các khu du lịch tổng hợp và chuyên đề quốc gia trên địa bàn, các khu du lịch có ý nghĩa vùng và địa phương (2 khu du lịch quốc gia và khoảng 18 - 20 khu du lịch khác); nâng cấp các tuyến, điểm du lịch quốc gia và địa phương trên địa bàn; nâng cấp và xây dựng mới các cơ sở lưu trú đảm bảo đến năm 2010 có khoảng 8.520 phòng khách sạn trong đó có 5.500 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng với gần 1.400 phòng đạt tiêu chuẩn 4 - 5sao, năm 2015 khoảng 12.400 phòng với hơn 8.700 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng trong đó có 2.200 phòng đạt tiêu chuẩn 4 - 5sao; năm 2020 đạt gần 21.000 phòng với hơn 15.700 phòng đạt tiêu chuẩn xếp hạng trong đó có 4.000 phòng đạt tiêu chuẩn 4 - 5sao.

d. Lao động và việc làm: Tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội, phấn đấu đến năm 2010 toàn ngành du lịch Khánh Hoà có khoảng 33.400 lao động (trong đó hơn 13.500 lao động trực tiếp), năm 2015 đảm bảo hơn 60.000 lao động (trong đó có khoảng 20.000 lao động trực tiếp) và năm 2020 có hơn 113.000 lao động (trong đó có hơn 38.000 lao động trực tiếp).

3.2. DỰ BÁO GDP, NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2020

3.2.1. Dự báo GDP của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020

Để đạt được các chỉ tiêu cơ bản trong định hướng phát triển của ngành du lịch Khánh Hoà thời kỳ 2010 - 2020, vấn đề đầu tư vào cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, các cơ sở vui chơi - giải trí - thể thao, phương tiện vận chuyển khách, các cơ sở sản xuất hàng lưu niệm, các cơ sở đào tạo nghiệp vụ du lịch... giữ vai trò hết sức quan trọng. Nếu không có đầu tư, hoặc đầu tư không đồng bộ thì việc thực hiện quy hoạch sẽ gặp nhiều khó khăn. Theo *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hoà đến 2020,* dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 như sau:

Bảng 3.1: Dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020

Chỉ tiêu	2010	2015	2020
1. Tổng giá trị gia tăng GDP của tỉnh (tỷ đồng)	13.226,00	23.834,00	43.913,00
2. Tổng giá trị GDP của ngành du lịch Khánh Hoà (Tỷ đồng)	1.202,27	2.369,22	5.061,98
3. Tốc độ tăng trưởng GDP du lịch (%/năm)	19,21	16,39	15,54
4. Tỷ lệ GDP du lịch so với GDP toàn tỉnh (%)	9,09	9,94	11,53

(Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hoà đến 2020)

Năm 2010 thu nhập du lịch đạt hơn 2.500 tỷ đồng (trong đó doanh thu du lịch hơn 1.500 tỷ đồng), năm 2015 khoảng 5.000 tỷ đồng (doanh thu du lịch 3.200 tỷ đồng); năm 2020 đạt 10.700 tỷ đồng (doanh thu du lịch đạt 7.000 tỷ đồng); đưa tổng giá trị GDP du lịch năm 2010 đạt hơn 1.200 tỷ đồng (chiếm 9,09% tổng GDP toàn tỉnh); năm 2015 đạt 2.400 tỷ đồng (chiếm 9,94%) và năm 2020 đạt gần 5.000 tỷ đồng (chiếm 11,53% tổng GDP của tỉnh).

3.2.2. Dự báo nhu cầu vốn đầu tư vào ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020

Dựa trên cơ sở của dự báo chỉ tiêu GDP của tỉnh và ngành du lịch đến năm 2020 và dự báo hệ số ICOR trong từng giai đoạn đầu tư, bảng *Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hoà đến 2020* dự báo nhu cầu vốn cho đầu tư du lịch đến năm 2020 như sau:

Bảng 3.2: Dự báo nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch tỉnh Khánh Hoà đến năm 2020

Chỉ tiêu	2010	2015	2020
1. Tổng giá trị gia tăng GDP của tỉnh (tỷ đồng)	13.226,00	23.834,00	43.913,00
2. Tổng giá trị GDP của ngành du lịch Khánh Hoà (Tỷ đồng)	1.202,27	2.369,22	5.061,98
3. Hệ số ICOR cho ngành du lịch	4,00	3,50	3,50
4. Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho du lịch (Tỷ đồng)	**4.500,00**	**8.500,00**	**10.100,00**

(Nguồn: Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hoà đến 2020)

Theo cách tính toán trên, kết quả cho thấy ngành du lịch Khánh Hoà cần đầu tư trong năm 2010 là 4.500 tỷ đồng, với khoảng 1.350 tỷ đồng (chiếm 30%) đầu tư cho các lĩnh vực kết cấu hạ tầng du lịch, xúc tiến quảng bá, đào tạo nhân lực, tôn tạo môi trường... Thời kỳ này một mặt cần đầu tư nâng cấp các cơ sở lưu trú đã có, mặt khác cần tập trung đầu tư vào các cơ sở vui chơi - giải trí, các phương tiện vận chuyển, các cơ sở đào tạo và các cơ sở dịch vụ khác với quy mô thích hợp để đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách du lịch. Thời kỳ 2011 – 2020, du lịch Khánh Hoà cần được đầu tư khoảng 18.600 tỷ đồng, trong đó đầu tư cho các lĩnh vực xúc tiến quảng bá, đào tạo nhân lực, bảo vệ môi trường... khoảng 3.700 tỷ đồng (chiếm 20%). Số còn lại sẽ tiếp tục đầu tư có chiều sâu vào các cơ sở dịch vụ du lịch để tạo ra các sản phẩm du lịch có chất lượng cao.

Như vậy, theo Qui hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa thì nhu cầu vốn trong cả giai đoạn 2010 -2020 đã được dự báo là 23.100 tỷ đồng. Tuy nhiên, dự báo nhu cầu vốn này đã hoàn thành cách đây hơn 2 năm, mặt khác năm 2007 lạm phát Việt Nam đã 12,6% và dự báo lạm phát

năm 2008 trên 22%, kèm theo giá cả một số mặt hàng trên thế giới tăng rất mạnh, đặc biệt là giá xăng, dầu nên theo tôi cần xác định lại mức dự báo nhu cầu vốn. Căn cứ vào số liệu lạm phát 5 năm, từ năm 2004 đến năm 2008 thì tốc độ lạm phát bình quân trong giai đoạn 2010 – 2020 của Việt Nam sẽ 11,84%. Do đó, nhu cầu vốn đầu tư phát triển du lịch trong giai đoạn 2010 – 2020 sẽ được điều chỉnh lại là 23.100 x 111,84% = **25.835** tỷ đồng. Từ dự báo nhu cầu vốn đã được điều chỉnh này, dự kiến các nguồn vốn có thể huy động để đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư du lịch Khánh Hòa theo các nguồn sau:

3.2.2.1. Khả năng huy động vốn từ nội bộ tỉnh:

Trên cơ sở dự kiến giá trị tổng sản phẩm tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 trong bảng 3.2 (có điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát bình quân giai đoạn 2010-2020 là 10,24%), tỷ lệ tái đầu tư từ nguồn NSNN trong giai đoạn 2001 -2005 chiếm 2,4% GDP, vốn tái tích lũy từ các doanh nghiệp đang hoạt động kinh doanh tại tỉnh Khánh Hòa. Đồng thời căn cứ vào dự báo trong giai đoạn 2010 – 2020 tỷ lệ vốn tái đầu tư từ nguồn NSNN tăng lên và đạt 3% GDP, cũng như nguồn vốn tái đầu tư tại các doanh nghiệp cũng tăng và chiếm 80% so với nguồn vốn NSNN đầu tư vào ngành du lịch, thì dự báo khả năng đáp ứng nhu cầu vốn trong giai đoạn này được thể hiện qua bảng 3.3 như sau:

Bảng 3.3. Dự báo nguồn vốn NSNN và vốn tái đầu tư từ các doanh nghiệp đang hoạt động trong ngành du lịch giai đoạn 2010 – 2020

Chỉ tiêu	2010	2015	2020	Tổng
1. Tổng giá trị gia tăng GDP của tỉnh (tỷ đồng)	14.791,96	26.655,95	49.112,30	90.560,20
2. Vốn đầu tư vào du lịch từ nguồn NSNN (3%)	443,76	799,68	1.473,37	2.716,81
3. Nguồn vốn tái đầu tư từ các doanh nghiệp (80%)	355,01	639,74	1.178,70	2.173,44
Tổng nguồn vốn (2)+(3)	**798,77**	**1.439,42**	**2.652,06**	**4.890,25**

Trong đó:

Vốn đầu tư vào du lịch từ nguồn NSNN = GDP x 3%

$$\text{Nguồn vốn tái đầu tư từ các doanh nghiệp} = \text{Vốn đầu tư vào du lịch từ nguồn NSNN} \times 80\%$$

Như vậy, khả năng đáp ứng nhu cầu vốn tại địa phương trong giai đoạn 2010 – 2020 là **4.890,25** ***tỷ đồng***.

3.2.2.2. Khả năng huy động vốn từ ngoài tỉnh và nước ngoài:

Số vốn cần huy động thêm từ ngoài tỉnh và nước ngoài trong giai đoạn này sẽ là: **25.835 - 4.890,25= 20.944,75** ***tỷ đồng***

Với nhu cầu vốn huy động tăng thêm là 20.944,75 tỷ đồng, tỉnh Khánh Hòa cần huy động vốn từ các nguồn: nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp ngoài tỉnh, từ các định chế tài chính trung gian, nguồn vốn đầu tư nước ngoài, nguồn vốn trong dân cư …

3.3. MỘT SỐ GIẢI PHÁP THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ ĐỂ ĐẢM BẢO NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HOÀ ĐẾN NĂM 2020

Với những mục tiêu phát triển ngành du lịch Khánh Hòa đến năm 2020, tỉnh Khánh Hòa cần huy động các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa là khá cao. Tuy nhiên, các giải pháp huy động các nguồn vốn phải dựa trên quan điểm là không phải thu hút vốn đầu tư bằng mọi giá, mà cần lựa chọn các dự án đầu tư có tính đến tác hại của ô nhiễm môi trường. Bởi vì trong thực tế đôi khi mang lại nguồn lợi trước mắt nhưng trong tương lai chi phí khắc phục hậu quả lớn hơn rất nhiều, như vậy thực sự không phải hiệu quả. Do đó, để huy động được nguồn vốn lớn với chất lượng cao, cần phải phát huy hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư trên quan điểm phát triển du lịch bền vững với những giải pháp cụ thể như sau:

3.3.1. Huy động nguồn vốn từ các doanh nghiệp và tư nhân trong nước

Việc nắm bắt cơ hội và thực hiện đầu tư là do doanh nghiệp quyết định, nhưng doanh nghiệp đầu tư vào đâu lại phụ thuộc vào sự thuận lợi, ưu đãi, khuyến khích mà địa phương đó có được.

Hiện nay nhiều tỉnh đã mạnh dạn đưa ra các chính sách ưu đãi, khuyến khích, thu hút đầu tư cho địa phương mình. Trên thực tế đã có sự "cạnh tranh" trong chính sách thu hút đầu tư giữa các tỉnh, thành phố, nhất là cạnh tranh trong chính sách thu hút vốn đầu tư giữa các tỉnh, thành phố thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp, các vùng kinh tế trọng điểm. Nhìn chung các tỉnh đã đưa ra những chính sách ưu đãi đầu tư rất đa dạng, trong đó có một số điều khoản chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành như: đưa ra thuế suất khung thuế suất ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, thời hạn miễn giảm thuế; thời hạn miễn, giảm thuê đất vượt quá thẩm quyền và trái với luật thuế, luật đầu tư. Điều đó đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trong nước với việc cụ thể hóa cho từng vùng, trên cơ sở những khung ưu đãi cụ thể và tăng cường phân cấp cho các tỉnh quy định để phù hợp với điều kiện của địa phương mình. Mặt khác, cũng cần có sự phối hợp giữa các địa phương trong thu hút vốn đầu tư, thực hiện phát triển kinh tế trên cơ sở quy hoạch chung và khung khổ pháp luật thống nhất.

Trong thời gian đến tỉnh Khánh Hòa cần vận dụng linh hoạt các cơ chế chính sách chung đồng thời thực hiện rà soát, điều chỉnh, ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh đối với mọi loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh, kể cả trong và ngoài nước theo hướng tích cực hơn, với liều lượng mạnh hơn, nhưng không trái với chính sách ưu đãi đầu tư chung của cả nước, cụ thể như ban hành giá thuê đất ở khung thấp nhất theo quy định của Chính phủ, tỉnh cũng nên có chính sách kéo dài thời gian miễn và giảm tiền thuê đất, hỗ trợ tiền đền bù khi thu hồi đất; hỗ trợ vốn đầu tư bằng một phần thuế đất, thuế giá trị gia tăng, thuế thu

nhập doanh nghiệp thực nộp ngân sách trong các năm đầu; hỗ trợ kinh phí đối với một số dự án cần khuyến khích vào những vị trí cụ thể; hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận các nguồn tín dụng.

3.3.2. Tiếp tục thúc đẩy phát triển các định chế tài chính nhằm tiếp vốn cho các doanh nghiệp kinh doanh du lịch Khánh Hòa

3.3.2.1. Tiếp tục thúc đẩy phát triển hoạt động của ngân hàng thương mại:

Trong thời gian qua, hệ thống ngân hàng thương mại ở tỉnh Khánh Hòa phát triển rất mạnh mẽ, tạo một kênh cung ứng vốn tín dụng tích cực cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, các sản phẩm tài trợ vốn cho doanh nghiệp còn nghèo nàn, chủ yếu là hình thức cho vay truyền thống của ngân hàng và chưa có các sản phẩm ưu đãi với các doanh nghiệp. Tuy nhiên, một thực tế hiện nay là các ngân hàng cũng rất muốn cho vay, nhưng lại không có vốn để cho vay. Vì vậy, trong thời gian tới, các ngân hàng thương mại cần quan tâm không những đến các sản phẩm đầu ra mà còn quan tâm đến việc nuôi dưỡng và phát triển các nguồn vốn huy động để đảm bảo nhu cầu vốn cho vay theo các giải pháp sau:

- Đối với hoạt động cung cấp các dịch vụ cho khách hàng:

Trước tiên, các ngân hàng cần nhanh chóng liên kết các máy rút tiền tự động để khách du lịch có thể rút tiền một cách dễ dàng và nhanh chóng. Ngoài ra, các ngân hàng cần đầu tư hệ thống máy rút tiền tự động có thể đọc được các loại thẻ rút tiền trên thế giới bởi vì khách quốc tế thường ít sử dụng tiền mặt mà chủ yếu thanh toán qua thẻ để an toàn, tiện lợi và nhanh chóng hơn trong các chuyến du lịch.

Tiếp theo, các ngân hàng cần sử dụng các sản phẩm ưu đãi đối với các doanh nghiệp vay vốn tại ngân hàng như ưu đãi về lãi suất vay, thời hạn vay, phương thức trả nợ, loại tài sản đảm bảo, tỉ lệ vốn vay trên giá trị tài sản đảm bảo (có thể cho vay bằng 100% giá trị tài sản bảo đảm, nhưng tài

sản này phải được đánh giá theo giá thị trường), tài trợ từ 70-90% tổng giá trị phương án; ưu đãi về lãi suất tiền gửi, về các loại phí chuyển tiền, thanh toán L/C, bảo lãnh các hợp đồng thanh toán, hợp đồng dự thầu, hợp đồng bảo hành... trên cơ sở đó đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng của ngân hàng. Bên cạnh đó phải có chính sách cụ thể đối với những khách hàng có mức dư nợ vay khác nhau. Từ đó mỗi khách hàng được chọn loại khách hàng VIP sẽ có những chính sách ưu đãi đặc biệt. Ngoài ra, (đây là yếu tố cạnh tranh chủ yếu của các ngân hàng ngoài quốc doanh và ngân hàng nhà thương mại quốc doanh) thời gian giải quyết hồ sơ phải nhanh nhưng đảm bảo nguyên tắc tín dụng, có chế độ chăm sóc khách hàng trước, trong và sau cho vay, sản phẩm vay phong phú để doanh nghiệp có nhiều lựa chọn và cán bộ tín dụng phải trong sạch, tạo thiện cảm với khách hàng, tránh trường hợp gây khó dễ để vòi tiền khách hàng. Đặc biệt cần phải nâng cao năng lực thẩm định tín dụng của cán bộ tín dụng để đảm bảo độ an toàn tín dụng.

- Đối với hoạt động huy động vốn: Trước tiên, các ngân hàng cần tạo được sự tin tưởng và nâng cao hiểu biết của người dân đối với hoạt động của ngân hàng. Tiếp theo, ngoài công tác tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cán bộ ngân hàng phải gần gũi, giúp đỡ, tư vấn góp ý một cách trung thực cho người dân trong việc gửi tiền tiết kiệm và sử dụng tiền, phải giải thích để họ thấy được những lợi ích và sự an toàn khi gửi tiền vào ngân hàng được lâu dài và có tiền lãi hấp dẫn; thường xuyên sử dụng linh hoạt công cụ lãi suất trong phạm vi được phép để tác động đến thị trường tiền gửi; tranh thủ giữ vững mối quan hệ hợp tác tốt đối với các khách hàng truyền thống lớn như những khách hàng có tiền gởi thường xuyên, giao dịch chuyển tiền thường xuyên; các ngân hàng cũng có thể phát triển thêm các hình thức huy động vốn mới như tiết kiệm tuổi già và tiết kiệm tích luỹ...

3.3.2.2. Phát triển loại hình cho thuê tài chính tại Khánh Hòa

Qua thời gian thực hiện nghiệp vụ cho thuê tài chính ở Việt Nam cho thấy những lợi ích mà nghiệp vụ cho thuê tài chính mang lại là rất lớn, nó làm giảm những khó khăn về nguồn vốn đầu tư dài hạn vào máy móc, thiết bị của doanh nghiệp, tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận với thiết bị và công nghệ hiện đại. Có thể nói, thị trường cho thuê tài chính là một thị trường đầy tiềm năng ở nước ta. Song một sự thật là nghiệp vụ cho thuê tài chính chưa phát triển ngang tầm với những ưu thế vốn có của nó. Cả tỉnh Khánh Hòa mới chỉ có một công ty cho thuê tài chính (Công ty cho thuê tài chính II, thuộc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam). Bên cạnh đó, hình thức tài trợ vốn này chưa được phổ biến rộng rãi, nhiều doanh nghiệp kinh doanh du lịch vẫn còn xa lạ đối với hình thức này. Vì vậy, để phát triển thị trường cho thuê tài chính ở Khánh Hòa trong thời gian tới cần có các giải pháp sau:

- Tỉnh cần có các chính sách khuyến khích thu hút các công ty cho thuê tài chính thành lập tại địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp nước ngoài bởi vì sự tham gia của các doanh nghiệp nước ngoài sẽ giúp cho các công ty trong nước tiếp cận nhanh chóng với nguồn máy móc thiết bị và công nghệ hiện đại trên thế giới. Các máy móc thiết bị các doanh nghiệp du lịch có thể huy động từ thị trường này bao gồm hệ thống máy lạnh, trang thiết bị nội thất, phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy…

- Tỉnh cũng cần có chính sách miễn, giảm thuế để tạo điều kiện cho các công ty cho thuê tài chính giảm chi phí, xây dựng lãi suất cho thuê phù hợp, đủ sức cạnh tranh trên thị trường như thuế xuất nhập khẩu, thuế chuyển nhượng quyền sở hữu tài sản, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động cho thuê.

- Sớm hình thành các trung tâm giao dịch, mua bán máy móc, thiết bị cũ. Khi kết thúc hợp đồng cho thuê tài chính hoặc vì lý do nào đó hợp đồng

cho thuê tài chính kết thúc trước hạn, để tìm được một khách hàng mới thuê lại máy móc, thiết bị này quả là một việc khó khăn. Việc hình thành các trung tâm môi giới, mua bán, kinh doanh thiết bị cũ giúp tháo gỡ khó khăn cho các công ty cho thuê tài chính trong việc thu hồi vốn.

- Các công ty cho thuê tài chính cần đẩy mạnh hơn nữa công tác giới thiệu, quảng bá hình thức tài trợ vốn này: các công ty công ty cho thuê tài chính cần có chiến lược tuyên truyền, quảng bá rộng rãi về hoạt động này nhằm nâng cao sự hiểu biết cho doanh nghiệp, đồng thời cần có chương trình đào tạo và xây dựng trung tâm hỗ trợ hoặc tư vấn cho khách hàng, đặc biệt đối với khách hàng là doanh nghiệp vừa và nhỏ và cá nhân.

3.3.2.3. Phát triển kênh huy động vốn qua thị trường chứng khoán

Mặc dù thị trường vốn (chủ yếu là thị trường chứng khoán) là một kênh quan trọng trong việc thu hút vốn đầu tư cho phát triển kinh tế xã hội, nhưng thị trường này vẫn chưa được tỉnh Khánh Hòa quan tâm khai thác. Hầu hết các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật xã hội đều dựa trên nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ và nguồn ngân sách địa phương. Các doanh nghiệp khi thiếu vốn đầu tư vẫn dựa vào ngân hàng thương mại là chủ yếu. Các biện pháp phát hành các loại chứng khoán trên thị trường vốn để huy động nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế Khánh Hòa nói chung và ngành du lịch Khánh Hòa nói riêng chưa được áp dụng rộng rãi. Đến ngày 31/1/2008, ngành du lịch ở Khánh Hòa có được công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Vinpearl huy động vốn trên thị trường này. Cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Vinpearl với mã chứng khoán là VPL có giá tham chiếu vào ngày giao dịch đầu tiên là 120.000đ/cổ phiếu, cao gấp 12 lần so với mệnh giá, và số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết là 100 triệu cổ phiếu. Qua đây cho thấy thị trường chứng khoán trong tương lai sẽ là một thị trường cung cấp vốn trung và dài hạn chính cho các

doanh nghiệp. Do vậy, để thúc đẩy các doanh nghiệp có thể huy động vốn trên thị trường này, tỉnh cần thực hiện các biện pháp sau đây:

- Tỉnh cần có chính sách hỗ trợ các lớp bồi dưỡng kiến thức về chứng khoán cho người dân; khuyến khích các công ty chứng khoán đặt chi nhánh, các phòng giao dịch, đại lý nhận lệnh mua bán chứng khoán trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện phát triển các quỹ đầu tư, các công ty quản lý quỹ đầu tư.

- Đối với các DNNN: cần tiếp tục đổi mới, cơ cấu và sắp xếp lại, thực hiện cổ phần hóa các DNNN có đủ điều kiện. Tỉnh cần giải quyết kịp thời những vướng mắc của các DNNN trong quá trình cổ phần hóa, đặc biệt là những vấn đề về công nợ, xác định giá trị doanh nghiệp, nhất là tài sản liên quan đến đất đai.

- Đối với các loại hình doanh nghiệp khác: tỉnh cần tuyên truyền luật pháp, hệ thống thông tin, các điều kiện để được niêm yết trên thị trường chứng khoán, quy trình thủ tục tham gia thị trường chứng khoán, qui trình và thủ tục phát hành trái phiếu công ty… để các doanh nghiệp chủ động tiếp cận huy động vốn trên thị trường này.

Nhìn chung, để các doanh nghiệp có thể huy động vốn trên thị trường này thì hệ thống báo cáo tài chính phải rõ ràng, minh bạch, phản ánh trung thực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy, các doanh nghiệp cần thiết phải tham gia đánh giá định mức tín nhiệm của doanh nghiệp, và cần phải thực hiện kiểm toán tài chính nếu muốn tham gia trên thị trường chứng khoán.

3.3.3. Huy động vốn qua thị trường vốn đầu tư mạo hiểm.

Một trong những giải pháp khác để đáp ứng một phần nhu cầu vốn cho các doanh nghiệp đó là nguồn vốn mạo hiểm.

Vốn mạo hiểm là khoản đầu tư do những tổ chức chuyên môn hoá

thực hiện tới những doanh nghiệp có mức tăng trưởng cao, rủi ro cao và thường là có công nghệ cao đang cần vốn cổ phần để tài trợ cho phát triển sản phẩm hoặc tăng trưởng, và thời gian đầu tư thường trong khoảng từ 3 đến 5 năm.

Thị trường vốn mạo hiểm là thị trường vốn tiềm năng và hiện còn đang mới mẻ ở nước ta chứ không riêng gì tỉnh Khánh Hòa. Với đặc điểm riêng có của ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa mà thế mạnh là du lịch biển đảo, việc phát triển các sản phẩm du lịch gắn liền với biển mang tính mạo hiểm như tham quan đáy biển bằng tàu chuyên dụng, lặn biển, nhảy dù… mới xuất hiện như là một thử nghiệm. Do đó, muốn phát triển các sản phẩm độc đáo này, tỉnh cần thu hút nguồn vốn đầu tư mạo hiểm để khởi sự một doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay các doanh nghiệp khó tiếp cận được nguồn vốn này. Vì vậy, để khai thông nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, cần có sự hợp tác giữa 2 phía: tỉnh Khánh Hòa và các doanh nghiệp tiếp nhận vốn từ quỹ đầu tư mạo hiểm.

- Về phía tỉnh Khánh Hòa: cần tạo môi trường cho vốn mạo hiểm hoạt động, đóng vai trò là người kết nối nguồn vốn từ các quỹ đầu tư mạo hiểm đến các doanh nghiệp du lịch. Cụ thể là tỉnh cần có những chương trình hỗ trợ cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp mới khởi sự; có những chính sách ưu đãi về thuế như giảm thuế lợi vốn làm tăng lợi nhuận sau thuế của những tài sản đem lại lợi vốn, hay giảm thuế suất thuế thu nhập sẽ làm tăng số lượng cá nhân tiến hành khởi sự doanh nghiệp nhằm tăng nhu cầu vốn mạo hiểm. Ngoài ra, tỉnh cũng cần có một bộ phận chuyên hỗ trợ trong việc lập dự án nhằm giúp các doanh nghiệp tiếp cận với các quỹ đầu tư mạo hiểm dễ dàng hơn.

- Về phía doanh nghiệp: Mặc dù khi tiếp nhận vốn đầu tư mạo hiểm là các doanh nghiệp bán một phần vốn của mình cho các quỹ đầu tư, nhưng doanh nghiệp sẽ tăng được mức tín nhiệm trên thị trường và là cơ hội tái

cấu trúc vốn cũng như có cơ hội tiếp cận thị trường chứng khoán được dễ dàng hơn. Tuy nhiên, để tiếp cận nguồn vốn này các doanh nghiệp cần có một chiến lược về vốn đầu tư cho từng giai đoạn phát triển của mình, cần xây dựng các dự án đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư, minh bạch hệ báo cáo tài chính và cần phải có những kế hoạch kinh doanh chi tiết trong vòng 3 năm tới. Đặc biệt các doanh nghiệp cần có một số lợi thế riêng như bằng phát minh sáng chế, sở hữu công nghệ, hay một địa điểm tốt nằm dọc bờ biển.Trên cơ sở đó doanh nghiệp mới thuyết phục quỹ đầu tư bỏ vốn cho mình. Ngoài ra, trước khi tiếp cận quỹ đầu tư cần biết quỹ đầu tư này hoạt động trong những chuyên ngành nào và có lộ trình thoát vốn cho các nhà đầu tư mạo hiểm bằng cách công ty sẽ được niêm yết trên thị trường chứng khóan.

3.3.4. Thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Theo nhiều chuyên gia kinh tế, các yếu tố như giá thuê nhân công rẻ, nguồn tài nguyên phong phú, thị trường nội địa khá lớn... là những yếu tố rất quan trọng để thu hút ĐTNN. Song, các yếu tố này không thể đảm bảo để thu hút ĐTNN mang tính lâu dài, ổn định và bền vững. Điều quan trọng hơn cả là cần tạo dựng một hệ thống chính sách ổn định, đồng bộ và thông thoáng cùng với đẩy mạnh giảm các chi phí kinh doanh.

Theo khảo sát của Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư du lịch Khánh Hòa, lĩnh vực du lịch cần tập trung thu hút FDI ở 3 khu vực: Khu vực Bắc Mỹ, trong đó trọng tâm là Mỹ; Khu vực châu Á bao gồm Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Malaysia, Trung Quốc và Đài Loan; Khu vực EU với trọng tâm là Pháp và Anh. Để thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn này, tỉnh Khánh Hòa cần tiếp tục hoàn thiện các vấn đề sau:

- Tiếp tục đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ ngành du lịch, đặc biệt là nguồn nước, điện cung cấp cho các khu du lịch tại Vịnh

Văn Phong và Bắc bán đảo Cam Ranh; đào tạo lại lao động trong ngành có tay nghề cao.

- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư: Tổ chức tiếp xúc với các nhà đầu tư nước ngoài đến tỉnh để tìm hiểu cơ hội đầu tư. Tuy nhiên, khác với việc tổ chức hội thảo kêu gọi đầu tư như đã làm trong những năm qua, việc xúc tiến đầu tư sẽ thực hiện theo phương thức vận động đầu tư theo từng dự án, tiếp xúc trực tiếp với nhà nhà đầu tư tiềm năng, phù hợp với từng dự án.

- Khuyến khích thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài hoặc liên doanh với nước ngoài theo hướng ưu tiên đầu tư vào các dự án lớn như các khu vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cao cấp, sân golf ... ở những khu vực ưu tiên phát triển du lịch của tỉnh, đặc biệt ở thành phố Nha Trang và phụ cận, khu vực vịnh Cam Ranh. Để thu hút được các dự án này tỉnh cần ưu tiên quỹ đất ở các khu vực tiềm năng du lịch cho các dự án đầu tư nước ngoài với qui mô lớn và chất lượng cao.

- Nhà nước cần có văn bản hướng dẫn cụ thể đối với sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành địa phương bao gồm UBND cấp tỉnh, huyện – nơi dự kiến thành lập dự án, sở Kế hoạch và Đầu tư, sở Tài nguyên – Môi trường, sở Tài chính, sở Xây dựng, bộ chỉ huy quân sự tỉnh vì đây là ngành có mức độ nhạy cảm cao liên quan đến an ninh quốc phòng.

- Thủ tục hành chính tuy có đơn giản hơn trước nhưng vẫn còn phức tạp đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, cần thực hiện nghiêm túc công tác quản lý hành chính theo cơ chế "một cửa" trên các lĩnh vực: cấp phép đầu tư, điều chỉnh giấy phép đầu tư, đăng ký lại doanh nghiệp và dự án đầu tư, quản lý tài nguyên và môi trường, lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ... nhằm làm cho môi trường đầu tư ngày càng chuẩn mực, minh bạch, thông thoáng và thuận lợi cho các nhà đầu tư.

3.4. CÁC GIẢI PHÁP HỖ TRỢ ĐỒNG BỘ TRONG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO DU LỊCH KHÁNH HÒA

Để du lịch Khánh Hòa phát triển bền vững, xứng đáng với tiềm năng của tỉnh, bên cạnh các biện pháp thu hút các nguồn vốn đầu tư nêu trên, trong thời gian tới tỉnh Khánh Hòa cần có các giải pháp hỗ trợ đồng bộ trong thu hút đầu tư, đó là:

3.4.1. Thu hút đầu tư phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2020 theo hướng bền vững

Du lịch là ngành kinh tế tổng hợp mà sự tồn tại và phát triển của nó gắn liền với môi trường. Sự suy giảm của môi trường đồng nghĩa với sự đi xuống của hoạt động du lịch. Ở đây môi trường được hiểu bao gồm môi trường kinh doanh, môi trường xã hội và môi trường tự nhiên, trong đó, môi trường tự nhiên đối với việc phát triển du lịch là vấn đề sống còn. Vì vậy, bảo vệ môi trường tự nhiên trong kinh doanh du lịch là điều kiện quyết định sự phát triển của doanh nghiệp và cần sự chung tay của mọi người bằng nhiều giải pháp cụ thể, hữu hiệu chứ không thể phó mặc cho thiên nhiên. Do vậy, để phát triển du lịch bền vững phải gắn chặt với việc bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo vệ các tài sản văn hóa lịch sử và góp phần xây dựng cộng đồng địa phương.

Trong những năm gần đây, ngành du dịch Khánh Hòa nói riêng và Việt Nam nói chung phát triển nhanh chóng, là ngành có tiềm năng lớn tại các nước đang phát triển. Nó mang lại nguồn ngoại tệ và tạo ra nhiều việc làm cho người lao động, trong đó có những công việc không đòi hỏi trình độ học vấn hay trình độ chuyên môn cao. Tuy nhiên, với năng lực quản lý yếu kém không bắt kịp tốc độ phát triển của ngành đã dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng mà trong đó không thể không kể đến tác động ô nhiễm môi trường.

Với du lịch Khánh Hòa, du lịch biển đóng vai trò then chốt, vì vậy những rủi ro từ ô nhiễm môi trường biển sẽ tác động trực tiếp tới môi trường du lịch. Không chỉ nguy cơ từ rác thải, nước thải mà sự dễ dãi trong thu hút đầu tư bằng mọi giá không theo định hướng phát triển bền vững cũng là nguyên nhân không nhỏ tác động đến môi trường du lịch, và hậu quả của nó là sự mất dần các rạng san hô, các loài cá đẹp và hiếm dần mất đi, hiện tượng rong biển chết hàng loạt… là những minh chứng cho điều trên. Vì vậy đã đến lúc cần có các giải pháp phát triển du lịch bền vững, việc bảo vệ và xử lý ô nhiễm môi trường cần được đặt ra trên bàn cân thu hút đầu tư với những giải pháp đồng bộ như sau:

- Trên cơ sở qui hoạch tổng thể phát triển du lịch đến năm 2020 đã được Chính Phủ phê duyệt và các qui hoạch chi tiết cho từng vùng trong tỉnh, sở Thương mại – Du lịch cần xây dựng các dự án để mời gọi đầu tư. Các dự án này cần giảm thiểu tác động của hoạt động du lịch đến môi trường biển, mang lại các hiệu quả trực tiếp cho cộng đồng và lâu dài cho toàn xã hội ở vùng ven biển và hải đảo, trên cơ sở ứng dựng công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường biển, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, ít tiêu thụ năng lượng, nước sạch và tăng cường tái sử dụng chất thải trong các cơ sở dịch vụ du lịch, đặc biệt trên các đảo, đảm bảo phát triển du lịch biển bền vững.

Để thu hút đầu tư được các dự án này, tỉnh cần có chính sách ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định. Khuyến khích và hỗ trợ phát triển các loại hình du lịch thân thiện với môi trường, đặc biệt là du lịch sinh thái biển.

- Đối với các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực du lịch:

Trên địa bàn tỉnh hiện nay chủ yếu kinh doanh dựa trên những nguồn lợi có sẵn từ thiên nhiên, vì vậy việc giữ gìn, bảo vệ cảnh quan, môi trường là việc làm có tính "sống còn" đối với các doanh nghiệp. Do đó, các cơ sở

kinh doanh du lịch cũng phải có những hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ môi trường như xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng hoà vào thiên nhiên, cam kết xử lý nước thải trước khi đưa vào môi trường, có thể đầu tư hệ thống xử lý nước thải và tái sử dụng nước thải để tưới cây, vừa tiết kiệm chi phí, vừa góp phần bảo vệ môi trường; tại các khu du lịch cần chủ động làm sạch môi sinh, môi trường và tổ chức trồng cây xanh trong khuôn viên khu du lịch; các khách sạn ven biển thường xuyên cử công nhân viên vệ sinh bờ biển, thu gom và vớt váng rong…

- Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về môi trường:

Tích cực triển khai "Quy chế bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch" do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Quyết định số 02/2003/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 7 năm 2003; lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các hoạt động phát triển du lịch biển, đặc biệt trong công tác quy hoạch phát triển du lịch với việc thực hiện đánh giá tác động môi trường.

- Phát động nhiều phong trào để tuyên truyền cho người dân và du khách biết sự cần thiết phải bảo vệ môi trường như xây dựng “một ngày thu gom chất thải” - ngày mà tất cả các vịnh đẹp trên thế giới cùng huy động học sinh địa phương tham gia làm sạch bờ biển; tổ chức giải marathon chung cho các vịnh trên thế giới để thu hút thêm gia đình các du khách đến với các vịnh; tổ chức chương trình “tuần lễ du lịch xanh” …

Bảo vệ môi trường trong kinh doanh du lịch là rất quan trọng, nó quyết định đến sự phát triển bền vững của du lịch. Bảo vệ tốt môi trường trong kinh doanh du lịch góp phần cải thiện sự xuống cấp của môi trường nói chung, bảo đảm cân bằng sinh thái, ngăn chặn, khắc phục hậu quả xấu do con người và thiên nhiên gây ra cho môi trường.

3.4.2. Sử dụng hợp lý nguồn vốn NSNN để hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch.

Quan điểm sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm làm cơ sở kích thích phát triển du lịch; ưu tiên đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng du lịch, quảng bá xúc tiến du lịch, đào tạo nguồn nhân lực du lịch... để tạo tính hấp dẫn trong thu hút đầu tư.

Một khi cơ sở hạ tầng hoàn thiện theo hướng đồng bộ nó sẽ góp phần đảm bảo cho hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được tốt hơn. Do đó cơ sở hạ tầng đầu tư đồng bộ có thể đáp ứng được nhu cầu thu hút đầu tư. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch theo hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch như giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, cải tạo môi trường... là tiền đề quan trọng thu hút các nhà đầu tư phát triển du lịch. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm hạ tầng đến các khu du lịch và hạ tầng trong khu du lịch (hạ tầng khung) đều cần được quan tâm đầu tư phát triển, đặc biệt đối với các khu du lịch quốc gia (thành phố Nha Trang, vịnh Cam Ranh, vịnh Văn Phong), các khu điểm du lịch quan trọng có khả năng thu hút khách lớn.

Để có vốn đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng du lịch, tỉnh Khánh Hòa một mặt cần dùng quĩ đất để tạo nguồn vốn thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn NSNN, mặt khác cần mạnh dạn vay nợ bổ sung nguồn vốn đầu tư. Bởi vì nếu chỉ tập trung sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong dự toán ngân sách hàng năm thì các công trình phải kéo dài nhiều năm mới hoàn thành, gây ứ đọng vốn đầu tư và như thế việc đầu tư trở nên không hiệu quả. Do đó, tỉnh cần mạnh dạn vay vốn đầu tư trên cơ sở phát hành trái phiếu công trình hoặc có thể phát hành trái phiếu quốc tế để đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng. Việc vay này sẽ có tác dụng tập trung thêm nguồn vốn cho đầu tư công trình lớn và tạo ra sức ép phải trả nợ vào các năm sau nên kích thích tính sáng tạo và quyết tâm của tỉnh thúc đẩy phát triển kinh tế, chống thất thu ngân sách để có nguồn trả nợ. Vì vậy, trong thời gian tới tỉnh cũng cần phải nghiên cứu

phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu công trình để thực hiện xã hội hóa vốn đầu tư vào các công trình trọng điểm du lịch.

3.4.3. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch, hợp tác liên kết vùng, tìm kiếm và mở rộng thị trường:

3.4.3.1. Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá du lịch

Kinh nghiệm các nước Đông Á cho thấy công tác vận động phải luôn đi trước một bước và được xúc tiến có hiệu quả sẽ có tác dụng góp phần đáng kể trong việc khơi tăng nguồn vốn đầu tư và khả năng lựa chọn đúng đối tác. Công tác vận động càng trở nên cấp bách hơn một khi sự thu hút đầu tư thể hiện tính chất cạnh trang khá gay gắt giữa các nước.

Công tác xúc tiến quảng bá cần phải được chuyên nghiệp và chủ động hơn. Các sự kiện chính trị văn hóa kết hợp du lịch phải được chuẩn bị bài bản, thật sự tạo ấn tượng sâu đậm cho khách du lịch, huy động được sự hưởng ứng và đóng góp của doanh nghiệp; tích cực tham gia các tổ chức du lịch quốc tế và khu vực, thường xuyên tham gia các hội chợ, triển lãm, hội thảo, festival trong và ngoài nước, thông qua đó quảng bá, tuyên truyền, kêu gọi đầu tư, giao lưu rộng rãi với bạn bè quốc tế, tìm đối tác kinh doanh cũng như tìm thị trường và nguồn khách du lịch. Tăng cường và mở rộng hợp tác, liên doanh trong và ngoài nước để tranh thủ kinh nghiệm, vốn và nguồn khách góp phần đưa du lịch của tỉnh cùng với du lịch của cả nước nhanh chóng hội nhập và đuổi kịp sự phát triển chung về du lịch của khu vực và thế giới. Thường xuyên liên hệ với đại diện du lịch Việt Nam ở các nước ngoài (nơi đã có), với Cục Xúc tiến du lịch để tăng cường tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước, xây dựng và phát hành rộng rãi các phim ảnh tư liệu về lịch sử, văn hóa, các di tích, các danh lam, thắng cảnh, các làng nghề, lễ hội... để giới thiệu về du lịch của tỉnh. Ưu tiên cấp kinh phí ngân sách cho hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch để thực hiện nghiên cứu tâm lý, thị hiếu, tập quán,

thói quen tiêu dùng của các đối tượng khách làm cơ sở xây dựng sản phẩm và hình thức tuyên truyền quảng bá phù hợp với mỗi loại thị trường. Đề nghị cấp chi từ 1-2% trên tổng doanh thu du lịch hàng năm cho công tác hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch. Tổ chức phối hợp các hoạt động quảng cáo riêng lẻ cuả các doanh nghiệp tạo tiếng nói chung về du lịch của tỉnh. Thuê các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp xây dựng chiến lược quảng bá cũng như thực hiện tổ chức các sự kiện lớn của tỉnh.

3.4.3.2. Hợp tác, liên kết vùng

Du lịch là ngành kinh tế mang tính liên vùng vì vậy phối hợp liên kết vùng là hướng mở phát triển du lịch cho các địa phương nói chung và Khánh Hòa nói riêng. Du lịch Khánh Hòa là một cực của Trung tâm du lịch Nha Trang - Ninh Chữ - Đà Lạt, ngoài ra mối quan hệ giữa Du lịch Khánh Hòa với du lịch TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh duyên hải miền Đông Nam Bộ như Bình Thuận, Bà Rịa - Vũng Tàu...không thể thiếu được trong hướng phát triển du lịch tỉnh trong những năm tiếp theo. Trong mối liên kết vùng của du lịch Khánh Hòa đặc biệt là đối với các tỉnh Tây Nguyên, sản phẩm du lịch biển càng có vai trò đặc biệt. Liên kết vùng được thể hiện trong việc xây dựng tour và sản phẩm du lịch, trong việc phối hợp đào tạo nhân lực du lịch, trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ... Phải tạo thành "sân chơi chung" cho du lịch các tỉnh trong khu vực để vươn lên nhiều mặt. Chính vì vậy, mối liên kết vùng du lịch với các tỉnh Tây Nguyên và TP. Hồ Chí Minh là một trong những giải pháp quan trọng trong việc thu hút đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa.

3.4.3.3. Tìm kiếm và mở rộng thị trường

Để thực hiện giải pháp này cần có các chiến lược về sản phẩm và thị trường với việc tiếp tục xem xét lựa chọn chiến lược sản phẩm và thị trường phù hợp với một số phương án đã được quy hoạch 1996-2010 đề cập, như sau:

* *Chiến lược sản phẩm cũ, thị trường cũ:* Chiến lược sản phẩm cũ thị trường cũ là tiếp tục phát triển các sản phẩm đã khai thác cho những thị trường khách du lịch quen thuộc. Như vậy, với chiến lược này, cần thiết phải có những chính sách thích hợp và đầu tư thỏa đáng nhằm nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch của tỉnh. Ngoài ra cũng cần có những chính sách giá cả phù hợp để khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm du lịch. Cho đến nay, thị trường khách quốc tế của Khánh Hoà phần lớn là bà con Việt Kiều, khách Đài Loan, Pháp, Trung Quốc, Hongkong và Mỹ gần đây là thị trường Nga và một số nước SNG. Mặc dù phần lớn khách này thuộc nhóm khách có yêu cầu cao trong dịch vụ và thưởng thúc các sản phẩm du lịch, tuy nhiên họ đã phần nào chấp nhận và quen với những sản phẩm du lịch của Việt Nam nói chung và của Khánh Hoà - Nha Trang nói riêng.

* *Chiến lược sản phẩm cũ, thị trường mới:* Chiến lược sản phẩm cũ thị trường mới là tiếp tục phát triển các sản phẩm đã khai thác cho những thị trường khách du lịch mới. Như vậy, với chiến lược này, cần thiết phải đẩy mạnh quảng bá du lịch ở các thị trường tiềm năng như Nhật, Úc, các nước châu Âu. Tuy nhiên chiến lược này gặp nhiều khó khăn trong tuyên truyền quảng cáo cũng như triển vọng thực hiện lâu dài là thấp.

* *Chiến lược sản phẩm mới, thị trường cũ:* Chiến lược sản phẩm mới thị trường cũ là phát triển sản phẩm du lịch mới cho những thị trường khách du lịch quen thuộc. Đây là chiến lược có nhiều khả năng thực thi hơn cả vì chỉ có đa dạng hóa sản phẩm du lịch mới có khả năng ngăn được sự nhàm chán và giảm sút của thị trường khách cũ, đồng thời có sức hấp dẫn thu hút đối với những thị trường khách mới.

* *Chiến lược sản phẩm mới, thị trường mới:* Chiến lược sản phẩm mới, thị trường mới là đồng thời phát triển sản phẩm du lịch mới kết hợp khai thác thị trường khách du lịch chưa đến Khánh Hoà. Chiến lược này đòi hỏi phải có sự đầu tư lớn cho việc đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, cho

công tác tuyên truyền quảng cáo để tìm thị trường mới. Trong điều kiện cụ thể hiện nay ở Việt Nam nói chung và ở Khánh Hoà nói riêng, chiến lược này ít có khả năng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

3.4.4. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ du lịch.

Du lịch là một ngành kinh tế đòi hỏi có sự giao tiếp rộng và trực tiếp hơn đối với khách, đòi hỏi trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ giao tiếp của cán bộ, nhân viên trong ngành, đặc biệt là hướng dẫn viên, lễ tân... hết sức cao. Để đáp ứng được yêu cầu trên, cần phải có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể về đào tạo mới và đào tạo bổ túc, nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ nhân viên. Những hướng để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho ngành du lịch trước mắt cũng như lâu dài bao gồm:

Trước tiên, chính doanh nghiệp phải đáp ứng đòi hỏi của thị trường, tức là tự đào tạo nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của mình, chứ không chỉ trông chờ vào các cơ sở đào tạo.

Tiếp theo, chính quyền địa phương cần có chiến lược phát triển nguồn nhân lực cho ngành thông qua kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cho đội ngũ quản lý nhà nước, quản lý doanh nghiệp, lao động kỹ thuật nghiệp vụ du lịch. Nên định kỳ mở các khoá đào tạo, bồi dưỡng dưới các hình thức ngắn hạn, dài hạn, tại chỗ và ở các địa phương khác trong nước, ngoài nước, tìm hiểu kinh nghiệm thực tế, hội thảo, diễn đàn, cấp học bổng du học, thu hút chuyên gia từ các nơi khác trong nước, nước ngoài đến giảng dạy... và khẩn trương xây dựng hoàn thành trường Trung học nghiệp vụ du lịch tại Nha Trang.

Ngoài ra, tỉnh cần triển khai chương trình giáo dục du lịch toàn dân để nâng cao nhận thức về hoạt động du lịch, và làm du lịch, tinh thần tự hào dân tộc, giữ gìn bản sắc văn hoá, lòng tôn trọng, hiếu khách, cởi mở, giữ gìn môi trường... thông qua việc thông tin, tuyên truyền rộng rãi trong công

chúng trên các phương tiện thông tin đại chúng và các hình thức tuyên truyền khác.

Đối với hướng dẫn viên du lịch là các đoàn khách nước ngoài, các doanh nghiệp có thể ký hợp đồng với những người Việt Nam đã ra nước ngoài học tập và làm việc để cùng tham gia hướng dẫn. Có thể xin phép Nhà nước cấp phép có thời hạn cho những người nước ngoài sống và làm việc tại Nha Trang có am hiểu về ngôn ngữ, văn hoá, phong tục, lịch sử địa phương để họ trở thành hướng dẫn viên. Đây cũng chính là biện pháp chống hướng dẫn viên chui hiệu quả nhất, đồng thời làm tăng lực lượng hướng dẫn viên.

3.4.5. Các doanh nghiệp du lịch cần phải đa dạng và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch trên cơ sở khai thác mạnh lợi thế so sánh về tài nguyên du lịch của địa phương.

Sản phẩm du lịch gắn với thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng biển: Du lịch biển là thế mạnh truyền thống của tỉnh cần được tiếp tục ưu tiên đầu tư phát triển. Du lịch biển, bao gồm cả du lịch đảo được phát triển ở dải ven biển từ Vân Phong, Vịnh Nha Trang và Cam Ranh với việc chú trọng phát triển các loại hình du lịch thể thao, khám phá đáy biển, lướt ván, đua thuyền, vui chơi giải trí, du lịch tàu biển…đặc biệt lưu ý xây dựng thương hiệu các bãi biển có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế và khách nghỉ cuối tuần từ các đô thị lớn như bãi tắm Đại Lãnh, Dốc Lết – Vân Phong, bãi tắm Nha Trang, bãi Trũ - Hòn Tre và bãi Dài - Cam Ranh.

Ngoài ra, du lịch thương mại công vụ kèm theo những sự kiện đặc biệt cũng là thế mạnh của du lịch Khánh Hoà cần được ưu tiên đầu tư, đặc biệt là khu vực vịnh Nha Trang.

Sản phẩm du lịch gắn với khai thác giá trị văn hoá, tài nguyên nhân văn.

- Thực hiện đầu tư, tôn tạo và thực hiện nghiêm túc công tác bảo về cảnh quan, môi trường, tính tôn nghiêm cho các di tích văn hoá, lịch sử cách mạng, các danh lam thắng cảnh và các điểm tham quan. Xây dựng các phương án cụ thể triển khai phục hồi làng nghề truyền thống: gốm, nón, chiếu, thủ công mỹ nghệ... tại một số địa phương tiêu biểu. Đẩy mạnh sản xuất và đưa vào tiêu thụ tại các cơ sở du lịch các hàng lưu niệm mang nét độc đáo riêng của Nha Trang - Khánh Hoà.

- Xây dựng làng du lịch văn hoá của các dân tộc, kết hợp du lịch với các khu nông nghiệp kỹ thuật cao, các công trình thuỷ lợi như: Hồ Suối Dầu, Cam Ranh, Đá Bàn... Lồng ghép tính thẩm mỹ, hiện đại và bản sắc dân tộc khi xây dựng công trình kiến trúc trong các khu du lịch. Việc hình thành các khu du lịch sinh thái và cơ sở hạ tầng liên quan cần khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ thực hiện.

- Xây dựng kế hoạch triển khai phục hồi các hoạt động văn hoá nhân dịp lễ, Tết và các lễ hội truyền thống đặc biệt của địa phương: Lễ hội Tháp Bà Pô Nagar, lễ hội Am Chúa, lễ hội nghinh cá Ông kết hợp với hò Bá trạo...

Sản phẩm du lịch tham quan, nghiên cứu về hệ sinh thái.

Tạo điều kiện cho khách du lịch tham quan, nghiên cứu hệ sinh thái biển tại khu bảo tồn biển Vịnh Nha Trang và Rạng Trào - Vân Phong; hệ sinh thái rừng, hồ, thác tại các khu núi phía Tây thuộc các huyện Ninh Hoà, Khánh Vĩnh, Diên Khánh, Khánh Sơn.

Ngoài ra, trong giai đoạn 2006 - 2010 sẽ từng bước phát triển loại hình du lịch công vụ, hội nghị, hội thảo, nghiên cứu, hội chợ... tập trung tại thành phố Nha Trang, Bãi Dài - Cam Ranh và khu Trung tâm dịch vụ và hậu cần cảng tại khu phi thuế quan thuộc khu kinh tế tổng hợp vịnh Vân Phong.

3.4.6. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư lành mạnh.

Sự nỗ lực chủ quan từ hệ thống cơ quan hành chính nhà nước có tác động rất lớn đến thu hút đầu tư, trong nhiều trường hợp có tính vượt trội hơn cả chính sách ưu đãi, những hỗ trợ cụ thể hay cơ sở hạ tầng hiện đại. Thực tế trong thời gian qua có nhiều chính sách thu hút đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khá hiện đại, ban hành nhiều chính sách thu hút đầu tư hấp dẫn nhưng khối lượng thu hút, huy động vốn đầu tư lại không đáng kể; trong khi đó nhiều địa phương lại chú trọng đến cải cách thủ tục hành chính, nâng ý thức trách nhiệm của các nhà lãnh đạo địa phương và hệ thống cơ quan thừa hành, thực hiện một cách triệt để các cam kết và trực tiếp thao gỡ các rào cản vô hình dù ở bất cứ cấp nào gây ra đã tạo được lòng tin đối với các nhà đầu tư và đem lại những kết quả tương xứng.

Nguồn vốn đầu tư giảm sút có nguyên nhân về mặt chủ quan thuộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý tỉnh Khánh Hòa do chậm cải thiện môi trường đầu tư, chậm xử lý các vấn đề phát sinh, để kéo dài tình trạng thủ tục hành chính phiền hà, nhũng nhiễu. Cho nên cần phải thực hiện:

- Nhất quán trong tư tưởng và hành động về quan điểm thu hút, huy động, khuyến khích đầu tư. Xem đây là trách nhiệm của mọi cán bô lãnh đạo, nhân viên các ngành các cấp. Khi giải quyết công việc cụ thể có liên quan đến việc đầu tư phải đặt quyền lợi nhà đầu tư lên trên hết. Điều cần thiết là thái độ rõ ràng, dứt khoát của các nhà lãnh đạo địa phương, có như vậy mới xóa được những rào cản vô hình từ những tắc trách, nhũng nhiễu của cấp thừa hành.

- Nâng cao năng lực, thái độ làm việc của cán bộ, cơ quan thừa hành. Phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ có đủ năng lực giải quyết các công việc cụ thể có liên quan đến thu hút đầu tư. Chấn chỉnh thái độ làm việc tắc trách, được chăng hay chớ, suy nghĩ theo cơ chế "xin – cho" khi

giải quyết công việc có liên quan đến doanh nghiệp, đến các nhà đầu tư. Kiên quyết xử lý, đưa ra khỏi bộ máy các cán bộ công nhân viên không đủ năng lực và thiếu trách nhiệm.

- Các Sở, Ban, Ngành, Chính quyền các cấp phải tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn các quy định của tỉnh Khánh Hòa, tạo sự chuyển biên căn bản cải thiện môi trường đầu tư. Cải cách triệt để thủ tục hành chính, tạo môi trường minh bạch, lành mạnh, an toàn trong đầu tư. Có làm được điều này mới hạn chế được sự "dựa dẫm" vào những quy định không rõ ràng của thủ tục hành chính mà cán bộ nhân viên thừa hành gây khó khăn sách nhiễu .

- Nâng cao nhận thức của người dân về chính sách thu hút đầu tư của đất nước, của địa phương để tạo được sự đồng tình ủng hộ và sự tham gia của cộng đồng trong công tác thu hút đầu tư cho ngành du lịch tỉnh Khánh Hòa.

- Ngoài ra, chính quyền tỉnh kiên quyết xóa bỏ các dự án treo và thu hồi đất đối với các nhà đầu tư không đủ năng lực tài chính bằng cách qui định khi đấu thầu các dự án khuyến khích đầu tư, các chủ đầu tư phải ký quỹ bằng 5% giá trị đất của dự án và chứng minh năng lực tài chính có thể đầu tư dự án. Nếu sau 2 năm không khởi động dự án thì phần ký quỹ sẽ sung vào NSNN và sẽ mời nhà đầu tư khác đầu tư.

3.4.7. Tăng cường công tác hỗ trợ các nhà đầu tư hiện có

Tỉnh Khánh Hòa không chỉ thực hiện nỗ lực thu hút đầu tư mà chúng ta còn tạo ra mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp đã đầu tư tiếp tục phát triển tốt các hoạt động kinh doanh của mình. Nếu chúng ta thực hiện tốt được nghiệp vụ này thì chính các doanh nghiệp kể trên sẽ trở thành một trong những cầu nối thu hút các nhà đầu tư mới đến làm ăn tại tỉnh Khánh Hòa.

Nhằm thực hiện nâng cao hiệu quả của công tác hỗ trợ các nhà đầu tư cần chú trọng đến việc hướng dẫn doanh nghiệp tìm đến đúng địa chỉ cơ quan quản lý Nhà nước cần thiết. Giải pháp này nên được thực hiện bởi Trung tâm xúc tiến đầu tư du lịch tỉnh Khánh Hòa hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư trong việc tìm kiếm thông tin về môi trường đầu tư của tỉnh Khánh Hòa. Hướng dẫn thủ tục, quy trình đầu tư vào tỉnh Khánh Hòa (soạn thảo và phát hành sách Guide Book cho các nhà đầu tư nước ngoài).

- Can thiệp, hướng dẫn nhà đầu tư khi có vướng mắc, khó khăn thông qua việc giúp đỡ về văn bản (gửi công văn đến các sở, ngành giới thiệu, hoặc lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Khánh Hòa trong trường hợp có kho khăn…)

- Tập hợp các vướng mắc, khó khăn của doanh nghiệp gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước của tỉnh Khánh Hòa và sau đó, biên soạn; hiệu đính, dịch thuật và in ấn phát hành sách về các vướng mắc này và phát miễn phí cho doanh nghiệp.

- Duy trì thường xuyên việc tiếp xúc, đối thoại trực tiếp qua mạng.

Tóm lại: Thực hiện tốt và đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần to lớn trong việc huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa đến năm 2020, từ đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế địa phương và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Bên cạnh đó, với tốc độ tăng trưởng của ngành du lịch sẽ là đầu tàu kéo theo các ngành kinh tế liên quan phát triển theo, do đó góp phần phát triển kinh tế xã hội ngày càng bền vững, giữ vững an ninh quốc phòng và an toàn xã hội ở địa phương.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trên cơ sở mục tiêu và định hướng của ngành du lịch Khánh Hòa đến năm 2020, chương này tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa không những huy từ nguồn vốn trong nước qua kênh ngân sách nhà nước, tiết kiệm trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian… mà còn chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn đầu tư mạo hiểm, nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hổ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư như tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đạo tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư…

KẾT LUẬN

Với mục tiêu của đề tài là thu hút các nguồn vốn vào ngành du dịch lịch Khánh Hòa, trên cơ sở vận dụng tổng hợp các phương pháp để nghiên cứu, đề tài ***"Thu hút vốn đầu tư để phát triển du lịch Khánh Hòa đến năm 2020"*** đã hoàn thành những nội dung sau đây:

Giới thiệu tổng quan về đầu tư, cách phân loại đầu tư, chỉ ra các nguồn vốn phục vụ đầu tư cũng như ưu nhược điểm của từng nguồn vốn đầu tư;

Tác giả cũng tìm hiểu khái niệm về du lịch và chỉ ra sự cần thiết phải thu hút các nguồn vốn để phát triển du lịch, cũng như tổng hợp các nhân tố có ảnh hưởng đến việc thu hút đầu tư vào ngành du lịch;

Bên cạnh đó, tác giả cũng tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm thu hút các nguồn vốn cho đầu tư vào ngành du lịch của một số quốc gia có hoạt động du lịch phát triển trong khu vực Asean, trên cơ sở đó rút ra một số bài học kinh nghiệm thiết thực trong quá trình huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư phát triển du lịch tại Khánh Hòa.

Trên cơ sở phát triển ngành du lịch Khánh Hòa trong giai đoạn 2001-2007, cũng như phân tích những lợi thế và hạn chế nguồn tài nguyên du lịch, môi trường đầu tư… hiện có tại địa phương, thực trạng huy động các nguồn vốn tài trợ cho đầu tư phát triển du lịch trong thời gian qua ở Khánh Hòa, tác giả đã chỉ ra những hạn chế, vướng mắc cần khắc phục. Trong đó nổi bật là sự bất cập trong huy động vốn đầu tư cho hạ tầng cơ sở du lịch, sự mất cân đối trong thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, những vướng mắc trong triển khai dự án.

Với mục tiêu và định hướng của ngành du lịch Khánh Hòa đến năm 2020, tác giả đã mạnh dạn đưa ra hệ thống các giải pháp huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển du lịch Khánh Hòa nhanh, bền vững và đúng hướng trong giai đoạn từ nay đến năm 2020, cần huy động vốn không những từ nguồn vốn trong nước qua kênh ngân sách nhà nước, tiết kiệm

trong doanh nghiệp và dân cư, từ các định chế tài chính trung gian… mà còn chỉ ra huy động vốn từ nước ngoài bằng cách thu hút nguồn vốn dầu tư mạo hiểm, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Đồng thời tác giả cũng đưa ra các giải pháp hổ trợ cho việc thu hút vốn đầu tư như tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, hoàn thiện qui hoạch và quản lý qui hoạch phát triển du lịch, đạo tạo phát triển nguồn nhân lực cho ngành du lịch, cải cách thủ tục hành chính, lành mạnh môi trường đầu tư…

Từ những kết luận trên cho thấy, để đáp ứng nhu cầu đầu tư vốn cho ngành du lịch Khánh Hòa từ nay cho đến năm 2020, với mục tiêu đưa du lịch trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của địa phương, cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp trong việc thực hiện những chiến lược phát triển đã đề ra, trong đó công tác huy động vốn phải được đẩy mạnh để tăng cường đầu thúc đẩy ngành du lịch phát triển nhanh, cân đối và bền vững trong tương lai.

Những đề xuất nghiên cứu tiếp theo:

- Khảo sát các doanh nghiệp du lịch để tìm hiểu hiệu quả đầu tư kinh tế, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ kinh doanh du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.

- Khảo sát các nguồn vốn sử dụng phù hợp đối với mà từng loại hình doanh nghiệp kinh doanh du lịch và mối quan hệ giữa vốn đầu tư vào ngành du lịch với việc thu hút khách du lịch tại tỉnh Khánh Hòa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. SÁCH, LUẬT VÀ CÁC BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG DU LỊCH TẠI KHÁNH HÒA:

1. PGS.TS Sử Đình Thành, TS. Vũ Thị Minh Hằng (2006), Nhập môn Tài chính - Tiền tệ, NXB Đại học quốc gia TP Hồ Chí Minh.

2. PGS.TS Võ Thanh Thu, Nguyễn Thị Mỵ (2001), Kinh tế doanh nghiệp và phân tích hoạt động kinh doanh, NXB Thống kê.

3. TS. Nguyễn Hồng Giáp (2002), Kinh tế du lịch, NXB Trẻ.

4. TS. Phạm Văn Năng, TS. Trần Hoàng Ngân, TS. Sử Đình Thành (2002), Sử dụng các công cụ tài chính để huy động vốn cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đến năm 2020, NXB Thống kê.

5. PGS.TS. Trần Ngọc Thơ – TS Nguyễn Ngọc Định (2005), Tài chính quốc tế, NXB Thống kê.

6. Nguyễn Đình Tài (1997), Sử dụng các công cụ tài chính để huy động vốn cho đầu tư phát triển, NXB Tài chính, Hà Nội.

7. UBND tỉnh Khánh Hòa, Sở Du lịch – Thương mại (2006), Điều chỉnh qui hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Khánh Hòa đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 (Báo cáo tóm tắt).

8. Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa (2005), Báo cáo thực hiện chương trình phát triển du lịch Khánh Hòa 2001 – 2005.

9. Cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa (2007), Niên giám thống kê Khánh Hòa 2006.

10. Quốc Hội (2005), Luật du lịch, luật số 44/2005/QH11.

11. Quốc Hội (2005), Luật đầu tư, luật số 59/2005/QH11.

II. WEBSITE:

1. Tổng cục Du lịch

http://www.vietnamtourism.gov.vn/

2. Sở Du lịch tỉnh Quảng Ninh

http://www.halong.com/

3. Sở Du lịch Hà Nội

http://www.hanoitourism.gov.vn/

4. Sở Du lịch TP Đà Nẵng

http://www.danangtourism.gov.vn/

5. Sở Du lịch – Thương mại tỉnh Khánh Hoà

http://www.khanhhoa.vietnamtourism.com/

6. Sở Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh

http://www.tourism.hochiminhcity.gov.vn/

7. Ngân hàng nhà nước Việt Nam

http://www.sbv.gov.vn/vn/CdeQLNH/tygia.jsp

8. Cục thống kê TP HCM

http://www.pso.hochiminhcity.gov.vn/

9. Báo đầu tư Việt Nam

http://www.vninvest.com/

10. Báo Việt Nam net

http://vasc.com.vn/kinhte/chinhsach/2006/02/542748/

PHỤ LỤC

Bản đồ 1.PL: Bản đồ du lịch tỉnh Khánh Hòa

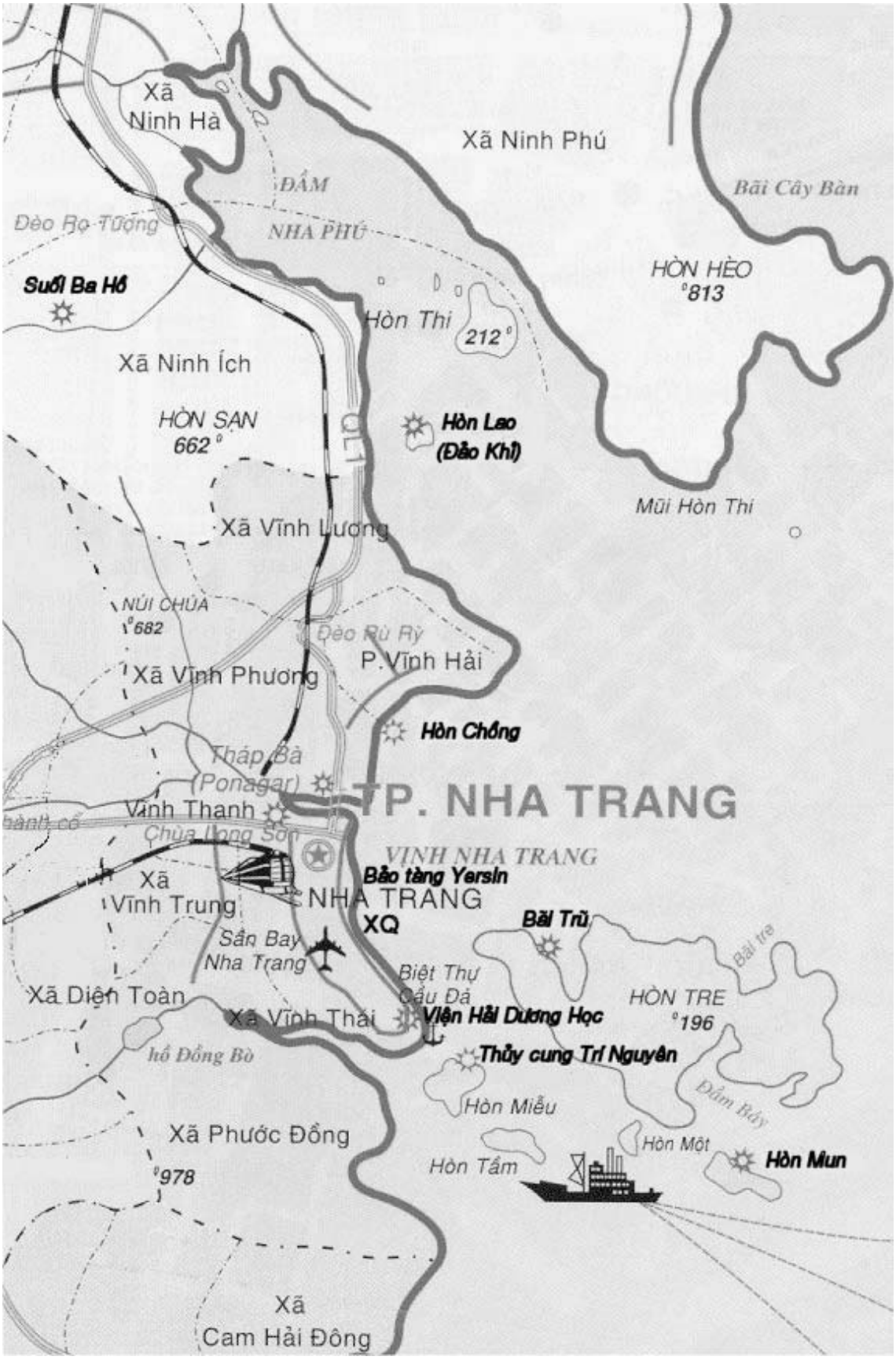

Bảng1.PL. Du khách và doanh thu ngành du lịch Khánh Hòa giai đoạn 2001 -2007

Năm	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007*
Tổng khách du lịch (ngàn lượt)	495,00	539,83	584,13	699,42	902,47	1.088,80	1.036,42
Doanh thu du lịch (Tỷ đồng)	246,11	297,27	360,20	456,00	643,74	834,40	1.020,16
Tốc độ tăng trưởng (%)	23,75	20,79	21,17	26,60	41,17	30,49	21,43

(Nguồn: Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa;

(*): số liệu ước thực hiện năm 2007)

Bảng 2.PL: Tình hình lạm phát Việt Nam và CPI qua các năm

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008(*)
Lạm phát	3,4	1,9	4,0	5,4	9,5	8,4	6,7	12,6	22
CPI	-1,6	-0,14	4,0	3,3	9,0	7,2	6,6	12,63	-

(Nguồn : Ngân hàng phát triển Châu A; (*) dự báo của Quốc hội tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội XII, 5/2008)

Bảng 3. PL: Cơ cấu kinh tế tỉnh Khánh Hòa từ năm 2000 đến 2007

Ngành nghề	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007
Công nghiệp, xây dựng (%)	35,31	37,40	38,60	39,26	40,65	41,58	41,54	42,38
Du lịch, dịch vụ(%)	37,82	38,20	39,50	39,48	40,13	40,50	40,05	41,47
Nông, lâm nghiệp, thủy sản (%)	26,87	24,40	21,90	21,26	19,22	17,92	18,41	16,15
Tổng cơ cấu (%)	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Niên giám thống kê 2006 của cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa

Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2007)

Bảng 4.PL: Tác động của thu hút đầu tư vào du lịch đối với hoạt động kinh tế xã hội của tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2001 - 2007

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007(*)
1. Tổng sản phẩm du lịch	triệu đồng	442.956	510.000	479.261	574.711	673.528	838.233	952.282
2. Tổng sản phẩm toàn tỉnh	triệu đồng	7.285.371	8.931.193	9.737.436	11.460.703	13.397.489	15.608.412	18.184.200
3. Tỷ trọng GDP du lịch/tỉnh	**%**	**6,08**	**5,71**	**4,92**	**5,01**	**5,03**	**5,37**	**5,24**
4. Số thu NSNN du lịch	triệu đồng	186.570	209.650	262.400	334.840	371.700	427.455	504.545
5. Số thu NSNN tỉnh	triệu đồng	2.096.456	2.624.045	3.348.418	4.111.578	4.001.534	4.084.576	4.126.740
6. Tỷ trọng NSNN du lịch/tỉnh	**%**	**8,90**	**7,99**	**7,84**	**8,14**	**9,29**	**10,47**	**12,23**
7. Số lao động	**người**	**2.850**	**3.800**	**4.354**	**4.660**	**5.200**	**6.032**	**6.920**

(Nguồn: Niên giám thống kê 2006 của cục Thống kê tỉnh Khánh Hòa; Sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa

Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tỉnh Khánh Hòa năm 2007, (*) là số liệu ước tính đến cuối năm 2007)

Bảng 5.PL: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tỉnh đến 31/12/2007

MÃ SỐ	HÌNH THỨC	Nước	DOANH NGHIỆP	TÌNH TRẠNG	MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG	SỐ GIẤY PHÉP	NGÀY CẤP	THỜI HẠN (NĂM)	VỐN ĐẦU TƯ (USD)
DL	NN	Malaysia	CTY KS LODGE	A	Kinh doanh khách sạn	580/GP	1993	30	6.807.032
DL	LD	Japan	CTY LD SÀI GÒN NHA TRANG	A	Kinh doanh khách sạn	2149/GP	2000	40	7.800.000
DL	NN	Russia	CTY RUSALKA	C	Kinh doanh khách sạn	2178/GP	2000	40	15.000.000
DL	BCC	Canada	HDHTKD TRUNG TAM DV & DULỊCH	A	Dịch vụ du lịch	27/ GP – KH	2003		107.000
DL	LD	Australia	Cty TNHH LD CLB BƠI THUYỀN NT	A	Dịch vụ du lịch	32/GP-KH	2003		300.000
DL	NN	France	Cty TNHH EL COYOTE	A	Du lịch lặn biển, nhà hàng	36/GP-KH	2005	30	400.000
DL	NN	U.K	Cty TNHH CẦU VÒNG VIỆT NAM	A	Dịch vụ bơi lặn biển	34/GP-KH	2005	30	500.000
DL	LD	Thailand	KINH DOANG DỊCH VỤ THUYỀN BUỒM VIỆT NAM	B	Kinh doanh dịch vụ thuyền buồm	2608/GCNĐT	2006	10	699.578
DL	NN	Japan	CTY TNHH DU LỊCH NGỌC TRAI SÀI GÒN	B	Du lịch và khu nghỉ mát	372022000002	2006	30	5.000.000
									36.613.610

(Nguồn: Sở Kế hoạch và Đầu tư Khánh Hòa)

Bảng 6.PL: BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN DU LỊCH KHÁNH HÒA
Giai đoạn 2006 – 2010

STT	DANH MỤC	Kinh phí dự kiến (tỷ đồng)				Đơn vị chủ trì	Ghi chú
		Tổng	*NS*	*DN*	*Khác*		
1.	**Công tác quy hoạch du lịch**	**0,55**	**0,55**				
1.1	Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Khánh Hòa đến năm 2010 có tầm nhìn đến năm 2020.	0,3	0,3			Sở DL – TM Khánh Hòa	Triển khai trong năm 2006
1.2	Xây dựng Quy hoạch cụ thể phát triển khu du lịch Cam Ranh.	0,15	0,15			Ban QL Bắc bán đảo Cam Ranh	
1.3	Xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư phát triển hoạt động du lịch phù hợp với Quy hoạch Khu kinh tế Vịnh Vân Phong đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt.	0,05	0,05			Ban QL khu KT Vân Phong	
1.4	Xây dựng kế hoạch triển khai đầu tư phát triển du lịch cụm khu vực Diên Khánh – Khánh Vĩnh.	0,05	0,05			Sở DL – TM Khánh Hòa phối hợp cùng UBND huyện Diên Khánh, Khánh Vĩnh	
2.	**Đầu tư các dự án du lịch**	**11.718**	**1.350**	**10.368**			
2.1	Các dự án đầu tư mới	9.268		9.268			

2.1.1	*Nha Trang*	3.763		3.763		Các đơn vị kinh doanh Du lịch	Kêu gọi đầu tư
2.1.2	*Diên Khánh*	30		30			
2.1.3	*Khánh Vĩnh*	345		345			
2.1.4	*Khánh Sơn*	10		10		Các đơn vị kinh doanh Du lịch	Kêu gọi đầu tư
2.1.5	*Ninh Hoà*	99		99			
2.1.6	*Vạn Ninh*	910		910			
2.1.7	*Cam Ranh*	4.111		4.111			
2.2	Nâng cấp chất lượng dịch vụ tại các khách sạn, khu du lịch	300		300		Các đơn vị, cơ sở KDDL	
2.3	Đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại.	500		500			
2.4	Đầu tư năng lực vận chuyển và cơ sở hạ tầng du lịch	1.650	1.350	300			
2.4.1	***Đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch cho 3 khu vực trong điểm Nha Trang,Cam Ranh và Vân Phong***	1.350	1.350				
2.4.2	***Đầu tư năng lực vận chuyển***	300		300		Ngành chủ quản và các doanh nghiệp đầu tư	
3.	**Công tác thông tin, quảng cáo, tiếp thị du lịch**	**19**	**15**	**4**		Sở Du lịch – Thương mại Khánh Hòa	
4.	**Phát triển loại hình du lịch văn hóa**	**6**	**3**	**2,4**	**0,6**	Sở Du lịch – Thương mại, Sở Văn hóa Thông tin và các đơn vị du lịch	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng dự án và kinh phí đầu tư cụ thể

5.	**Bảo vệ môi trường du lịch**	**10**	**10**			Sở Du lịch – Thương mại, UBND tp.Nha Trang, Sở Tài nguyên Môi trường	Đơn vị chủ trì chịu trách nhiệm xây dựng dự án và kinh phí đầu tư cụ thể
6.	**Công tác tổ chức, đào tạo cán bộ và giáo dục nâng cao dân trí**	**3,5**	**1**	**2,5**		Sở Giáo dục và đào tạo và các đơn vị du lịch	
TỔNG CỘNG		**11.757.05**	**1.379,55**	**10.376,9**	**0,6**		

(Nguồn: Sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa)

Bảng 7.PL:CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG DU LỊCH GIAI ĐOẠN 2006-2010

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Tên công trình	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Dự kiến vốn đầu tư các năm					Nguồn vốn đầu tư
				2006	2007	2008	2009	2010	
TỔNG CỘNG			**1350**	**38,95**	**220,35**	**434**	**383,7**	**273**	
I. VỐN NGÂN SÁCH ĐẦU TƯ			**589**	**17,15**	**81,85**	**174**	**190**	**126**	
1	Dự án cây xanh trong giải phân cách đại lộ Nguyễn Tất Thành		7	7					Xin hỗ trợ 60 tỷ đồng (15 tỷ đồng/năm và hỗ trợ trong 4 năm từ 2007 đến 2010) từ nguồn vốn ngân sách trung ương cho
2	Dự án tuyến đường nhánh (1/2 phía nam)		240		30	80	80	50	

3	Dự án tuyến đường nhánh (1/2 phía Bắc)	Bãi Dài – Cam Ranh	240		30	80	80	50	các dự án cơ sợ hạ tầng du lịch. Nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng đất các lô D15, D16, D17 của khu Bãi Dài.
4	Dự án kỳ quan và cây xanh dọc đại Nguyễn Tất Thành		30			10	10	10	
5	Dự án nâng cấp, mở rộng đường vào khu du công viên YangBay – HoCho.	Huyện Khánh Vĩnh	22	10	12				Năm 2006 đã được cấp 15 tỷ từ nguồn vốn ngân sách trung ương cho đầu tư phát triển hạ tầng du lịch
6	Xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại khu vực bờ biển Nha Trang và các điểm du lịch trong thành phố.	Nha Trang	0,2	0,1	0,1				UBND thành phố Nha Trang thực hiện
7	Xây dựng 2 chòi cứu hộ tại khu vực bãi biển Nha Trang.	Nha Trang	0,1	0,5	0,5				
8	Hệ thống điện phục vụ việc mở rộng khai thác Khu du lịch Hòn Lao	KDL Hòn Lao	9,7		9.7				Ngân sách
9	Nâng cấp đường vào KDL suối nóng Trường Xuân và Ba Hồ	Ninh Hoà	20			2	10	8	Ngành Giao thông thực hiện
10	Nâng cấp đường vào KDL Suối Tiên, suối Bạch Đằng	Diên Khánh	20			2	10	8	
II. DOANH NGHIỆP ỨNG VỐN ĐẦU TƯ			**135**	**0,3**	**50**	**50**	**34,7**		

11	Dự án cấp điện khu du lịch	Bãi Dài – Cam Ranh	135	0,3	50	50	34,7		Tổng Cty Điện lực ứng vốn đầu tư và UBND tỉnh sẽ hoàn trả vào tiền thuê đất dự án của Công ty tại Bãi Dài
III. VỐN KÊU GỌI BOT HOẶC BT			**496**	**1,5**	**67,5**	**170**	**130**	**127**	
12	Dự án TN & xử lý nước thải	Bãi Dài – Cam Ranh	370		30	140	100	100	
13	Dự án hạ tâng nước thô phục vụ thi công khu du lich	Bãi Dài – Cam Ranh	36	1,5	34.5				
14	Xây mới Cầu tàu du lịch tour Sông Cái và 2 cầu tàu du lịch tham quan vịnh Nha Trang.	Nha Trang	90		3	30	30	27	
IV. VỐN ĐẦU TƯ CHO KHU VỰC VÂN PHONG			**130**	**20**	**21**	**40**	**29**	**20**	
15	Xây dựng mới Cảng du lịch Quốc tế Đầm Môn giai đoạn 2006-2010	Đảo Hòn Gốm - Vân Phong	100	20	20	20	20	20	Nguồn vốn theo nội dung mục 1 điều 20 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế tổng hợp Vân phong đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 92/2006/QĐ-TTg ngày 25/4/2006
16	Cầu tàu du lịch Dốc Lết	Ninh Hoà - Vân Phong	30		1	20	9		

(Nguồn: Sở Thương mại – Du lịch Khánh Hòa)